|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | |  | |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | |
| **CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021* | |

**BÁO CÁO QUỐC GIA**

**Về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2020**

**LỜI GIỚI THIỆU**

Thực hiện Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đến năm 2020, sau 15 năm, ứng dụng năng lượng nguyên tử và kỹ thuật hạt nhân trong các ngành kinh tế - xã hội của nước ta đã đạt được nhiều thành tựu và kết quả to lớn, đặc biệt là trong chẩn đoán và điều trị bệnh bằng các trang thiết bị và kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng công nghệ bức xạ trong các lĩnh vực công nghiệp, chiếu xạ thực phẩm và xử lý bức xạ, soi chiếu an ninh hải quan.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, an ninh có thể gây ảnh hưởng đến con người và môi trường. Vì vậy, cùng với việc đẩy mạnh các ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế-xã hội, chúng ta cần tăng cường công tác quản lý Nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ.

Theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử và Nghị định 142/2020/NĐ-CP quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, Bộ Khoa học và Công nghệ là Cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, trong đó tại Điều 8 đã quy định Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ KH&CN sẽ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Cục An toàn bức và hạt nhân với vai trò của Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân, trong những năm qua đã nỗ lực cố gắng trong việc hoàn thiện khuôn khổ luật pháp, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý trên các phương diện thanh tra, cấp phép, hỗ trợ kỹ thuật, anh ninh và thanh sát hạt nhân.

Để có thể đánh giá hiện trạng cũng như đề xuất các giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với các ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế-xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao Cục An toàn bức xạ và hạt nhân định kỳ hàng năm xây dựng Báo cáo quốc gia công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân. Trên cơ sở nội dung của Báo cáo, các cơ quan Đảng, Chính phủ, Bộ ngành sẽ có thêm căn cứ để đánh giá tình hình, hoạch định đường lối chính sách có liên quan tới công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh tại các cơ sở bức xạ và hạt nhân từ Trung ương đến địa phương, góp phần tạo niềm tin và sự ủng hộ của các ngành các cấp và người dân đối với các ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân xin báo cáo tình hình triển khai công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân trong năm 2020.

**Nguyễn Tuấn Khải**

**Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân**

MỤC LỤC

[I. XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT 6](#_Toc90501866)

[1.1. Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản năm 2020 6](#_Toc90501867)

[1.2. Sửa đổi Luật năng lượng nguyên tử 6](#_Toc90501868)

[1.3. Kết quả công tác xây dựng văn bản khác 7](#_Toc90501869)

[II. CẤP PHÉP 8](#_Toc90501870)

[1. Công tác cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử năm 2020 8](#_Toc90501871)

[*1.1. Công tác cấp phép* 8](#_Toc90501872)

[*1.3.* Công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố 9](#_Toc90501873)

[2. Một số khó khăn, thách thức 10](#_Toc90501874)

[- Hệ thống cấp phép trực tuyến cấp độ 3 (19 thủ tục) và 21 thủ tục triển khai trên môi trường mạng (chưa triển khai cấp độ 3) đã đưa vào hoạt động trong năm 2019, 2020 nhưng số lượng hồ sơ còn ít nên việc rà soát để hoàn thiện hệ thống vẫn được tiếp tục thực hiện; 10](#_Toc90501875)

[III. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM 12](#_Toc90501876)

[***1.1.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp*** 12](#_Toc90501877)

[***1.2.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT*** 13](#_Toc90501878)

[***1.3.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở nghiên cứu và đào tạo*** 13](#_Toc90501879)

[***1.4.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở y tế* *(y học hạt nhân, xạ trị và X-quang y tế)*** 14](#_Toc90501880)

[***1.5.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa vật lý, thăm dò khai thác quặng phóng xạ và các lĩnh vực khác*** 15](#_Toc90501881)

[**2.** **Hoạt động thanh tra của các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trong cả nước năm 2020** 16](#_Toc90501882)

[**3.** **Đánh giá chung về công tác thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2020** 17](#_Toc90501883)

[**4.** **Kiến nghị - đề xuất qua hoạt động thanh tra** 18](#_Toc90501884)

[IV. TRIỂN KHAI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ 20](#_Toc90501885)

[V. TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG BỨC XẠ VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ 25](#_Toc90501886)

[**1.** **Công tác kiểm soát chiếu xạ cá nhân** 25](#_Toc90501887)

[**2.** **Tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của Viện Nghiên cứu hạt nhân** 26](#_Toc90501888)

[3. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chiếu xạ công nghiệp** 30](#_Toc90501889)

[Hiện tại Việt Nam có 8 cơ sở chiếu xạ công nghiệp, đó là: 30](#_Toc90501890)

[4. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở xạ trị và y học hạt nhân** 33](#_Toc90501891)

[5. Đến hết năm 2020, Việt Nam có 30 cơ sở xạ trị (trong đó có 42 thiết bị gia tốc và 11 thiết bị sử dụng nguồn) và 50 cơ sở y học hạt nhân còn hoạt động. Danh sách các cơ sở này được liệt kê tại Phụ lục 7. 33](#_Toc90501892)

[**6.** **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp** 35](#_Toc90501893)

[VI. AN TOÀN ĐỐI VỚI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU 39](#_Toc90501894)

[**1.** **Giới thiệu chung** 39](#_Toc90501895)

[**2.** **Hoạt động quản lý, bảo đảm an toàn Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt** 39](#_Toc90501896)

[**3.** **Xây dựng văn bản về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu** 41](#_Toc90501897)

[VII. THANH SÁT HẠT NHÂN 43](#_Toc90501898)

[VIII. QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG 45](#_Toc90501899)

[**1.** **Giới thiệu về hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng** 45](#_Toc90501900)

[Trong đó, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ gồm: 46](#_Toc90501901)

[**2.2. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE)** 48](#_Toc90501902)

[***2.2.1. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang lưu giữ*** 48](#_Toc90501903)

[***2.2.2 Công tác đảm bảo an ninh*** 48](#_Toc90501904)

[***2.2.3. Công tác kiểm xạ khu vực làm việc*** 48](#_Toc90501905)

[**2.3. Hoạt động của kho lưu giữ chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Viện Nghiên cứu hạt nhân** 51](#_Toc90501906)

[***2.3.1. Công tác quản lý chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình vận hành lò phản ứng*** 51](#_Toc90501907)

[***2.3.2. Công tác quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng*** 52](#_Toc90501908)

[**2.4. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Liên doanh dầu khí Vietsopetro** 53](#_Toc90501909)

[**2.5. Hoạt động của các cơ sở lưu giữ nguồn phóng xạ khác đã được cấp giấy phép** 54](#_Toc90501910)

[**2.6. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng** 55](#_Toc90501911)

[**3. Đánh giá chung và kiến nghị** 55](#_Toc90501912)

[IX. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN 57](#_Toc90501913)

[X. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO AN TOÀN BỨC XẠ VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT 61](#_Toc90501914)

[XI. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN 63](#_Toc90501915)

[**3. Duy trì và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục ATBXHN** 64](#_Toc90501916)

[**4.** **Hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân** 64](#_Toc90501917)

[**5. Kết luận và đề xuất** 65](#_Toc90501918)

[- Xây dựng một chiến lược truyền thông dài hạn với việc xác định rõ các mục tiêu, giá trị, nguyên tắc, đối tượng và hoạt động; 65](#_Toc90501919)

[- Xây dựng các quy trình về thông tin để tạo thuận lợi cho việc triển khai và phối hợp triển khai giữa các đơn vị trong Cục; 65](#_Toc90501920)

[- Thông tin trong trường hợp khẩn cấp cần đươc nghiên cứu, chuẩn bị và thực hành; 65](#_Toc90501921)

[- Xem xét việc sử dụng các công cụ truyền thông mới như mạng xã hội./. 65](#_Toc90501922)

[XII. HỢP TÁC QUỐC TẾ 66](#_Toc90501923)

PHỤ LỤC I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ …………………………………………………………….. 69

[PHỤ LỤC 2. HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CƠ QUAN PHÁP QUY HẠT NHÂN NĂM 2020 75](#_Toc90501926)

[PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DO CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THANH TRA NĂM 2020 83](#_Toc90501927)

[PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ DO SỞ KH&CN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THANH, KIỂM TRA NĂM 2020 92](#_Toc90501928)

[PHỤ LỤC 6. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA LÒ PHẢN ỨNG NGHIÊN CỨU NĂM 2020 157](#_Toc90501929)

[PHỤ LỤC 7. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHIẾU XẠ CÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2020 164](#_Toc90501930)

[1. Cơ sở xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ 164](#_Toc90501931)

[2. Cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc 166](#_Toc90501932)

[3. Thống kê số cơ sở sử dụng y học hạt nhân 171](#_Toc90501933)

[PHỤ LỤC 8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ XẠ TRỊ VÀ Y HỌC HẠT NHÂN 175](#_Toc90501934)

[PHỤ LỤC 9. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHỤP ẢNH PHÓNG XẠ CÔNG NGHIỆP NĂM 2020 189](#_Toc90501935)

# I. XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trong năm 2020, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) đã đạt nhiều kết quả trong công tác xây dựng pháp luật, đặc biệt là tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân. Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được tập trung ưu tiên cho rà soát, hoàn thiện các văn bản phục vụ cho quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và đặc biệt trong giai đoạn này là phục vụ quản lý dự án lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

## 1.1. Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản năm 2020

Năm 2020, Cục ATBXHN đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, lấy ý kiến, hoàn thiện dự thảo, thẩm định sơ bộ và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ban hành 03 văn bản sau:

(1) Nghị định của Chính phủ số 142/NĐ-CP ngày 09/12/2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

(2) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 40/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 ban hành Phương án Phòng ngừa và ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới.

(3) Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN số 05/2020/TT-BKHCN ngày 30/10/2020 quy định về an toàn hạt nhân đối với cơ sở lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

Cục ATBXHN cũng đã xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3808/QĐ-KH&CN ngày 29/12/2020 công bố Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## 1.2. Sửa đổi Luật năng lượng nguyên tử

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ sửa đổi Luật năng lượng nguyên tử, trong khuôn khổ hợp tác với Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), trong năm 2020 – trong bối cảnh của dịch bệnh Covid – Cục ATBXHN đã phối hợp với Văn phòng Công tác pháp luật (OLA) của IAEA tổ chức thành công hội thảo trực tuyến về Luật hạt nhân. Cục ATBXHN đang phối hợp với Vụ Pháp chế (Bộ KH&CN) chuẩn bị đề xuất để đưa đề án Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội khóa XV.

## 1.3. Kết quả công tác xây dựng văn bản khác

a) Trong năm 2020, Cục ATBXHN đã triển khai xây dựng dự thảo 02 Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN về quản lý an toàn hạt nhân đối với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu, phục vụ cho việc triển khai Dự án Trung tâm khoa học và công nghệ hạt nhân (KHCNHN), bao gồm xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu mới. Dự kiến trình Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành trong năm 2021.

b) Thực hiện Quyết định số 961/QĐ-BKHCN ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục ATBXHN đã chủ trì, phối hợp với Cục Năng lượng nguyên tử và Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam tổ chức rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân để phát hiện các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp và đề xuất phương án xử lý.

c) Tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật thỏa thuận quốc tế, Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, Luật Thanh tra sửa đổi... và nhiều dự thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng./.

# II. CẤP PHÉP

## 1. Công tác cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử năm 2020

### *1.1. Công tác cấp phép*

Hoạt động cấp phép về an toàn bức xạ, hạt nhân là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân nhằm bảo đảm các hoạt động ứng dụng năng lượng nguyên tử trong đời sống kinh tế - xã hội được triển khai an toàn đối với con người, môi trường và hiệu quả trong phát triển kinh tế, an ninh trật tự.

Năm 2020, thống kê tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/11/2020, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) đã tiếp nhận 2653 các văn bản liên quan đến công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ nhân viên bức xạ (CCNVBX) các loại. Trong đó có 1300 hồ sơ đề nghị cấp phép, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố và chứng chỉ các loại.

Đồng thời, Cục ATBXHN đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục triển khai và duy trì hệ thống cấp phép trực tuyến xuất khẩu, nhập khẩu nguồn phóng xạ trên Hệ thống CNTT kết nối cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN (dịch vụ công cấp độ 4) tạo điều kiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho cơ sở. Tính đến ngày 30/11/2020, Cục ATBXHN đã tiếp nhận 116 hồ sơ nộp qua hệ thống cấp phép trực tuyến qua hệ thống ASEAN một cửa và hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục ATBXHN. Cục đã thẩm định, cấp 104 Giấp phép.

Năm 2020, Cục ATBXHN đã thẩm định, cấp 999 Giấp phép, 911 chứng chỉ CCNVBX và chứng chỉ hành nghề, 68 Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, phê duyệt 130 Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở. Trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành 31 Giấy phép.

Khối lượng hồ sơ cấp phép năm 2020 tăng 12% so với năm 2019. Tuy nhiên, Cục ATBXHN vẫn bảo đảm duy trì ổn định việc tổ chức thẩm định; xử lý kịp thời, đúng quy định hồ sơ đề nghị cấp phép và công tác giải đáp các vấn đề liên quan đến cấp phép, liên quan đến hoạt động bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ của các tổ chức, cá nhân.

Thống kê số lượng giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ nhân viên bức xạ đã cấp năm 2020, được nêu tại Phụ lục 2 của Báo cáo này.

***1.2. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ***

Năm 2020, công tác cấp phép cũng đã được Cục ATBXHN chú trọng và nâng cao chất lượng trong thẩm định hồ sơ cấp phép nhằm tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, cụ thể:

- Năm 2020, Cục ATBXHN đã tăng cường công tác thẩm định hồ sơ, thẩm định trực tiếp tại cơ sở nhằm nâng cao chất lượng thẩm định, qua đó nâng cao ý thức, văn hóa và công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ: Cục ATBXHN đã tổ chức thẩm định 100% hồ sơ đến đúng theo tiến độ, bảo đảm về công tác an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ và đã tổ chức thẩm định trực tiếp tại 99 (tăng 50% so với năm 2019) cơ sở tiến hành công việc bức xạ trước khi trình ký ban hành giấy phép, giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

- Tiếp tục tăng cường công tác rà soát, kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu nguồn phóng xạ, yêu cầu, hướng dẫn thủ tục cấp phép cho các cơ sở có nguồn phóng xạ nhưng chưa thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoặc hồ sơ của những đơn vị đã cấp phép nhưng để quá hạn, không gia hạn giấy phép. Phòng Cấp phép đã phối hợp tốt với Thanh tra Cục để nhắc nhở, thanh tra, kiểm tra đột xuất nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm và ngăn ngừa xảy ra các sự cố bức xạ, đôn đốc các cơ sở thực hiện công tác cấp phép, công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ;

- Tổ chức triển khai hoạt động quản lý, giám sát hoạt động quản lý sau khi cấp giấy phép, giấy đăng ký đối với các tổ chức được được cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo về an toàn bức xạ. Thông qua đó đã chấn chỉnh các tổ chức này và đưa công tác đào tạo về an toàn bức xạ dần đi vào nề nếp từng bức nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ và nâng cao dần văn hóa an toàn cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

### *1.3.* Công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố

Tính đến 15/11/2020, Cục ATBXHN đã tiếp nhận 150 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố. Cục đã hướng dẫn, thẩm định và phê duyệt đối với 130 kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở; hướng dẫn, tổ chức thẩm định và trình Bộ trưởng phê duyệt đối với 03 kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh (Tp. Hải Phòng, tỉnh Thái Bình và tỉnh Kiên Giang) và hướng dẫn tỉnh Lạng Sơn cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh.

1.4. **Hoạt động khác**

- Xây dựng các báo cáo thường xuyên, đột xuất về công tác cấp phép, thống kê số liệu cấp phép theo yêu cầu quản lý đúng tiến độ, thời gian;

- Cục ATBXHN đã tăng cường các hoạt động quản lý sau khi cấp giấy phép, giấy đăng ký: thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở đăng ký dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ; tổ chức kiểm tra chéo đối với các cơ sở làm dịch vụ đo liều chiếu xạ cá nhân; Rà soát các hồ sơ đối với các đơn vị đã nhập nguồn phóng xạ về Việt Nam mà chưa thực hiện cấp phép hoặc hồ sơ của những đơn vị đã cấp phép nhưng để quá hạn, không gia hạn giấy phép.

- Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị định của chính phủ về cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử trên tinh thần đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020, hiệu lực từ 01/02/201 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

## 2. Một số khó khăn, thách thức

Trong năm 2020, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động cấp phép vẫn còn một số khó khăn trong việc triển khai hoạt động giám sát sau cấp phép do ảnh hưởng của dịch COVID trong 2020 và nhân lực bị cắt giảm.

**2.1. Một số tồn tại, hạn chế:**

- Việc triển khai hoạt động giám sát sau cấp phép còn hạn chế do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và nhân lực của Cục bị cắt giảm so với năm 2019.

- Hệ thống cấp phép trực tuyến xuất nhập khẩu nguồn phóng xạ (một cửa quốc gia, một cửa ASEAN) cần hoàn thiện thủ tục thanh toán phí, lệ phí trực tuyến để đáp ứng yêu cầu cấp phép trực tuyến cấp độ 4.

## - Hệ thống cấp phép trực tuyến cấp độ 3 (19 thủ tục) và 21 thủ tục triển khai trên môi trường mạng (chưa triển khai cấp độ 3) đã đưa vào hoạt động trong năm 2019, 2020 nhưng số lượng hồ sơ còn ít nên việc rà soát để hoàn thiện hệ thống vẫn được tiếp tục thực hiện;

- Cùng với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đặt ra các yêu cầu đối với cơ quan quản lý là tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh thì nhiều thách thức mới sẽ đặt ra với công tác cấp phép của cơ quan quản lý khi vừa phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, vừa phải bảo đảm an toàn, an ninh cho con người, môi trường và cộng đồng xã hội. Việc giảm các điều kiện tiền kiểm trong hoạt động cấp phép đòi hỏi phải nâng cao chất lượng thẩm định, tăng cường kiểm tra thực tế, tăng cường công tác hậu kiểm sau khi cấp phép cũng như việc tăng cường công tác kiểm tra, báo cáo định kỳ trong công tác này.

**2.2. Các khó khăn, thách thức đặt ra đối với hoạt động cấp phép hiện tại và thời gian tới như sau:**

- Nhân lực phục vụ công tác cấp phép còn mỏng so với khối lượng công việc ngày càng tăng nhiều theo từng năm do nhu cầu phát triển ứng dụng NLNT trong đời sống kinh tế, xã hội, cùng với yêu cầu tạo điều kiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho cơ sở.

- Dữ liệu hệ thống cấp phép RAISVN được đưa vào sử dụng từ những năm 2009 (trên cơ sở hệ thống eRAIS của IAEA từ 2005-2008) chưa cập nhật được đầy đủ thông tin về hoạt động cấp phép giai đoạn trước, vẫn còn một số cơ sở nhập khẩu nguồn phóng xạ về Việt Nam từ trước những năm 2009 hoặc một số nguồn phóng xạ nhập khẩu về VN sau năm 2009 nhưng chưa được cấp nhật vào hệ thống và đã không thực hiện thủ tục cấp phép, dẫn đến công tác kiểm tra giám sát yêu cầu thực hiện quy định về cấp phép còn chưa hạn chế.

- Với số lượng hồ sơ cấp phép lớn và hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin vẫn hoạt động chưa ổn định dẫn đến việc cập nhật số liệu cơ sở tiến hành công việc bức xạ, số lượng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ vào hệ thống RAISVN còn chưa kịp thời.

- Về không gian lưu giữ hồ sơ cấp phép còn thiếu dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý hồ sơ và khai thác dữ liệu

- Tính tuân thủ hoạt động cấp phép của các đơn vị lực lượng vũ trang tại các địa phương chưa cao, một số công an các địa phương chưa tuân thủ quy định về cấp phép.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ doanh nghiệp theo quyết tâm của Chính phủ. Nâng cao chất lượng thẩm định cấp phép, tăng cường hiệu quả, giảm thời gian trong giải quyết hồ sơ.

- Tăng cường các hoạt động quản lý sau khi cấp giấy phép, giấy đăng ký: thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở đăng ký dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ; tổ chức kiểm tra chéo đối với các cơ sở làm dịch vụ đo liều chiếu xạ cá nhân; Tăng cường hướng dẫn, nhắc nhở nhằm nâng cao văn hóa an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ và văn hóa an ninh đối với các cơ sở tiến hành công việc bức xạ, cơ sở hạt nhân./.

# III. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

1. **Hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN năm 2020**
   1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp***

Trong năm 2020, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra tại 27 cơ sở ứng dụng, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong công nghiệp, chiếm 56% tổng số cơ sở được thanh tra trong năm. Trọng tâm thanh tra là: các cơ sở sử dụng, lưu giữ số lượng lớn nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ; cơ sở sử dụng nguồn bức xạ, thiết bị bức xạ di động; cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ nhưng chưa được Cục ATBXHN thanh tra hoặc chưa được thanh tra trong một khoảng thời gian dài và các cơ sở có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về an toàn bức xạ.



*Đoàn thanh tra kiểm tra thực tế tại khu vực tiến hành công việc bức xạ*

Qua hoạt động thanh tra cho thấy, đa số các cơ sở đã có cố gắng thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở chưa tuân thủ các quy định về: Khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ; theo dõi liều chiếu xạ nghề nghiệp cho nhân viên bức xạ; không tuân thủ nội quy an toàn, quy trình làm việc; đào tạo, đào tạo lại về ATBX cho nhân viên bức xạ; thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ; không gửi báo cáo thực trạng tiến hành công việc bức xạ cho cơ quan quản lý nhà nước. Phần lớn những thiếu sót, vi phạm của các cơ sở được phát hiện qua công tác thanh tra chưa đến mức gây hậu quả đối với con người và môi trường và đã được các đoàn thanh tra nhắc nhở, yêu cầu cơ sở có biện pháp khắc phục. Đối với những trường hợp cơ sở có hành vi vi phạm mang tính chất nghiêm trọng, kéo dài đã bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Cụ thể:

Trong năm 2020, Cục ATBXHN đã phát hiện và ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với 09 cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong công nghiệp, chiếm 33,3% tổng số cơ sở được thanh tra. Tổng số tiền phạt là 100 triệu đồng, tất cả các cơ sở đã chấp hành việc nộp phạt theo quy định.

Các hành vi vi phạm hành chính điển hình đã bị xử lý bao gồm:

- Sử dụng, lưu giữ nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ mà không có Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

- Không bố trí người phụ trách an toàn theo quy định.

- Không báo cáo Cục ATBXHN khi chuyển nhượng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ.

- Để liều chiếu xạ đối với nhân viên bức xạ vượt quá liều giới hạn theo quy định.

- Nhân viên bức xạ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội quy an toàn bức xạ, quy trình vận hành.

- Không báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ hằng năm;

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy việc khắc phục các thiếu sót và chấp hành quyết định xử phạt của các cơ sở hầu hết đều đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời; nhận thức và hiểu biết của các cơ sở về đảm bảo ATBXHN cũng như hiểu biết về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử đã được nâng cao rõ rệt.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT***

Năm 2020, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 02 cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, đây đều là các cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm định thiết bị X-quang y tế, kiểm xạ và đã được Cục ATBXHN cấp giấy đăng ký theo quy định.

Kết quả thanh tra cho thấy, các cơ sở đã chấp hành các quy định trong lĩnh vực NLNT. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót như: Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ thực hiện dịch vụ, tại thời điểm thanh tra không có đủ nhân viên thực hiện dịch vụ được cấp chứng chỉ theo quy định. Cục ATBXHN không đề nghị hình thức xử lý đối với các cơ sở này nhưng đã nghiêm khắc nhắc nhở và yêu cầu khắc phục các tồn tại, thiếu sót được chỉ ra.

Kết quả các cuộc thanh tra đối với các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT những năm qua cho thấy hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy định liên quan đến chế tài xử lý vi phạm hành chính cả về nội dung và khung hình phạt hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ.

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy việc khắc phục các thiếu sót của các cơ sở đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở nghiên cứu và đào tạo***

Trong năm 2020, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 03 cơ sở sử dụng các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong hoạt động nghiên cứu và đào tạo, chiếm 6% tổng số cơ sở được Cục ATBXHN thanh tra (bằng với số lượng cơ sở nghiên cứu và đạo tạo được thanh tra năm 2019).

Kết quả thanh tra cho thấy các cơ sở đã có cố gắng thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm ATBX, tuy nhiên vẫn còn một số thiếu sót trong công tác kiểm xạ, theo dõi, đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ.

Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 cơ sở do có hành vi vi phạm điều kiện quy định trong giấy phép (không áp dụng các biện pháp đánh giá liều chiếu trong cho nhân viên bức xạ theo quy định), với số tiền xử phạt là 07 triệu đồng.

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy việc khắc phục các thiếu sót và chấp hành quyết định xử phạt của các cơ sở hầu hết đều đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở y tế* *(y học hạt nhân, xạ trị và X-quang y tế)***

Trong năm 2020, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 06 cơ sở y tế trong phạm vi cả nước, chiếm 12,5% tổng số cơ sở được Cục ATBXHN thanh tra. Tất cả các cơ sở này đều sử dụng thiết bị X - quang trong chẩn đoán, khám chữa bệnh, trong đó có 02/06 cơ sở thực hiện hoạt động y học hạt nhân (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh và Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên), 01/06 cơ sở lưu giữ thiết bị xạ trị chứa nguồn phóng xạ.



*Thiết bị xạ trị gamma knife tại Bệnh viện Trường đại học y dược Huế*

Kết quả thanh tra đối với các cơ sở cho thấy, hầu hết các cơ sở đã duy trì và thực hiện tương đối tốt một số quy định về ATBX như: đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc cho chất phóng xạ, thiết bị bức xạ; thực hiện kiểm định các thiết bị X-quang; đo đánh giá an toàn cho các phòng đặt thiết bị X-quang. Tuy nhiên bên cạnh những mặt đã đạt được, các cơ sở này vẫn còn tồn tại một số hạn chế, như: chưa trang bị đầy đủ liều kế cho nhân viên bức xạ, chưa đào tạo an toàn bức xạ đầy đủ cho tất cả nhân viên, nhân viên bức xạ chưa tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành thiết bị bức xạ.

Cục ATBXHN đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02/06 cơ sở, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy, về cơ bản các cơ sở đã khắc phục các thiếu sót, có báo cáo khắc phục và đã chấp hành quyết định xử phạt.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa vật lý, thăm dò khai thác quặng phóng xạ và các lĩnh vực khác***

Trong năm 2020, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 07 cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong các lĩnh vực soi chiếu an ninh (03 cơ sở), đo tuổi vàng (02 cơ sở) và ứng dụng khác (02 cơ sở).

Những cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong soi chiếu an ninh là các cảng hàng không sử dụng nhiều nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ tại nhiều địa điểm. Các cơ sở đều có cố gắng thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ như quy định về khai báo, xin cấp giấy phép, xin cấp chứng chỉ cho người phụ trách an toàn, đào tạo về ATBX cho nhân viên bức xạ. Tuy nhiên, do đặc thù của các cơ sở này quản lý nhiều cảng hàng không nên vẫn còn tồn tại như: Công tác phối hợp, phân công trách nhiệm quản lý về ATBX giữa các cảng hàng không chưa rõ ràng, người phụ trách an toàn không giám sát được toàn bộ hoạt động bảo đảm an toàn; không kịp thời khai báo, báo cáo Cục ATBXHN khi có thiết bị mới, thay đổi bóng phát của thiết bị, hay thay đổi vị trí đặt thiết bị, khi có thay đổi so với bộ hồ sơ cấp phép theo điều kiện của giấy phép.



*Đoàn thanh tra kiểm tra thực tế tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất*

Đối với 02 cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ trong thiết bị đo phân tích tuổi vàng: 01 cơ sở đã chuyển nhượng hết nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ cho cơ sở khác nhưng không báo cáo kết quả chuyển nhượng cho Cục ATBXHN; 01 cơ sở đã tạm dừng hoạt động, lưu giữ nguồn phóng xạ nhưng không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ, Cục ATBXHN đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với đơn vị này với số tiền xử phạt là 7,5 triệu đồng.

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy, về cơ bản các cơ sở đã thực hiện việc khắc phục các thiếu sót được chỉ ra, báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện khắc phục cho Cục ATBXHN và chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

1. **Hoạt động thanh tra của các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trong cả nước năm 2020**

Từ kết quả báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ (ATBX) năm 2020 của 63 Sở Khoa học và Công nghệ (KHCN) các tỉnh, thành phố cho thấy: trong năm 2020, trên toàn quốc có 42 Sở KHCN đã tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATBX với tổng số 675 cơ sở, trong đó số cơ sở được thanh tra là 484 và số cơ sở được kiểm tra là 191. Các Sở KH&CN đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 32 cơ sở (chiếm 4,7% tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra), tổng số tiền xử phạt là 147 triệu đồng. Các lỗi vi phạm điển hình được phát hiện và xử lý là: Không tiến hành gia hạn giấy phép đúng theo quy định; không kiểm xạ định kỳ nơi làm việc của nhân viên bức xạ theo quy định; không tổ chức đào tạo kiến thức ATBX cho nhân viên bức xạ theo quy định.

Do ảnh ảnh hưởng của Dịch covid-19, thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dich Covid-19, nhiều Sở KHCN đã cắt giảm hoạt động thanh tra, kiểm tra (21/63 Sở KHCN không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX trong năm 2020).

Số lượng cơ sở X-quang y tế được các Sở KHCN thanh tra, kiểm tra vẫn chiếm tỷ lệ chủ yếu trong năm 2020, chiếm 90% tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra. Tỷ lệ thanh tra, kiểm tra do Sở KHCN tiến hành tại các cơ sở quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ do Cục ATBXHN cấp phép còn ít và đã giảm 6% so với năm 2019. Việc thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở này được thực hiện tập trung chủ yếu tại một số tỉnh như: Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Cần Thơ, Hòa Bình, Khánh Hòa. Trong đó, Sở KHCN Tp. Hồ Chí Minh là đơn vị đã tiến hành thanh tra đối với các cơ sở do Cục ATBXHN cấp phép chiếm 100% tổng số cơ sở được thanh tra trong năm.

Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra năm 2020, các Sở KHCN đánh giá về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực ATBX đối với các cơ sở được thanh tra, kiểm tra như sau:

Hoạt động thanh tra chuyên ngành về ATBX của các Sở KH&CN năm 2020 trên toàn quốc đã góp phần quan trọng trong việc chấn chỉnh, nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật về NLNT cho Lãnh đạo, người phụ trách an toàn và nhân viên bức xạ, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp có nguy cơ mất ATBX, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ. Ngoài ra, công tác thanh tra, kiểm tra của các Sở KH&CN còn giúp phát hiện những thiếu sót, bất cập trong cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về ATBX và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định mới phù hợp với yêu cầu quản lý về ATBX trong tình hình hiện tại.

1. **Đánh giá chung về công tác thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2020**

Kết quả thanh tra ATBX năm 2020 cho thấy, hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN đã tập trung vào các cơ sở lớn sử dụng, lưu giữ nhiều nguồn phóng xạ, đa dạng loại hình công việc bức xạ, các cơ sở mới được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, các cơ sở không tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ATBX và điều kiện của giấy phép. Công tác thanh, kiểm tra của các Sở KH&CN vẫn tập trung chủ yếu vào các cơ sở X-quang y tế, chiếm 90% tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra. Tỷ lệ thanh tra, kiểm tra do Sở KHCN tiến hành tại các cơ sở quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ do Cục ATBXHN cấp phép còn ít và đã giảm 6% so với năm 2019.

Do ảnh ảnh hưởng của Dịch covid-19, thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dich Covid-19, Cục ATBXHN trình Lãnh đạo Bộ KH&CN phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 2020 giảm còn tổng số 40 đơn vị. Bên cạnh đó nhiều Sở KHCN đã cắt giảm hoạt động thanh tra, kiểm tra (21/63 Sở KHCN không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX trong năm 2020). Nhìn chung, hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN và các Sở KH&CN địa phương được triển khai theo đúng quy trình, thủ tục thanh tra, công tác chuẩn bị trước thanh tra, thu thập dữ liệu, triển khai thanh tra và công tác sau thanh tra được thực hiện một cách bài bản, linh hoạt và chuyên sâu, chất lượng các cuộc thanh tra ngày càng được nâng cao.

Qua hoạt động thanh tra ATBX, các đoàn thanh tra đã kịp thời phát hiện các cơ sở chưa tuân thủ các quy định pháp luật, có nguy cơ gây mất an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh nguồn phóng xạ; đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời đối với các cơ sở này, hạn chế tác động và ngăn ngừa nguy cơ xảy ra sự cố bức xạ, hạt nhân đối với con người và môi trường. Ngoài ra, qua công tác thanh tra, Cục ATBXHN và các Sở KH&CN cũng đã phát hiện các thiếu sót, bất cập trong cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về ATBX để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý về ATBX trong tình hình mới, đặc biệt là các bất cập mang tính thời sự về quản lý. Việc triển khai hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN tại các địa phương đã nhận được sự phối hợp tốt của các Sở KH&CN, thông qua hoạt động này Cục ATBXHN đã giúp hỗ trợ, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về thanh tra ATBXHN đối với lực lượng tham gia công tác thanh tra của các Sở KH&CN trên toàn quốc.

Hoạt động thanh tra ATBX trong năm 2020 của Cục ATBXHN và các Sở KH&CN cũng đã thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật, kiên quyết ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp có nguy cơ mất ATBX, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở, điều này thể hiện qua việc tổng số cơ sở Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính lên đến 27% số cơ sở được thanh tra (tổng số tiền phạt là 128.500.000) và tổng số cơ sở bị các Sở KH&CN xử phạt vi phạm hành chính là 4,7% số cơ sở được thanh, kiểm tra (số tiền xử phạt là 147.000.000 đồng). Nhận thức của các cơ sở sau thanh tra được cải thiện rõ rệt, về cơ bản các cơ sở đã thực hiện khắc phục theo yêu cầu của đoàn thanh tra, kiểm tra, chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

1. **Kiến nghị - đề xuất qua hoạt động thanh tra**

Qua hoạt động thanh tra, xử lý vi phạm phát hiện thấy còn một số kẽ hở, khó khăn, vướng mắc và bất cập trong cơ chế quản lý về ATBXHN. Để khắc phục các hạn chế, bất cập đang còn tồn tại trong thực tế, Cục ATBXHN có một số kiến nghị, đề xuất như sau:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật làm căn cứ cho hoạt động thanh tra chuyên ngành an toàn bức xạ và hạt nhân, hiện một số lĩnh vực còn thiếu văn bản hướng dẫn như: bảo đảm an toàn trong hoạt động thăm dò, chế biến quặng chứa phóng xạ; các hướng dẫn an toàn đặc thù cho các loại hình công việc bức xạ (chiếu xạ công nghiệp, chụp ảnh phóng xạ công nghiệp…); xây dựng chính sách lâu dài đối với việc lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, đặc biệt đối với các đơn vị phá sản, gặp khó khăn về tài chính, có nguy cơ mất an ninh nguồn phóng xạ. Bổ sung quy định các cơ sở tiến hành công việc bức xạ về ký quỹ tài chính ngay từ giai đoạn nhập khẩu nguồn phóng xạ, bảo đảm có nguồn tài chính để giải quyết các nguồn phóng xạ khi không còn nhu cầu sử dụng.

* Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi Nghị định 107/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực NLNT: Tăng định mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (mức phạt hiện nay còn khá thấp, các cơ sở sẵn sàng vi phạm vì biết lợi nhuận thu được sẽ có giá trị cao hơn các hình thức xử phạt vi phạm hành chính), bổ sung các hành vi vi phạm hành chính để có công cụ hiệu quả trong việc phòng ngừa, xử lý, răn đe các hành vi vi phạm (hiện có một số hành vi vi phạm chưa được quy định trong Nghị định);

- Tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu cho cán bộ làm công tác thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ, đặc biệt là cán bộ làm công tác thanh tra tại các địa phương.

- Tăng cường biên chế cho lực lượng thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành ATBXHN từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm có đủ nguồn lực để thực hiện chức năng giám sát thực thi pháp luật, bảo đảm an toàn an ninh tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ.

* Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra chuyên ngành ở Trung ương với các Sở KH&CN địa phương trong công tác thanh tra, cấp phép, đặc biệt các đơn vị có nguồn phóng xạ. Các Sở KH&CN địa phương cần tăng cường thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ do Cục ATBXHN cấp giấy phép, đặc biệt là các cơ sở đang quản lý nguồn phóng xạ./.

# IV. TRIỂN KHAI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Tính đến nay, Việt Nam đã tham gia hầu hết các công ước, điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực hạt nhân, thể hiện chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam trong sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hoà bình. Với việc tham gia các điều ước quốc tế này, Việt Nam đã tạo được lòng tin và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng năng lượng hạt nhân vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên, việc tham gia các điều ước quốc tế cũng đồng nghĩa với việc phải thực hiện các yêu cầu và nghĩa vụ mà điều ước quốc tế quy định.

**1. Công ước Chung về an toàn trong quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn trong quản lý chất thải phóng xạ (Công ước Chung)**

Trong năm 2020, IAEA đã tổ chức Cuộc họp trù bị cho Hội nghị rà soát Công ước chung lần thứ 7 (ban đầu dự kiến bằng hình thức trực tiếp, sau đó do tác động của dịch bệnh covid-19, cuộc họp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến từ 28-30/9/2020 và 02/10/2020). Theo đó, Việt Nam đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm nghĩa vụ của Việt Nam khi tham gia Công ước này:

- Nghiên cứu tình hình triển khai trong nước Công ước Chung, thu thập dữ liệu và xây dựng Báo cáo quốc gia về tình hình thực hiện Công ước Chung;

- Nghiên cứu Báo cáo quốc gia của các quốc gia trong nhóm có Việt Nam để đặt câu hỏi;

- Nghiên cứu Báo cáo quốc gia của các quốc gia ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam (Nga, Nhật, Trung Quốc, v.v) để đặt câu hỏi;

- Chuẩn bị Bản trả lời cho các câu hỏi mà các quốc gia khác đặt ra cho Việt Nam;

- Chuẩn bị Bài trình bày Báo cáo quốc gia (bằng tiếng Anh) dùng tại Hội nghị rà soát Công ước.

Cục ATBXHN đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Báo cáo quốc gia lần thứ ba về việc thực hiện những nghĩa vụ của Công ước và được gửi xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan. Sau quá trình xây dựng, báo cáo này đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Báo cáo quốc gia về tình hình thực hiện Công ước Chung đã được nộp cho IAEA vào ngày 02/12/2020 theo quy định.

**2. Thực hiện Hiệp định song phương về hợp tác hạt nhân dân sự với Nhật Bản**

Trong năm 2020, Cục đã tiếp tục thực hiện Hiệp định song phương về hợp tác hạt nhân dân sự với Nhật Bản, theo đó, ta đã thu thập dữ liệu, xây dựng báo cáo kế toán vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân theo quy định của Hiệp định cấp chính phủ song phương giữa Việt Nam với Nhật Bản.

**3. Triển khai thực hiện Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT)**

Việt Nam đã là thành viên chính thức của Hiệp ước Cấm thử hạt nhân toàn diện (CTBT) thông qua việc ký Hiệp ước năm 1996 ngay từ ngày đầu mở ký và phê chuẩn Hiệp ước năm 2006 sau 10 năm nghiên cứu kỹ mọi khía cạnh của Hiệp ước. Việc tham gia Hiệp ước nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và kèm theo đó có thêm trách nhiệm đối với Hiệp ước và quốc tế.

Trong năm 2020, Cục tiếp tục Triển khai thực hiện Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT) thông qua xây dựng và chuẩn bị các báo cáo phân tích dữ liệu quan trắc phóng xạ hạt nhân và báo cáo phân tích dữ liệu địa chấn của các trạm quan trắc CTBTO, cụ thể:

- Báo cáo quý liên quan đến phân tích số liệu quan trắc hạt nhân phóng xạ của các trạm quan trắc CTBTO đặt gần biên giới Việt Nam – Trung Quốc và so sánh với kết quả phân tích tại Trung tâm dữ liệu quốc tế của CTBTO trong năm 2020 cho mục tiêu phát hiện sớm và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân (sử dụng phần mềm Openspectra);

- Báo cáo quý liên quan đến phân tích số liệu quan trắc Xenon của các trạm quan trắc CTBTO đặt gần biên giới Việt Nam – Trung Quốc và so sánh với kết quả phân tích tại Trung tâm dữ liệu quốc tế của CTBTO trong năm 2020 cho mục tiêu phát hiện sớm và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân (sử dụng phần mềm NORFY);

- Báo cáo phân tích, xử lý số liệu địa chấn từ các trạm quan trắc của CTBTO và Việt Nam cho khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc năm 2020;

- Báo cáo tổng hợp kết quả phân tích số liệu quan trắc hạt nhân phóng xạ và Xenon của các trạm quan trắc CTBTO đặt gần biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong năm 2020 cho mục tiêu phát hiện sớm và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân.

Một số nội dung, thông tin liên quan đến CTBT và việc triển khai Hiệp ước này tại Việt Nam đã được Cục trình bày tại Hội nghị pháp quy lần thứ 4 (05-07/8/2020 tại Ninh Bình) nhận được sự quan tâm của các đại biểu tham dự Hội nghị, đặc biệt là ý nghĩa của các dữ liệu của các trạm quan trắc mà CTBTO đặt tại khu vực và trên thế giới giúp ta sớm phát hiện và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân, đặc biệt là các nhà máy điện hạt nhân đặt gần biên giới Việt Nam.

**4. Triển khai thực hiện Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân (CPPNM), và Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân**

Trong năm 2020, Cục đã triển khai nghiên cứu các yêu cầu chi tiết đối với chức năng ứng phó trong hệ thống bảo vệ thực thể đối với lò phản ứng nghiên cứu để thực hiện cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước. Cục cũng tiến hành nghiên cứu các nội dung trong Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân (CPPNM) đối với các lò phản ứng điện hạt nhân nổi.

Cũng trong năm này, Cục đã triển khai nghiên cứu các quy định của các nước trong khu vực về ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân để đề xuất sửa đổi các văn bản của Việt Nam, bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật (Luật, Nghị định, Thông tư) cũng như các văn bản hành chính quản lý nhà nước do Cục xây dựng và ban hành (Quyết định, Chỉ thị, Công văn).

**5. Hoạt động của Tổ công tác về Điều ước quốc tế của Cục ATBXHN**

Ngày 15/6/2020, Lãnh đạo Bộ đã làm việc với các đơn vị thuộc khối Năng lượng nguyên tử về tình hình phát triển điện hạt nhân nổi của Trung Quốc. Theo chỉ đạo của Thứ trưởng Phạm Công Tạc, một trong các nhiệm vụ Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) được giao là chủ trì cùng các đơn vị có liên quan của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) nghiên cứu về các điều ước quốc tế có liên quan đến nhà máy điện hạt nhân (NMĐHN) nổi trong bối cảnh Trung Quốc dự kiến đưa NMĐHN nổi ra biển Đông trong thời gian tới, gây ảnh hưởng trực tiếp tới chủ quyền quốc gia, an toàn, an ninh môi trường sinh thái biển của Việt Nam cũng như tự do hàng hải của khu vực và thế giới.

Nhằm thực hiện chỉ đạo trên của Thứ trưởng Phạm Công Tạc, Cục trưởng Cục ATBXHN đã phê duyệt quyết định thành lập Tổ công tác nghiên cứu về các Điều ước quốc tế liên quan đến Nhà máy điện hạt nhân nổi của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân. Theo đó, Tổ công tác có nhiệm vụ nghiên cứu các điều ước quốc tế về an toàn, an ninh hạt nhân, chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, bồi thường thiệt hại hạt nhân, v.v. có liên quan đến nhà máy điện hạt nhân nổi nhằm đề xuất, tham mưu Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ các vấn đề có thể phát sinh liên quan tới hoạt động phát triển công nghệ và nguy cơ nước ngoài triển khai nhà máy điện điện hạt nhân nổi ra biển Đông.

Đây là nhiệm vụ mới của Cục ATBXHN được lãnh đạo Bộ giao trong năm 2020. Theo đó, Cục ATBXHN đã thành lập Tổ công tác nghiên cứu về các Điều ước quốc tế liên quan đến Nhà máy điện hạt nhân nổi nói trên, tiến hành tổ chức nghiên cứu về các công ước, điều ước quốc tế có liên quan, cụ thể:

- Nghiên cứu các nội dung trong Công ước An toàn hạt nhân đối với các lò phản ứng điện hạt nhân nổi ;

- Nghiên cứu các nội dung trong Công ước chung đối với các lò phản ứng điện hạt nhân nổi ;

- Nghiên cứu các nội dung trong Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT), Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân đối với các lò phản ứng điện hạt nhân nổi

- Nghiên cứu các nội dung trong Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân (CPPNM) đối với các lò phản ứng điện hạt nhân nổi ;

- Nghiên cứu xu hướng, nhu cầu triển khai lò phản ứng điện hạt nhân nổi của một số quốc gia trên thế giới và trong khu vực, đánh giá khả năng ảnh hưởng tới Việt Nam ;

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của hoạt động lò phản ứng điện hạt nhân nổi đối với môi trường ;

- Nghiên cứu vấn đề pháp lý đối với việc triển khai lò phản ứng điện hạt nhân nổi theo quy định của điều ước quốc tế, đặc biệt tại Công ước về Luật biển năm 1982 ;

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả rủi ro từ hoạt động lò phản ứng điện hạt nhân nổi ;

- Nghiên cứu đề xuất phương án ứng phó sự cố trong trường hợp nước ngoài triển khai lò phản ứng điện hạt nhân nổi tại khu vực có nguy cơ ảnh hưởng tới Việt Nam.

Các nội dung nghiên cứu trên đã được đưa ra thảo luận tại các cuộc họp, hội thảo của Tổ công tác về Điều ước quốc tế của Cục, làm căn cứ báo cáo, tư vấn lãnh đạo Bộ về vấn đề căn cứ pháp lý, các công ước điều ước quốc tế có liên quan đến an toàn hạt nhân và việc bảo đảm an toàn, an ninh hạt nhân đối với các lò phản ứng hạt nhân nổi, lò phản ứng hạt nhân di động.

Trong năm qua, việc thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến không phổ biến hạt nhân của ta đã rất tốt, được IAEA, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện thanh sát quốc tế, đánh giá cao. Ta cũng đã thực hiện được các nghĩa vụ cơ bản mà điều ước quốc tế quy định, ví dụ như nộp Báo cáo quốc gia, tham dự các cuộc họp đánh giá định kỳ và các cuộc họp bất thường, v.v./.

# V. TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG BỨC XẠ VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

Theo thống kê về số lượng cơ sở tiến hành công việc bức xạ năm 2020, trên cả nước có khoảng 1570 cơ sở tiến hành công việc bức xạ có sử dụng nguồn phóng xạ và các thiết bị phát bức xạ (trừ cơ sở X-quang dùng trong chẩn đoán y tế), tăng 4,5% so với năm 2019 và được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau:

**Hình 5.1. Phân bố số lượng các cơ sở tiến hành công việc bức xạ theo lĩnh vực hoạt động năm 2020**

Thống kê về số lượng nguồn phóng xạ năm 2020, trên cả nước có khoảng 7700 nguồn phóng xạ, trong đó có 6400 nguồn phóng xạ kín đang sử dụng được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trong năm 2020, tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của các cơ sở này như sau:

1. **Công tác kiểm soát chiếu xạ cá nhân**

Tính đến ngày 31/12/2020, trên cả nước có 12 cơ sở thực hiện dịch vụ đọc liều chiếu xạ cá nhân:

* Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt;
* Trung tâm hạt nhân TP. Hồ Chí Minh;
* Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân;
* Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Dương;
* Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Hoàng Nguyên;
* Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Tiên Tiến;
* Trung tâm Kỹ thuật Thí nghiệm và Ứng dụng Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Tháp;
* Trung tâm ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp;
* Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
* Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và chuyển giao công nghệ Đà Nẵng;
* Viện ứng dụng công nghệ thông tin và bức xạ.

**Đánh giá kết quả đọc liều cá nhân của một số đơn vị:**

* Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt: Đọc liều cho 6858 nhân viên bức xạ (bao gồm 127 nhân viên của viện);
* Trung tâm Hạt nhân thành phố HCM: Trung tâm thực hiện đọc liều kế cá nhân cho 344 cơ sở và số liều kế được đọc là 1795 chiếc;
* Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân: Trong năm 2020 thực hiện đọc liều kế cá nhân cho 962 cơ sở và số liều kế được đọc là 4.955 chiếc;
* Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Bình Dương: Đọc liều cho 306 cơ sở, số liều kế được đọc là 2351 chiếc;
* Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Hoàng Nguyên: Đọc liều cho 211 cơ sở, số người được đọc là 5283 . Trong đó, không có giá trị đo liều chiếu vượt giới hạn (20 mSv/1 năm);
* Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Tiên Tiến: Đọc liều cho 276 cơ sở, số liều kế được đọc là 4051 chiếc;
* Trung tâm Kỹ thuật Thí nghiệm và Ứng dụng Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Tháp: Đọc liều cho 351 cơ sở, số liều kế được đọc là 1665 chiếc;
* Trung tâm ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp: Đọc liều cho 02 cơ sở, số liều kế được đọc là 18 chiếc;
* Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Đọc liều cho 39 cơ sở, số liều kế được đọc là 177 chiếc;
* Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và chuyển giao công nghệ Đà Nẵng: Đọc liều cho 20 cơ sở, số liều kế được đọc là 85 chiếc;
* Viện ứng dụng công nghệ thông tin và bức xạ: Đọc liều cho 54 cơ sở, số liều kế được đọc là 1113 chiếc;

1. **Tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của Viện Nghiên cứu hạt nhân**

Công tác bảo đảm an toàn bức xạ năm 2020 tại Viện Nghiên cứu hạt nhân (NCHN) được thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn tại các các văn bản quy định hiện hành của nhà nước về bảo đảm an toàn bức xạ, hạt nhân. Một số nội dung chính liên quan đến việc tình hình bảo đảm an toàn bức xạ tại Viện NCHN như sau:

* **Kiểm soát liều khu vực và nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt**

Việc kiểm soát suất liều gamma và suất liều nơtron ở khu vực lò phản ứng (LPƯ) trong thời gian lò hoạt động ở công suất 500 kW đã được thực hiện đều đặn trong các đợt vận hành lò dài ngày. Việc kiểm soát liều bức xạ gamma trong khu vực nhà lò được thực hiện bằng Hệ kiểm soát suất liều bức xạ cố định DORA (tại 12 vị trí) và máy đo liều xách tay (tại 10 vị trí). Kết quả đo suất liều gamma ở các vị trí trong khu vực nhà lò không thay đổi nhiều và ở mức thấp hơn so với năm 2018. Tại các khu vực có nhân viên làm việc, suất liều nằm trong giới hạn cho phép (khoảng từ 037 – 6,3 µSv/h). Việc kiểm soát suất liều nơtron được thực hiện tại 6 vị trí trong khu vực nhà lò, bao gồm các kênh ngang số 1 (tại cửa kênh), các kênh ngang số 2, 3 và 4 (tại vị trí có người thường xuyên làm việc), cột nhiệt và một vị trí trên mặt lò. Trong năm 2020, suất liều nơtron trung bình đo được trên các kênh ngang số 2 là 1,18 µSv/h, thấp hơn nhiều so với trung bình của năm 2019 (9,62 µSv/h), suất liều neutron trung bình tại vị trí cột nhiệt (1,54 µSv/h) , các vị trí mặt lò, suất liều nơtron là 0,06 µSv/h và kênh ngang số 4 là 0,77 µSv/h, các vị trí kênh ngang số 1 và số 3 thấp hơn ngưỡng phát hiện của thiết bị đo.

Việc kiểm soát liều khu vực tại các phòng thí nghiệm ở tòa nhà số 1, nhà số 2, nhà số 2A, nhà số 5A, nhà đặt nguồn Co-60 và Trung tâm Đào tạo đã được thực hiện mỗi tháng một hoặc hai lần tùy thuộc vào đượt chạy lò dài ngày. Suất liều gamma trung bình tại phòng thí nghiệm sản xuất I-ốt viên nang (đo tại vị trí làm việc) ở thời điểm sản xuất vào khoảng 22,63 µSv/h, tuy nhiên thời gian làm việc tổng cộng của một nhân viên trong phòng này cho cả đợt sản xuất không quá 02 giờ nên liều tích lũy khi làm việc trong một ngày nằm trong giới hạn cho phép. Suất liều gamma ở các khu vực còn lại tương tự như những năm trước và đều ở dưới mức giới hạn cho phép (dưới 10 µSv/h).

Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt tại khu vực nhà lò và các phòng thí nghiệm được tiến hành sau khi LPƯ ngừng hoạt động và bắt đầu công việc sản xuất đồng vị phóng xạ. Việc phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ và tiến hành công việc tẩy xạ ở những nơi có mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt vượt giới hạn cảnh báo (giới hạn này do Viện NCHN thiết lập để kiểm soát và bằng 1/2 mức cho phép) được thực hiện kịp thời. Năm 2020, mức nhiễm bẩn phóng xạ tại các vị trí kiểm soát ở khu vực nhà số 1 nằm trong giới hạn cho phép (6,90 Bq/cm2) và thấp hơn so với năm 2019 (8,70 Bq/cm2).

Việc kiểm soát nồng độ 131I trong không khí ở Phòng Điều khiển LPƯ, một số phòng sản xuất đồng vị phóng xạ và hành lang nhà số 1 được thực hiện sau một ngày sản xuất đồng vị phóng xạ (ngày làm việc đầu tiên sau đợt sản xuất đồng vị phóng xạ). Tại khu vực sản xuất 131I (phòng 114), nồng độ Iốt phóng xạ trong không khí trung bình ở mức 740 Bq/m3 (theo ICRP PUBLICATION 78, nồng độ 131I cho phép cực đại là 760 Bq/m3 với điều kiện làm việc thường xuyên 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần). Ở các vị trí kiểm soát còn lại, mức I ốt phóng xạ trong không khí luôn thấp hơn nhiều so với mức giới hạn cho phép.

* **Kiểm soát liều cá nhân**

Việc theo dõi, kiểm soát liều cá nhân, bao gồm cả chiếu trong và chiếu ngoài cho các nhân viên làm việc trong môi trường phóng xạ cao (05 nhân viên thuộc Trung tâm An toàn bức xạ và 08 nhân viên thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ) được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID -19 dẫn đến khó khăn trong việc nhập khẩu đồng vị phóng xạ, Viện NCHN đã đẩy mạnh sản xuất thuốc phóng xạ trên LPU Đà Lạt. Để giảm liều cho nhân viên bức xạ trong bối cảnh tăng sản lượng đồng vị phóng xạ, nhiều biện pháp kỹ thuật đã được thực hiện, bao gồm: (i) Tăng cường lưu thông không khí, lọc khí phòng sản xuất khi cải tạo hệ thồng GMP; (ii) Che chắn, gia cố thêm các box sản xuất để giảm liều chiếu; (iii) Đưa phin lọc than hoạt tính ra xa vị trí người làm việc và che chắn thêm để giảm liều chiếu; (iv) Cải tiến quy trình sản xuất.

Việc theo dõi liều chiếu trong cho các nhân viên có nguy cơ bị chiếu trong cao bằng phương pháp lấy mẫu nước tiểu và đo trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên sau mỗi đợt sản xuất đồng vị phóng xạ. Kết quả theo dõi liều chiếu trong (chủ yếu gây ra bởi 131I) cả năm đối với các nhân viên của Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ cho người thấp nhất là 3,71 mSv và người cao nhất là 7,98 mSv (năm 2019, tổng liều chiếu trong cả năm cho người thấp nhất là 1,49 mSv và người cao nhất là 4,81 mSv).

Việc theo dõi liều chiếu ngoài cho cán bộ công nhân viên của Viện được thực hiện với chu kỳ 2 tháng/lần và cho các nhân viên làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ là 1 tháng/lần. Liều cá nhân đối với nhóm sản xuất đồng vị phóng xạ đo được từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2020 nằm trong khoảng 0,55 ÷ 12,19 mSv; những nhân viên còn lại của Viện có liều chiếu ngoài năm 2020 nằm trong khoảng 0,55 ÷ 7,71 mSv. Liều chiếu xạ tổng cộng cho cả năm, bao gồm cả chiếu ngoài và chiếu trong đối với nhân viên bức xạ nhận liều cao nhất là 18,86 mSv, nằm trong giới hạn tối đa cho phép một năm.

* **Quan trắc phóng xạ môi trường xung quanh khu vực Lò phản ứng:**

Đối tượng được quan trắc xung quanh LPƯ là son khí, suất liều gamma môi trường, nước bề mặt và sa lắng. Dưới đây là những kết quả quan trắc cụ thể thu được:

**+ Thành phần phóng xạ trong không khí:**

*Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong son khí ở Đà Lạt năm 2020:*

7Be: (0,66 ÷ 2,64) x 10-3 Bq/m3

40K: (0,05 ÷ 0,21) x 10-4 Bq/m3

232Th: (0,42 ÷ 2,21) x 10-6 Bq/m3

238U: (0,02 ÷ 0,14) x 10-5 Bq/m3

134Cs: < 0,07 x 10-6 Bq/m3

137Cs: < 0,07 x 10-6 Bq/m3

*Mật độ rơi lắng các đồng vị phóng xạ ở Đà Lạt năm 2019:*

7Be: 2,18 ÷ 105,50 Bq/m2/tháng

40K: 1,09 ÷ 10,24 Bq/m2/tháng

232Th: 0,04 ÷ 0,35 Bq/m2/tháng

238U: 0,07 ÷ 0,44 Bq/m2/tháng

134Cs: < 0,02 Bq/m2/tháng

137Cs: < 0,02 Bq/m2/tháng

∑β: 1,4 ÷ 34,7 Bq/m2/tháng

Hoạt độ của các đồng vị phóng xạ tự nhiên 7Be, 40K, 232Th, 238U không thay đổi nhiều so với những năm trước. Đồng vị 137Cs (được sinh ra do việc xả thông lệ hoặc sự cố từ LPƯ hạt nhân hoặc sinh ra từ các vụ thử vũ khí hạt nhân) có hoạt độ rất thấp, dải hoạt độ thu được từ 10 ÷ 100 lần thấp hơn ở các thành phố Châu Âu và Nhật Bản.

**+ Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường**

Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường tại Viện NCHM nằm trong dải từ 1,66 - 1,72 mSv/năm ở Đà Lạt, các giá trị suất liều này gây ra bởi các nguyên tố U, Th, K có trong đất, đá, thực vật, … và 7Be từ tia vũ trụ.

**+ Thành phần phóng xạ trong nước thải sinh hoạt và nước hồ Xuân Hương**

Dải tổng hoạt độ phóng xạ bêta trong nước thải sinh hoạt được thu góp tại của xả hồ lắng của Viện Nghiên cứu hạt nhân năm 2020:

∑β: (77 ÷ 212) mBq/L

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương năm 2019:

238U: (2,9 ÷ 6,7) mBq/L

226Ra: (1,5 ÷ 6,5) mBq/L

232Th: (2,5 ÷ 10,5) mBq/L

40K: (155 ÷ 372) mBq/L

137Cs: < 0,20 ÷ (0,40) mBq/L

∑β: (117 ÷ 359) mBq/L

Các nguyên tố phóng xạ nhân tạo phát gamma chỉ có 137Cs ở mức rất thấp, hoạt độ không có thay đổi gì so với mức phông trước khi Lò phản ứng hoạt động. Các nguyên tố phóng xạ tự nhiên chủ yếu là 238U, 226Ra, 232Th, 40K, trong đó thông số phóng xạ đáng quan ngại nhất trong nước là 226Ra, tuy nhiên, ở đây vẫn còn thấp xa (khoảng 100 lần) so với nồng độ cho phép của 226Ra trong nước sinh hoạt theo TCVN-4397-87 (0,370 Bq/L). Tổng hoạt độ phóng xạ β trong mẫu nước quan trắc, đều thấp hơn so với giới hạn cho phép của nước tự nhiên nêu trong QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (1 Bq/L). So với các năm trước, hoạt độ của các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương không có biến động gì đáng kể.

**+ Thành phần phóng xạ trong đất**

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong đất xung quanh LPƯ năm 2020:

238U: (61,8 ÷ 81,6) Bq/Kg

232Th: (71,1 ÷ 93,0) Bq/kg

40K: (40 ÷ 61) Bq/kg

137Cs: (0,99 ÷ 1,20) Bq/kg

134Cs: < LOD (LOD = 0,08 Bq/kg)

∑β: (456 ÷ 518) Bq/kg

Kết quả về hoạt độ các đồng vị phóng xạ tự nhiên (40K, 232Th, 238U, 226Ra) và nhân tạo (134Cs, 137Cs) trong đất xung quanh LPƯ nằm ở mức phông bình thường và không có biến động gì đáng kể.

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chiếu xạ công nghiệp**

Hiện tại Việt Nam có 8 cơ sở chiếu xạ công nghiệp, đó là:

* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú;
* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú - Chi nhánh
* Công ty TNHH Thái Sơn;
* Công ty CP Chế biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn;
* Trung tâm chiếu xạ Hà Nội;
* Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ;
* Công ty TNHH Nipro Pharma Việt Nam;
* Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Sài Gòn;

**Bảng 5. 1. Công tác đảm bảo an toàn bức xạ của các cơ sở chiếu xạ công nghiệp**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 100% cơ sở thực hiện tốt việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ |
| 2 | Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép | - 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định.  - Các đơn vị nạp nguồn bổ sung đều được Cục ATBXHN phê duyệt cấp phép sử dụng bổ sung nguồn phóng xạ vào thiết bị chiếu xạ đã được Bộ KHCN cấp giấy phép vận hành. |
| 3 | Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ | - 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.  - Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. |
| 4 | Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân | - 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ.  - Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc.  - Các cơ sở đã tổ chức lưu giữ hồ sơ đọc liều của nhân viên bức xạ. Tuy nhiên phần lớn các cơ sở chưa lập sổ theo dõi liều cá nhân cho từng nhân viên theo quy định tại Thông tư 19/2012/TTBKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ | - 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. |
| 7 | Kiểm xạ khu vực làm việc | - 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện đo đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực sử dụng thiết bị chiếu xạ, các đơn vị đều trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ lắp cố định để giám sát an toàn trong thời gian vận hành. |
| 8 | Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ | - 100% các cơ sở đã trang bị hệ thống đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ như: khóa liên động, camera an ninh... kết hợp với kiểm soát hành chính và đội ngũ bảo vệ 24/24 giờ.  - Kiểm đếm nguồn phóng xạ: hầu hết các cơ sở đều thực hiện việc kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ theo quy định (ngoài trừ Trung tâm chiếu xạ Hà Nội, do đặc trưng của loại thiết bị chiếu xạ này nguồn phóng xạ lưu giữ trong bể khô với hệ thống hầm che chắn nên không thể thực hiện kiểm đếm thông thường như hệ bể lưu giữ bằng nước). |
| 9 | Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn | - 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (hình ảnh và âm thanh....) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ (hệ thống dừng khẩn cấp, khóa liên động, thiết bị theo dõi bức xạ.....).  - Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ | - 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ.  - Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu.  - Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động. |

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở xạ trị và y học hạt nhân**
2. Đến hết năm 2020, Việt Nam có 30 cơ sở xạ trị (trong đó có 42 thiết bị gia tốc và 11 thiết bị sử dụng nguồn) và 50 cơ sở y học hạt nhân còn hoạt động. Danh sách các cơ sở này được liệt kê tại Phụ lục 7.

100% các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ đã được cấp phép tiến hành công việc bức xạ..

Kết quả đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ được đưa ra trong Bảng 5.2.

**Bảng 5.2. Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Việc chấp hành các quy định về khai báo, xin cấp phép, các điều kiện giấy phép đã được cấp: | 100% cơ sở thực hiện tốt. |
| 2 | Trách nhiệm, quyền hạn, hiệu quả thực thi nhiệm vụ của người phụ trách an toàn bức xạ | 100% cơ sở đã bổ nhiệm người phụ trách an toàn, người phụ trách an toàn được phân quyền và trách nhiệm theo đúng quy định.  Báo cáo của các cơ sở chưa thể hiện hiệu quả thực thi nhiệm vụ của người phụ trách an toàn. |
| 3 | Chứng chỉ nhân viên bức xạ đối với người phụ trách an toàn, nhân viên bức xạ khác | 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. |
| 4 | Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn bức xạ cho nhân nhiên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được đào tạo ban đầu và đào tạo lại về an toàn bức xạ. |
| 5 | Thực hiện công tác quản lý, đọc liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được trang bị liều kế các nhân và được đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần. |
| 6 | Tổ chức công tác theo dõi, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được tổ chức khám sức khỏe định kỳ. |
| 7 | Thực hiện công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật của thiết bị bức xạ, các chứng chỉ tài liệu liên quan đến nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở đã lập và lưu giữ các hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết bị và do bộ phận kỹ thuật quản lý. |
| 8 | Lập sổ theo dõi vận hành thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở đã lập sổ theo dõi (nhật ký vận hành) thiết bị chiếu xạ. |
| 9 | Thực hiện Quy trình hướng dẫn v ận hành thiết bị an toàn, quy trình tiến hành công việc bức xạ khác liên quan | 100% các cơ sở đã xây dựng quy trình vận hành. |
| 10 | Thực hiện Nội quy an toàn bức xạ | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn đến toàn bộ các nhân viên bức xạ. |
| 11 | Lập và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở, trình Cục ATBXHN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, công tác triển khai thực hiện diễn tập kế hoạch ƯPSC…  Thống kê các sự cố bức xạ xảy ra (nếu có mô tả sự cố, biện pháp khắc phục, xử lý sự cố, kết quả xử lý, báo cáo kết quả lên cấp trên) | - 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ tuy nhiên tất cả các cơ sở chưa tổ chức diễn tập ứng phó sự cố. |
| 12 | Thực hiện các quy định đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ (chỉ áp dụng đối với các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ) | - 100% cơ sở đã xây dựng quy định về đảm bảo an ninh, có trang bị hệ thống camera theo dõi, bảo vệ 24/24 giờ. |
| 13 | Thực hiện kiểm tra chất lượng thiết bị, kiểm xạ định kỳ khu vực làm việc | 100% cơ sở đã trang bị thiết bị đo suất li ều bức xạ, hàng ngày đều thực hiện kh ảo sát bức xạ tại các khu vực đặt phòng xạ trị. |
| 14 | Công tác trang bị, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ | 100% cơ sở đã thực hiện hiệu chuẩn thiết bị theo định kỳ. |
| 15 | Quy định các biển cảnh báo bức xạ (thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nơi sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ) | 100% cơ sở đã thực hiện khoanh vùng, trang bị biển cảnh bảo bức xạ. |
| 16 | Công tác lưu giữ bảo quản thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | Các nguồn phóng xạ sau khi không còn nhu cầu sử dụng đều được lưu kho an toàn và được cấp giấy phép lưu giữ nguồn phóng xạ. |
| 17 | Thực hiện các yêu cầu của cơ quan QLNN về ATBX và khuyến cáo của kết luận thanh tra (nếu có) | 100% cơ sở đã thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý và các khuyến cáo của đoàn thanh kiểm tra. |

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

Theo thống kê trong năm 2020 cả nước có 80 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT). Các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong NDT đều đã được Cục ATBXHN cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

Thống kê công tác đảm bảo an toàn bức xạ của các cơ sở này được đưa ra trong Bảng 4 dưới đây.

**Bảng 4. Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 100% cơ sở thực hiện việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ.  Việc thực hiện khai báo khi nạp nguồn phóng xạ trong quá trình sử dụng thiết bị chụp ảnh phóng xạ dùng nguồn phóng xạ của hầu hết các cơ sở tốt. |
| 2 | Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép | 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định. |
| 3 | Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ | 100% người phụ trách và nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. Hiện nay, theo quy định của Thông tư 34/2014/TT- BKH&CN ngày 27/11/2014 Quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ, các nhân viên bức xạ mới đang dần chuyển sang học theo quy định này khi chứng nhận đào tạo hết hạn hoặc khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ mới. |
| 4 | Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân | 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ.  Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc.  - Các quy định tại Thông tư 19/2012/TT-BKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định.  Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ | 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở và lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố gửi Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. |
| 7 | Kiểm xạ khu vực làm việc | 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện giám sát và đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực tiến hành công việc bức xạ tại hiện trường, tại kho lưu giữ khi không sử dụng; 100% đơn vị trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định. |
| 8 | Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở tuân thủ quy định hiện hành về công tác bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ: kiểm kê, kiểm đếm, bảo đảm an ninh khi vận chuyển hoặc khi không sử dụng, ...  Việc triển khai thực hiện quy định lắp đặt thiết bị giám sát nguồn phóng xạ theo quy định của Thông tư 13/2015/TT-BKHCN ngày 21/7/2015 sửa đổi bổ sung cho Thông tư 23/2010/TT-BKHCN còn nhiều tranh cãi và bất cập.  Các cơ sở đều ủng hộ và 06 cơ sở tình nguyện tham gia dự án RadLot về lắp đặt thiết bị giám sát nguồn phóng xạ của Việt Nam do IAEA và Hàn Quốc tài trợ. 06 cơ sở được lựa chọn tham gia lắp đặt thử thiết bị giám sát nguồn phóng xạ do các tổ chức trong nước sản xuất, chế tạo và thử nghiệm. |
| 9 | Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn | 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (biển cảnh báo, còi cảnh báo, đèn cảnh báo) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ cũng như các trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố.  Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ.  Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu.  Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động.  Ngoài ra, do nhận thức về văn hóa an toàn, an ninh còn chưa được nâng cao nên tại một số đơn vị còn xuất hiện việc nhân viên chụp ảnh phóng xạ không tuân thủ các quy trình làm việc, nội quy an toàn dẫn đến các sự cố như bị chiếu xạ vượt quá giới hạn hoặc để mất nguồn phóng xạ. |

## 

# VI. AN TOÀN ĐỐI VỚI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU

1. **Giới thiệu chung**

Hiện tại Việt Nam có duy nhất một Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu (LPƯNC) là Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (LPƯHNĐL) thuộc Viện Nghiên cứu hạt nhân (NCHN). Lò phản ứng (LPƯ) được xây dựng từ những năm 1960 theo công nghệ TRIGA Mark II với công suất ban đầu là 250 kW. LPƯ được đưa vào hoạt động từ năm 1963 tới năm 1968 thì dừng hoạt động do chiến tranh ác liệt tại khu vực Tây Nguyên. Năm 1975, toàn bộ nhiên liệu hạt nhân của LPƯ được lấy ra khỏi vùng hoạt và chuyển về Mỹ. Trong những năm 1980, với sự hỗ trợ của Liên Xô cũ, LPƯ đã được thay đổi cấu trúc vùng hoạt, nạp nhiên liệu hạt nhân và nâng công suất lên 500 kW. LPƯ chính thức hoạt động trở lại từ tháng 3/1984 cho tới nay.

Sau gần 60 năm từ khi bắt đầu được xây dựng, LPƯHNĐL gặp phải các vấn đề về lão hóa đối với các cấu trúc, hệ thống và bộ phận quan trọng về an toàn. Bên cạnh đó, do công suất thấp và phạm vi ứng dụng hẹp, LPƯHNĐL không còn đáp ứng đủ nhu cầu ứng dụng trong nước ngày càng tăng. Năm 2011, Việt Nam và Liên bang Nga ký Hiệp định hợp tác xây dựng Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân, trong đó cấu phần chính là LPƯNC mới công suất 10 MW, có thể được nâng công suất lên 15 MW. Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân được xây dựng nhằm mục tiêu tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật bức xạ và hạt nhân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, Dự án Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân đã được Thủ tưởng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư (Pre-FS) theo Quyết định số 75/QĐ-TTg ngày 19/11/2018 và Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 15/5/2020. LPƯNC mới có công suất lớn hơn nhiều so với LPƯHNĐL, do đó Cục ATBXHN đang tích cực xây dựng, trình Bộ KH&CN ban hành các văn bản quy định về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯNC mới. Trong khi, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam đang tích cực chuẩn bị cho việc khảo sát, lập hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt địa điểm và phê duyệt dự án đầu tư (FS).

1. **Hoạt động quản lý, bảo đảm an toàn Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt**

LPƯHNĐL được Bộ KH&CN cấp Giấy phép vận hành số 06/GP-BKHCN ngày 07/2/2013 có giá trị trong thời hạn 10 năm. Trong những năm gần đây, Cục ATBXHN thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯHNĐL thông qua hoạt động thanh tra trực tiếp LPƯHNĐL (Cục ATBXHN không thanh tra LPƯHNĐL trong năm 2020) và đánh giá Báo cáo tình hình hoạt động của LPƯHNĐL và công tác bảo đảm an toàn bức xạ được Viện NCHN báo cáo định kỳ hàng năm.

Theo Báo cáo tình hình hoạt động của LPƯHNĐL và công tác bảo đảm an toàn bức xạ năm 2020 của Viện NCHN, LPƯHNĐL đã vận hành 35 đợt chạy lò dài ngày ở công suất 500 kW để phục vụ cho việc chiếu mẫu sản xuất các đồng vị phóng xạ, chiếu xạ kích hoạt mẫu để phân tích các nguyên tố và tiến hành các thí nghiệm nghiên cứu kết hợp khác. Ngoài các đợt vận hành lò dài ngày, thời gian còn lại được dành cho công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị thuộc các hệ thống công nghệ hoặc vận hành lò ở công suất thấp, thời gian ngắn phục vụ cho các thí nghiệm nghiên cứu và công tác đào tạo. Tổng thời gian LPƯ hoạt động ở công suất trong năm 2020 đạt khoảng 4300 giờ; khoảng 1485 Ci đồng vị phóng xạ các loại đã được cung cấp cho các bệnh viện trong nước, trong đó khoảng 1160 Ci đã được sản xuất trên LPƯHNĐL. Các mẫu sinh học, mẫu địa chất, mẫu trầm tích,… cũng được chiếu xạ trên LPƯ phục vụ cho việc nghiên cứu và triển khai.

Quá trình vận hành LPƯ trong năm 2020, LPƯHNĐL đã xảy ra 21 lần dập lò tự động, trong số đó có 18 lần dập lò do nháy điện và 03 lần do sai hỏng hệ công nghệ LPƯ (01 lần dập lò do CPU khối PNO-121R6 của hệ điều khiển bị treo và 02 lần dập lò do xuất hiện tín hiệu giả về sai hỏng trên hệ công nghệ LPƯ - tín hiệu AZ2). Các sự kiện dập lò tự động nêu trên không ảnh hưởng đến vấn đề an toàn của LPƯHNĐL.

Công tác kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, hệ thống công nghệ của LPƯHNĐL đã được Viện NCHN thực hiện thường xuyên. Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm tra định kỳ các thông số hóa học của nước trong bể lò và trong bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng cũng được thực hiện đầy đủ. Độ pH và độ dẫn điện nước trong bể lò và trong bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng được duy trì trong giới hạn vận hành cho phép. Kết quả đo đạc và theo dõi các đồng vị phóng xạ (135Xe, 41Ar, 28Al và 56Mn) trong nước của bể lò cho thấy không có thay đổi đáng kể chứng tỏ chất lượng nước trong bể lò được bảo đảm và không có bất thường liên quan tới tính toàn vẹn của vỏ bọc nhiên liệu. Qua theo dõi thùng lò bằng thiết bị camera độ phân giải cao, kết quả cho thấy tình trạng ăn mòn của thùng lò và các bộ phận bên trong bể lò chưa đáng kể.

Việc kiểm soát khí thải phóng xạ sinh ra từ hoạt động của LPƯ được thực hiện bằng hệ kiểm soát khí thải AMS-4 đặt sau phin lọc của hệ thống gió V1(hút khí từ LPƯ sau đó đi qua ống thải khí cao 40 m). Hệ AMS-4 kiểm soát định kỳ hoạt độ khí trơ, I-ốt phóng xạ và son khí trong dòng không khí thải ra từ hệ V1. Trong năm 2020, tổng hoạt độ khí trơ thải ra môi trường đo được trong các đợt vận hành LPƯ là 1,26x1011 Bq, nhỏ hơn so với quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/8/2014 quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Kết quả đo hoạt độ phóng xạ của I-ốt và son khí qua hệ AMS-4 là rất thấp.

Việc xử lý nước thải phóng xạ sinh ra từ công việc vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ được thực hiện thường xuyên. Nước sau khi qua hệ thống xử lý nước thải phóng xạ (đặt ở tầng hầm nhà số 2) được lấy mẫu kiểm tra và chỉ thải ra môi trường khi các thông số hóa lý thấp hơn giới hạn cho phép. Trong năm 2020, đã thu nhận và xử lý khoảng 20 m3 nước thải phóng xạ sinh ra từ công việc vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ, cũng đã xử lý 02 m3 nước thải phóng xạ thứ cấp (chủ yếu sinh ra trong quá trình tái sinh các phin nhựa trao đổi i-ôn của Trạm xử lý nước thải phóng xạ, sản phẩm của quá trình keo tụ sử dụng hóa chất) bằng hệ hóa hơi hiện có ở Viện NCHN.

Việc kiểm soát suất liều gamma và suất liều nơtron ở khu vực LPƯ trong thời gian lò hoạt động được thực hiện đều đặn trong các đợt vận hành lò dài ngày. Kết quả đo suất liều gamma ở các vị trí trong khu vực nhà lò không thay đổi nhiều so với năm 2019. Tại các khu vực có nhân viên làm việc thường xuyên, suất liều gamma trung bình đều nằm trong giới hạn cho phép (khoảng từ 0,37 ÷ 6,30 µSv/h). Việc kiểm soát suất liều nơtron được thực hiện tại 06 vị trí trong khu vực nhà lò, bao gồm các kênh ngang số 1 (tại cửa kênh), các kênh ngang số 2, 3 và 4 (tại vị trí có người thường xuyên làm việc), cột nhiệt và một vị trí trên mặt lò. Trong năm 2020, suất liều nơtron trung bình đo được tại kênh ngang số 2 là 1,18 µSv/h, thấp hơn nhiều so với trung bình của năm 2019 (9,62 µSv/h); suất liều nơtron trung bình tại vị trí cột nhiệt là 1,54 µSv/h; ở vị trí mặt lò là 0,06 µSv/h; ở kênh ngang số 4 là 0,77 µSv/h; các vị trí kênh ngang số 1 và số 3 thấp hơn ngưỡng phát hiện của thiết bị đo. Việc kiểm soát liều khu vực tại các phòng thí nghiệm ở tòa nhà số 1, nhà số 2, nhà số 2A, nhà số 5A, nhà đặt nguồn Co-60 và Trung tâm Đào tạo được thực hiện mỗi tháng từ một đến hai lần tùy thuộc vào đợt chạy lò dài ngày. Suất liều gamma trung bình tại các phòng thí nghiệm sản xuất Iốt viên nang (đo tại các vị trí làm việc) ở thời điểm sản xuất trung bình vào khoảng 22,36 µSv/h, tuy nhiên do thời gian làm việc tổng cộng của một nhân viên trong phòng này cho cả đợt sản xuất không quá 02 giờ nên liều tích lũy cho một ngày nằm trong giới hạn cho phép. Suất liều gamma ở các khu vực còn lại tương tự như những năm trước và đều ở dưới mức giới hạn cho phép (dưới 10 µSv/h).

Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt tại khu vực nhà lò và các phòng thí nghiệm được tiến hành sau khi LPƯ ngừng hoạt động và bắt đầu công việc sản xuất đồng vị phóng xạ. Việc phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ và tiến hành công việc tẩy xạ ở những nơi có mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt vượt giới hạn cảnh báo (giới hạn này do Viện NCHN thiết lập để kiểm soát và bằng ½ mức cho phép) được thực hiện kịp thời. Năm 2020, mức nhiễm bẩn phóng xạ trung bình tại các vị trí kiểm soát ở khu vực nhà số 1 nằm trong giới hạn cho phép (6,9 Bq/cm2), thấp hơn so với năm 2019 (8,70 Bq/cm2).

Việc kiểm soát nồng độ 131I trong không khí ở Phòng Điều khiển LPƯ, một số phòng sản xuất đồng vị phóng xạ và hành lang nhà số 1 được thực hiện sau một ngày sản xuất chất đồng vị phóng xạ (ngày làm việc đầu tiên sau đợt sản xuất đồng vị phóng xạ). Tại khu vực sản xuất 131I (phòng 114), nồng độ Iốt phóng xạ trong không khí trung bình ở mức 740 Bq/m3 (theo ICRP PUBLICATION 78, nồng độ 131I cho phép cực đại là 760 Bq/m3 với điều kiện làm việc thường xuyên 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần). Ở các vị trí kiểm soát còn lại, mức Iốt phóng xạ trong không khí luôn thấp hơn nhiều so với mức giới hạn cho phép.

1. **Xây dựng văn bản về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu**

Để chuẩn bị cơ sở pháp lý cho việc triển khai Dự án Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân và quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯNC mới, Cục ATBXHN đã và đang xây dựng một số văn bản quy định về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯNC, bao gồm:

- Quyết định 2403/QĐ-BKHCN ngày 26/8/2016 Ban hành Quy định về an toàn hạt nhân đối với địa điểm xây dựng LPƯNC thuộc Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân;

- Thông tư 05/2020/TT-BKHCN ngày 30/10/2020 Quy định về an toàn hạt nhân đối với cơ sở LPƯNC;

- Dự thảo Quyết định ban hành Hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục phê duyệt địa điểm và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở LPƯNC thuộc Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân (dự kiến ban hành năm 2021);

- Dự thảo Quyết định ban hành Hướng dẫn thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt địa điểm và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở LPƯNC thuộc Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân (dự kiến ban hành năm 2021)./.

# VII. THANH SÁT HẠT NHÂN

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân đã được ký kết ngày 02/10/1989 và có hiệu lực từ ngày 23/02/1990. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã ký Nghị định thư bổ sung (AP) cho cho Hiệp định Thanh sát ngày 10/8/2007. AP đã có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 17/9/2012. Hiệp định thanh sát và AP là cơ sở cho các hoạt động thanh sát hạt nhân của IAEA tại Việt Nam.

Các hoạt động thanh sát theo Hiệp định thanh sát bao gồm việc tiếp nhận báo cáo từ các cơ sở, xây dựng báo cáo quốc gia định kỳ theo yêu cầu của Hiệp định Thanh sát và nộp cho IAEA; đồng thời tiếp nhận 02 chuyên gia IAEA vào Việt Nam thực hiện thanh sát định kỳ tại Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt và các cơ sở ngoài địa điểm (LOF) tại Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân

Việc thực hiện AP bao gồm tiếp nhận các khai báo từ các cơ sở chịu khai báo, xây dựng khai báo định kỳ quốc gia theo yêu cầu của AP và gửi cho IAEA; đồng thời tiếp nhận chuyên gia IAEA vào Việt Nam thực hiện tiếp cận bổ sung.

*1. Tình hình thực hiện*

- Thực hiện Hiệp định Thanh sát:

+ Gửi các báo cáo thanh sát đến IAEA kịp thời và chính xác. Đến nay đã có 1128 báo cáo AP, 91 báo cáo kế toán vật liệu hạt nhân. Năm 2020 Phòng đã làm 11 báo cáo kế toán vật liệu hạt nhân và gửi cho IAEA bao gồm 11 báo cáo ICR đối với vùng cân bằng vật liệu hạt nhân tại các địa điểm bên ngoài địa điểm LOF (VV-Z)., tạo điều kiện cho các cơ sở của Việt Nam thực hiện các hoạt động liên quan đến vật liệu hạt nhân.

+ Gửi thông báo cho IAEA về các ngày nghỉ lễ trong năm 2020 theo quy định của Hiệp định Thanh sát và Nghị định thư bổ sung.

+ Đã làm thủ tục phê duyệt cho 15 thanh sát viên do IAEA đề cử.

+Nam 2020 do tình hình dịch COVID-19 nên việc xin cấp visa một năm nhiều lần cho các thanh sát viên quốc tế là không thể. Phòng đã hoàn chỉnh các thủ tục hành chính việc xin cấp Visa 01 lần và có thời hạn cho 02 thanh sát viên quốc tế để vào Việt Nam thực hiện Hiệp định thanh sát> Dự kiến 02 thanh sát viên quốc tế này sẽ làm việc tại Việt Nam vào cuối tháng 6/2021.

+ Phối hợp với IAEA tổ chức Hội thảo về nâng cao năng lực của các cán bộ liên quan trong quá trình thực hiện thanh sát tại cơ sở vào ngày 07 -08/2020 tại trụ sở Cục An toàn bức xạ và hạt nhân

+ Đón và làm việc với 02 thanh sát viên IAEA thực hành thanh sát định kỳ tại Viện Nghiên cứu hạt nhân ngày 10/01/2020

+ Việt Nam đã ký Nghị định thư bổ sung (AP). Việc thực hiện bao gồm tiếp nhận khai báo từ các cơ sở chịu khai báo, xây dựng khai báo định kỳ quốc gia theo yêu cầu của AP và nộp các khai báo định kỳ cho IAEA. Năm 2020 Phòng đã xây dựng và nộp 15 khai báo cho IAEA

- Thực hiện Nghị định thư bổ sung (AP):

+ Việt Nam đã ký Nghị định thư bổ sung (AP). Việc thực hiện bao gồm tiếp nhận khai báo từ các cơ sở chịu khai báo, xây dựng khai báo định kỳ quốc gia theo yêu cầu của AP và nộp các khai báo định kỳ cho IAEA. Năm 2020 Phòng đã xây dựng và nộp 15 khai báo cho IAEA

+ Xây dựng và gửi khai báo theo quy định của Nghị định thủ bổ sung cho IAEA, sử dụng phần mềm mới PR3 do IAEA cung cấp. Đến nay, tổng cộng đã có 128 khai báo gửi cho IAEA.

+ Năm 2020, Phòng đã thực hiện tiếp cận bổ sung báo trước 24 giờ tại Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân (Hà Nội) theo yêu cầu của thanh sát viên IAEA vào ngày 12/01/2020. Đợt tiếp cân bổ sung đã diễn ra tốt đẹp và tạo điều kiện cho thanh sát viên IAEA hoàn thành nhiệm vụ.

- Thực hiện thanh sát nội địa các cơ sở và địa điểm ngoài cơ sở hạt nhân trong nước từ ngày 01/12/2020 đến ngày 8/12/2020 tại các cơ sở của Viện Công nghệ Xạ Hiếm, Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân và Viên Nghiên cứu hạt nhân.

*2. Đánh giá kết quả*

- Các báo cáo thanh sát đã được nộp cho IAEA đúng thời hạn, với chất lượng tốt.

- Các khai báo theo Nghị định thư bổ sung đã được nộp cho IAEA đúng thời hạn, với chất lượng tốt.

- Quan hệ hợp tác với IAEA trong lĩnh vực thanh sát có hiệu quả.

- Tổ chức các buổi làm việc giữa Cục An toàn bức xạ và hạt nhân và các cơ sở ngoài địa điểm của Việt Nam với các thanh sát viên đã diễn ra hiệu quả và tốt đẹp./.

# VIII. QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

1. **Giới thiệu về hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

**1.1** **Nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

1. Chất thải phóng xạ phải được quản lý bảo đảm an toàn cho con người và môi trường kể từ khi phát sinh cho đến khi được phép thải bỏ như chất thải không nguy hại hoặc chôn cất hoặc tái chế đối với vật thể nhiễm bẩn phóng xạ là kim loại. Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được quản lý bảo đảm an toàn cho con người và môi trường cho đến khi được chuyển trả cho nhà sản xuất, nhà cung cấp nước ngoài hoặc chôn cất.

2. Chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được quản lý chặt chẽ để bảo đảm không gây hại cho con người và môi trường cả ở hiện tại và tương lai, bảo đảm sao cho tổng liều bức xạ đối với nhân viên bức xạ và công chúng không vượt quá giới hạn liều quy định tại Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 của Bộ KHCN quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

3. Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được trả lại nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nước ngoài trong trường nhà sản xuất, nhà cung cấp có chính sách nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

**1.2. Hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

Chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được quản lý bằng hệ thống văn bản pháp luật như mô tả Hình dưới đây:

## Trong đó, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ gồm:

Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ban hành ngày 03/6/2008, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3;

Nghị định số: 07/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật năng lượng nguyên tử;

Quyết định số 115/2007/QĐ-TTg ngày 23/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

Quyết định số 2376/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt định hướng quy hoạch địa điểm lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử”;

Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc kiểm soát và đảm bảo an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng;

Thông tư số 23/2012/TT-BKHCN ngày 23/11/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn vận chuyển an toàn vật liệu phóng xạ.

Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;

Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ;

TCVN 6866-2001 An toàn bức xạ - Giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ và công chúng;

Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ”, với các điều khoản về việc khai báo, Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;

Thông tư số 19/2010/TT-BKHCN ngày 28/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Hướng dẫn thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân” với các điều khoản về thanh tra an ninh nguồn phóng xạ trong quá trình thanh tra;

Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ” với các điều khoản về các biện pháp an ninh nhằm đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ từ mức an ninh cao nhất (mức A) đến mức an ninh thấp nhất (mức D) trong sử dụng, lưu giữ và vận chuyển nguồn phóng xạ;

Thông tư số 24/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ với các điều khoản về phân loại và phân nhóm nguồn phóng xạ theo yêu cầu về an ninh;

Thông Tư số 27/2014/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệngày 10/10/2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Chính phủ về việc Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, với các điều khoản hướng dẫn về nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với an ninh nguồn phóng xạ;

**2. Hoạt động quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Việt Nam**

**2.1. Hiện trạng quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

Trong những năm qua, việc ứng dụng năng lượng nguyên tử vào trong hoạt động công nghiệp, y tế, nghiên cứu, đào tạo và các lĩnh vực khác đã diễn ra mạnh và đem lại thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với đó là phát sinh ra các chất thải phóng xạ, hay là nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Hiện nay, việc chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được lưu giữ tại nhiều địa điểm trên toàn quốc. Việc lưu giữ này khá an toàn, nhưng trên thực tế các cơ sở này không được thiết kế với mục đích quản lý chất thải phóng xạ dài hạn. Đồng thời, việc lưu giữ như vậy là không theo với chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là theo Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ mà Việt Nam đã tham gia năm 2013, theo đó quốc gia phải có cơ sở lưu giữ hoặc chôn lấp quốc gia với các yêu cầu quản lý pháp quy nhằm giảm thiểu rủi ro. Vì vậy, việc xác định các biện pháp quản lý chất thải phóng xạ, lựa chọn được công nghệ hợp lý, giảm thiểu tối đa thể tích chất thải phóng xạ sẽ làm giảm đáng kể công tác quản lý, lưu giữ và chôn cất chất thải phóng xạ và nhiên liệu đã qua sử dụng sau này.

- Đối với việc lưu giữ và quản lý các chất thải phóng xạ, có 02 cơ sở là Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và Viện Công nghệ xạ hiếm.

- Đối với việc lưu giữ và quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, một số cơ sở lưu giữ tập trung với số lượng lớn các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, bao gồm:

+ Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt;

+ Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân;

+ Trung tâm Đánh không phá huỷ (NDE);

+ Viện Công nghệ xạ hiếm;

+ Liên đoàn Vật lý địa chất;

+ Liên doanh dầu khí Vietsopetro.

- Các cơ sở này đã được Cục ATBXHN cấp giấy phép và thường xuyên được thanh tra Cục thực hiện thanh tra định kỳ. Tổng số nguồn phóng xạ được lưu giữ trong cả nước hiện nay khoảng 3262 nguồn.

- Theo quy định tại Thông tư 22/2014/TT-BKHCN, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng sẽ được đưa về lưu giữ tập trung tại cơ sở lưu giữ lâu dài do Bộ KH&CN chỉ định . Để thực hiện yêu cầu này, Bộ KH&CN đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng cấp kho lưu giữ của Bộ Tư lệnh hóa học làm cơ sở lưu giữ tập trung lâu dài của quốc gia. Tuy nhiên cho đến thời điểm này (2019) việc này vẫn chưa được xem xét và hiện nay Viện NLNTVN đã có dự án xin phép Bộ KH&CN cho chủ trương về việc xây dựng kho lưu giữ lâu dài nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng.

**2.2. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE)**

***2.2.1. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang lưu giữ***

Kho lưu giữ nguồn phóng xạ của NDE tại địa điểm 140 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội được xây dựng từ năm 2003 và đưa vào sử dụng tháng 9 năm 2004.

Hiện nay, NDE đang lưu giữ 1047 nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang được lưu giữ tại NDE như Bảng 9.1 dưới đây.

***2.2.2 Công tác đảm bảo an ninh***

* Cơ sở sử dụng camera theo dõi, bảo vệ 24/24 tại khu vực kho nguồn.
* Tuân thủ việc kiểm đếm nguồn phóng xạ theo quy định của Thông tư số Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ”, định kỳ 1 tuần kiểm đến 1 lần.
* Cơ sở lập hồ sơ kiểm kê nguồn định kỳ, có biên bản bàn giao, tiếp nhận nguồn phóng xạ.
* Cơ sở lập sổ theo dõi kho trong đó ghi rõ: tên các thiết bị, nguồn phóng xạ được lưu giữ tại kho, thời gian lưu giữ, thời gian mang nguồn đi sử dụng, người xuất, nhận thiết bị, nguồn …

***2.2.3. Công tác kiểm xạ khu vực làm việc***

Công tác kiểm xạ khu vực làm việc được cơ sở thực hiện theo quy định. **Tần suất kiểm xạ 01 quý/lần.** Giá trị suất liều bức xạ lớn nhất đo được ngoài kho là 0,22 µSv/giờ ngày 15/3/2021, giá trị này xấp xỉ giá trị đo của phông tự nhiên, nằm trong ngưỡng an toàn cho phép đối với dân chúng. Kết quả đo được lập thành hồ sơ để lưu giữ.

**Bảng 9.1. Bảng thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang được  
lưu giữ tại NDE**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nguồn** | **Số lượng** | **Tổng Hoạt độ** | **Hiện trạng** | **Giấy phép** | **Chủ sở hữu** |
| 1 | Ir-192 và Se-75 | 990 | 198 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Trung tâm NDE và Công ty TNHH MTV NEAD |
| 2 | D.U và vỏ thiết bị chụp ảnh | 16 | N/A | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Trung tâm NDE |
| 3 | Cs-137 | 15 | 3,7 Ci | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Trung tâm NDE |
| 4 | Am-241 | 5 | 471 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Trung tâm NDE |
| 5 | Sr-90 | 1 | 6 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Trung tâm NDE |
| 6 | Co-60 | 3 | 186 Ci | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Trung tâm NDE |
| 7 | Am-241:Be | 8 | 320 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Trung tâm NDE |
| 8 | Cs-137 | 2 | 20 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty CP Cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| 9 | Am-241:Be | 1 | 40 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty CP Cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| 10 | Cf-252 | 1 | 40 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty CP Cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| 11 | D.U (vỏ thiết bị chụp ảnh) | 1 | N/A | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty NEADMTV |
| 12 | Co-60/D.U | 1 | 30,5 Ci | Đang sử dụng | 338/GP-ATBXHN ngày 26/5/2020 | Trung tâm NDE |
| 13 | Am-241:Be | 1 | 49,7 mCi | Đang sử dụng | 404/GP-ATBXHN ngày 09/7/2018 | Trung tâm NDE |
| 14 | Cs-137 | 1 | 6,2 mCi | Đang sử dụng | 14/GP-ATBXHN ngày 19/01/2021 | Trung tâm NDE |
| 15 | Am-241/Be | 1 | 39,3 mCi | Đang sử dụng | 14/GP-ATBXHN ngày 19/01/2021 | Trung tâm NDE |
|  | **Tổng cộng** | **1047** | **221,4 Ci** |  |  |  |

**2.3. Hoạt động của kho lưu giữ chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Viện Nghiên cứu hạt nhân**

***2.3.1. Công tác quản lý chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình vận hành lò phản ứng***

**a. Công tác quản lý chất thải rắn:**

- Tòa nhà số 5 đang lưu giữ tổng số 255 thùng phuy 200 lít chứa các chất thải phóng xạ rắn/lỏng đã điều kiện hóa; 11 thùng phuy 200 lít chứa đất nhiễm xạ Co-60 (trong đó có 01 thùng chứa bao bì, quần áo nhiễm xạ); 306,31 kg mẫu vật Urani (giả); 514,5kg mẫu vật Urani nghèo.

* Quy trình xử lý đối với chất thải rắn:

+ Thu gom: Chất thải rắn được thu gom vào các túi nilong có dán phiếu thông tin về chất thải;

+ Định kì hàng tuần, các đơn vị phát sinh chất thải phóng xạ rắn sẽ chuyển các túi chứa chất thải đến tòa nhà 5 (kho lưu giữ chất thải phóng xạ) để bàn giao cho Phòng CNN & TBX quản lý;

+ Sau 1 năm, chất thải rắn sẽ được phân loại lại và tiến hành điều kiện hóa bằng phương pháp nén ép, thu nhỏ thể tích, đưa vào thùng phi kim loại có thể tích là 200 lít và lưu giữ lâu dài tại tòa nhà 5.

* Viện có lập sổ theo dõi thu nhận chất thải rắn và chưa xả thải ra môi trường lần nào.

**b. Công tác quản lý chất thải lỏng:**

* Phân loại: Sơ cấp và thứ cấp

+ Sơ cấp: sinh ra từ vận hành lò phản ứng, các phòng thí nghiệm sử dụng đồng vị phóng xạ hở, Trung tâm NC&DC ĐVPX và trạm giặt đồ bảo hộ bị nhiễm bẩn phóng xạ;

+ Loại thứ cấp: sinh ra từ quá trình xử lý chất thải phóng xạ lỏng sơ cấp tại trạm xử lý.

* Địa điểm xử lý chất thải lỏng: Trạm xử lý đặt tại tòa nhà 2
* Quy trình xử lý đối với chất thải phóng xạ lỏng:

+ Thu gom: Chất thải lỏng sơ cấp được thu gom từ các bồn rửa (lavabour). Từ các lavabour chảy về hố thu nằm trong tòa nhà lò, từ hố thu lại bơm về trạm xử lý tại tòa nhà số 2. Trường hợp phòng thí nghiệm không có lavabour thì sẽ được thu gom vào bình nhựa 20 – 40 lít và sẽ được vận chuyển trực tiếp đến trạm xử lý khi gần đầy bình. Riêng chất thải lỏng từ trạm giặt sẽ được thu gom vào 10 thùng chứa Inox (mỗi thùng có thể tích là 500 lít);

+ Sau khi thu gom, chất thải lỏng sẽ được lưu giữ, chờ phân rã sau đó chuyển vào hố thu gom có ký hiệu Zum thể tích 7 m3 dưới nền nhà 2;

+ Nước thải sau khi xử lý sẽ được lưu giữ tại bể có ký hiệu 16-1 với thể tích là 2 m3, bể Zum tại nhà 2 hoặc bể có ký hiệu 10-1 với thể tích là 2 m3. Nước tại bể 16-1 được dùng để cấp nước bổ sung cho vòng 1 của lò phản ứng, nước tại bể Zum được thải vào bể thải công nghiệp của Viện, nước tại bể 10-1 được chảy tự động vào hệ thống thải nước thải sinh hoạt của Viện.

**c. Công tác quản lý chất thải khí:**

Không khí bên trong tòa nhà lò được kiểm soát, làm sạch thông qua các đường ống thông khí đưa về hệ kiểm soát khí nhà lò đặt tại Nhà 1, hệ thiết này có chức năng lọc không khí trong tòa nhà lò phản ứng để giữ lại các chất phóng xạ dạng son khí có trong nhà lò và cung cấp không khí sạch cho nhà lò. Không khí từ nhà lò sau khi đi qua phin lọc được dẫn tới ống khói để thải ra môi trường. Hệ thiết bị kiểm soát không khí có lắp đặt bộ phận lấy mẫu khí sau phin lọc để phân tích online hoạt độ phóng xạ trong khí thải. Dữ liệu quan trắc được lưu giữ trên máy tính liên tục. Tại ống khói thoát khí của nhà lò có bố trí các thiết bị quan trắc phóng xạ. Việc quản lý thiết bị kiểm soát không khí nhà lò thuộc Trung tâm An toàn bức xạ, việc quản lý thiết bị quan trắc phóng xạ tại ống khói thuộc Trung tâm Quan trắc phóng xạ môi trường. Viện đã thực hiện phân tích liều bức xạ gây ra từ hoạt động phát thải khí (Trung tâm Quan trắc phóng xạ môi trường thực hiện).

Tại Trung tâm Sản xuất đồng vị phóng xạ có bố trí các hệ thống hút khí riêng, hệ hút khí này có các phin lọc để lọc đồng vị phóng xạ hở I-131 có trong không khí từ hoạt động sản xuất và chia liều I-131.

***2.3.2. Công tác quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng***

Viện đã được Cục ATBXHN cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng và lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng) số 722/GP-ATBXHN (Gia hạn lần thứ 3) ngày 25/10/2018 có giá trị đến ngày 31/10/2021 cho phép sử dụng 01 kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng gồm 08 hầm bảo đảm các yêu cầu theo quy định về an toàn bức xạ, an ninh đối với nguồn phóng xạ nhóm B

Viện đang quản lý tổng số 974 nguồn phóng xạ, trong đó: sử dụng 116 nguồn phóng xạ; lưu giữ 858 nguồn phóng xạ tại Nhà 5.

Từ tháng 8/2016 đến nay, Viện đã tiếp nhận 79 nguồn phóng xạ (15 nguồn Am-241;11 nguồn Am241/Be; 24 nguồn Cs-137; 02 nguồn C-14; 02 nguồn Ba-133; 03 nguồn Ni-63; 01 nguồn Pm-147; 01 nguồn Co-57; 12 nguồn Ge-68; 01 nguồn Cd-109; 01 nguồn Fe-55; 01 nguồn Ir-192; 01 nguồn Ra-226; 01 nguồn Kr-85; 01 nguồn U-238; 01 nguồn Th-232; 01 nguồn Cf-252). Trong đó 27/79 nguồn phóng xạ được tiếp nhận theo Công văn 505/BKHCN-ATBXHN ngày 24/02/2017 của Bộ KH&CN đối với các nguồn phóng xạ mất an toàn an ninh và 04/79 nguồn phóng xạ được tiếp nhận từ hoạt động ứng phó sự cố của Cục ATBXHN. Trong các nguồn phóng xạ lưu giữ tại nhà 5 có 09 nguồn phóng xạ thuộc mức an ninh B theo Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

1. **Công tác đảm bảo an ninh**

+ Viện có bố trí 02 camera quan sát phía ngoài nhà 5 gồm 01 camera quan sát phía trước và phía bên phải, 01 camera quan sát sau và phía bên trái nhà kho, các camera này được vận hành 24/24, dữ liệu hình ảnh của camera được truyền về máy tính đặt tại nhà 13 của khối hành chính, dữ liệu camera được lưu giữ liên tục theo chu kỳ 30 ngày. Trong nhà 5 nơi lưu giữ nguồn phóng xạ có trang bị 08 camera cố định và 01 camera quay (PTZ).

+ Việc kiểm đếm nguồn phóng xạ lưu giữ trong các hầm được Trung tâm An toàn bức xạ thực hiện định kỳ hàng năm, có lập thành báo cáo gửi Lãnh đạo Viện..

+ Việc tiếp nhận/mang các nguồn phóng xạ vào/ra khỏi các kho thuộc nhà 5 được ghi chép vào Sổ ghi chép đặt tại nhà 5.

+ Kho nguồn có 2 cửa lớn và 1 cửa nhỏ. Hai cửa lớn được khóa bằng 02 khóa, cửa nhỏ được được khóa bằng 02 khóa, các chìa khóa được giao cho người chịu trách nhiệm quản lý.

1. **Công tác đảm bảo an toàn bức xạ**

Nhà 5 được đặt trên lưng chừng đồi phía sau Viện, có đường dốc đi lên, nhà được thiết kế dạng nhà khung thép có tường bao quanh bằng tôn, có tường bê tông cao 1,2 mét, có cửa 2 cánh bằng khung bọc thép dày khoảng 10cm có khóa bên ngoài, trên cánh cửa có gắn biển cảnh báo phóng xạ, bên trong cánh cửa bên phải có một cánh cửa nhỏ.

Bên trong nhà 5 có treo Quy trình làm việc với nguồn phóng xạ kín/hở, Nội quy an toàn bức xạ, nội quy an ninh, chưa niêm yết kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ. Các hầm chứa nguồn phóng xạ được thiết kế thành 08 hầm bằng bê tông chìm, có chiều sâu từ 3,7 đến 6,0 mét, có thể tích khoảng 93,0 m3, bên trên mỗi hầm có 03 nắp đậy bằng bê tông dạng chữ T, nặng khoảng 3,5 tấn/nắp có gắn móc treo, phải sử dụng cần cẩu để nhấc các nắp ra. Phía trên sàn nhà 5 có 03 biển cảnh báo phóng xạ di động. Nhà 5 có hệ thống bốc dỡ cầu trục, tải trọng 7 tấn, chiều cao nâng 6m, di chuyển được 3 chiều, có điều khiển cầm tay, có các lỗ khí tự nhiên gần mái nhà.

Công tác kiểm xạ khu vực làm việc được cơ sở thực hiện theo quy định. Kết quả đo được lập thành hồ sơ để lưu giữ.

**2.4. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Liên doanh dầu khí Vietsopetro**

Các nguồn phóng xạ của Liên doanh dầu khí Vietsopetro được lưu giữ tại kho nguồn có khóa đảm bảo an ninh, có niêm phong, có camera quan sát và bảo vệ.

Việc kiểm đếm được thực hiện hàng tuần. Kiểm kê nguồn được thực hiện một năm một lần. Hàng năm nguồn được bảo dưỡng, đo kiểm tra để đánh giá sự rò rỉ.

Các nguồn phóng xạ được chứa trong các container chuyên dụng và lưu giữ tại kho do Viện dầu khí XAKHALIN\_CHLB Nga thiết kế và lắp đặt tại khuôn viên Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan. Kho được xây trong khuôn viên cách biệt, với tường chắn bê tông xung quanh dày 0,4 m. Hầm lưu giữ nguồn là hệ thống gồm 16 giếng, xếp thành 2 dãy, được chống bằng 2 lớp ống thép và đổ bê tông xung quanh và đáy để chống thấm. Kết cấu bên trong giếng có các gióng sắt hai tầng để chứa nguồn, bên trên là tấm cửa sắt bảo vệ. Trên mỗi giếng có hệ thống baling xích để cẩu nguồn mỗi khi xuất, nhập nguồn.

Nguồn được đặt trong container và đặt trên các kệ của gióng sắt trong giếng chứa nguồn, bên trên có cửa sắt bảo vệ. Xung quanh container nguồn là lớp bê tông cốt sắt che chắn.

Kết cấu giếng bảo đảm khô thoáng, điều kiện nhiệt độ môi trường bình thường.

Khuôn viên kho được bảo vệ bằng hàng rào chắn, cổng có khoá, biển cảnh báo xung quanh và camera quan sát. Chỉ có nhân viên bức xạ có nhiệm vụ mới được vào khuôn viên kho dưới sự giám sát của thủ kho. Các kho tạm thời trên công trình có khóa, niêm phong, biển cảnh báo và cách xa khu vực đông người qua lại.

**2.5. Hoạt động của các cơ sở lưu giữ nguồn phóng xạ khác đã được cấp giấy phép**

Ngoài Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, Liên doanh dầu khí Vietsopetro, Viện KHKTHN, Trung tâm NDE, còn có một số cơ sở khác cũng có kho lưu giữ tập trung các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

**Liên đoàn vật lý địa chất:**

- Số lượng nguồn đang lưu giữ: 686 nguồn phóng xạ.

- Công tác đảm bảo an toàn bức xạ:

+ Kiểm xạ: suất liều đo được tại ngoài kho là 0,135 µSv/giờ, ngày 30/10/2019

+ Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân: Có trang bị đầy đủ liều kế cá nhân và đọc kết quả liều cá nhân định kỳ

- Công tác đảm bảo an ninh:

+ Có trang bị camera theo dõi, bảo vệ 24/24 tại khu vực kho nguồn;

+ Kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ hàng năm. Lần cuối kiểm đếm vào tháng 11/2019. Lập hồ sơ kiểm đếm định kỳ theo quy định của pháp luật.

**2.6. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng**

Từ ngày 11 - 15/6/2018, Cục ATBXHN phối hợp với IAEA và Viện KHKTHN tổ chức điều kiện hóa các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng. Sau khi thống nhất giữa danh sách các nguồn được điều kiện hóa do chuyên gia IAEA cung cấp, danh sách nguồn do Cục ATBXHN giám sát và danh sách quản lý của Viện KHKTHN, số lượng nguồn phóng xạ được điều kiện hóa là: 129/441 (129 là số nguồn phóng xạ trên giấy phép, 441 là số nguồn thực tế được tháo dỡ). Các nguồn phóng xạ này được đưa vào 04 capsule (số sêri từ VIE 001 – VIE 004) và được lưu giữ trong 03 kiện đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

Từ ngày 10 - 14/9/2018, Cục ATBXHN phối hợp với IAEA và Viện NCHN tổ chức điều kiện hóa các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng. Trên cơ sở danh sách các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng do Viện NCHN cung cấp, chuyên gia IAEA đã tiến hành tháo dỡ 472 nguồn phóng xạ (278 là số nguồn phóng xạ theo danh sách của Viện NCHN, 472 là số nguồn thực tế được tháo dỡ). Các nguồn phóng xạ này được đưa vào 06 capsule (số sêri từ DL 001 đến DL 006) đặt trong 03 kiện để điều kiện hóa (kiện 1 chứa capsule DL 001 và DL 004; kiện 2 chứa capsule DL 002 và DL 005; kiện 3 chứa capsule DL 003 và DL 006) và một số container lẻ (chứa nguồn Kr-85, các nguồn Am-241 dùng cho máy báo khói, Ra-226.

**3. Đánh giá chung và kiến nghị**

Nhìn chung, lượng chất thải phóng xạ hiện có ở Việt Nam còn ít, chủ yếu sinh ra từ các ứng dụng đồng vị phóng xạ, từ các nghiên cứu chế biến quặng urani và một phần nhỏ từ hoạt động của lò phản ứng nghiên cứu. Các nguồn phóng xạ kín đã hết hạn hoặc không còn sử dụng phần lớn được lưu giữ tại các cơ sở lưu giữ tập trung và các cơ sở sử dụng nguồn khác. Theo số liệu thống kê của Cục ATBXHN, hiện tại Việt Nam có 3262 nguồn phóng xạ không còn sử dụng đang được lưu giữ ngay tại các cơ sở bức xạ rải rác trên khắp cả nước. Việc không có một cơ sở lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia đã buộc các cơ sở có chất thải phóng xạ phải lưu giữ chất thải này trong các điều kiện bảo đảm an toàn và an ninh còn hạn chế. Nhiều bài học trên thế giới đã cho thấy nếu chất thải phóng xạ không được quản lý một cách an toàn và an ninh thì hậu quả xảy ra có thể sẽ rất nghiêm trọng cả về môi trường và kinh tế.

Vì vậy, việc xây dựng một cơ sở quản lý chất thải phóng xạ quốc gia với thiết kế và kết cấu đặc biệt cho việc chôn cất hoặc lưu giữ lâu dài chất thải loại này sẽ giải quyết được các vấn đề trên. Đồng thời, cũng sẽ giúp Việt Nam thực hiện theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là “Công ước chung về an toàn trong quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn trong quản lý chất thải phóng xạ” mà Việt Nam đã tham gia năm 2013. Các cơ sở loại này từ lâu đã được vận hành an toàn tại nhiều nước trên thế giới.

Về cơ bản, chính sách quản lý chất thải phóng xạ của các quốc gia đều tuân thủ các nguyên lý quản lý chất thải phóng xạ của IAEA. Tuy nhiên, tùy theo quan điểm, tùy theo điều kiện chính trị, kinh tế và điều kiện tự nhiên mà mỗi nước tuân thủ các nguyên lý của IAEA ở mức độ cao thấp khác nhau (Ví dụ nguyên lý 7: về kiểm soát sự phát thải; nguyên lý 8: về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa cơ sở phát thải và cơ sở quản lý thải). Đối với 2 nguyên lý này thì Nga và các nước Đông Âu (Hungari, Bungari, Slovakia...) thường ít quan tâm tới việc giảm tối đa lượng chất thải sinh ra, chất thải thường không được xử lý triệt để, vẫn có thể tích lớn và thường lưu giữ tại các kho chứa lớn ngay tại các cơ sở hạt nhân. Việc chôn cất cuối cùng đối với chất thải này là vấn đề hiện nay nhiều nước Đông Âu đang gặp khó khăn do chi phí cho chôn cất rất lớn và khó đạt các tiêu chuẩn về môi trường theo tiêu chuẩn EU. Chính vì vậy, ngay từ khi chưa có nhiều chất thải phóng xạ, áp lực của việc xử lý, chôn cất chất thải còn thấp, chúng ta không nên chủ quan mà cần phải tính đến việc quản lý chất thải ngay từ đầu.

Tuy nhiên, việc xây dựng một cơ sở lưu giữ như vậy sẽ rất tốn kém và việc quản lý cơ sở này có thể phải kéo dài đến hàng trăm năm. Do vậy, nếu chỉ có nguồn kinh phí riêng, mang tính chất tư nhân thì không thể thực hiện được.

Thực tế trên thế giới cho thấy, hầu hết các nước đều đã có cơ sở lưu giữ trung tâm, do một cơ quan được nhà nước bảo trợ quản lý.

Vì vậy, đối với Việt Nam, xin kiến nghị như sau:

* Cơ sở phát sinh chất thải sẽ xử lý, đóng gói và tạm thời lưu giữ tại cơ sở và sau đó chuyển đến cơ sở lưu giữ, chôn cất quốc gia.
* Cơ quan/Công ty quản lý chất thải phóng xạ quốc gia chịu trách nhiệm tìm lựa chọn địa điểm cũng như các giai đoạn tiếp theo cho cơ sở lưu giữ, chôn cất này. Hiện nay theo chủ trương của Bộ KH&CN, Viện NLNTVN đang soạn thảo đề án xây dựng kho lưu giữ lâu dài nguồn phóng xạ kín quốc gia.
* Tiếp tục thực hiện điều kiện hóa với các nguồn phóng xạ có nguy cơ mất an ninh cao hện đang được lưu giữ tại Viện NCHN và Viện KHKTHN để bảo an toàn và an ninh cũng như để giảm tải công suất về kho lưu giữ nguồn cho 02 đơn vị này./.

# IX. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

**1. Hệ thống quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân**

a) Hệ thống văn bản quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

* Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12;
* Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;
* Luật Trưng mua, Trưng dụng tài sản, số 15/2008/QH12;
* Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm hoạ, dịch bệnh nguy hiểm.
* Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
* Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 Chính phủ về Phòng thủ dân sự;
* Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia;
* Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;
* Quyết định 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019 – 2025
* Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng;
* Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;
* Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

b) Hệ thống tổ chức ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

Theo quy định trong Luật NLNT, hệ thống tổ chức, quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân hiện nay được chia thành 3 cấp là cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở. Tương ứng với mỗi cấp, tổ chức có liên quan phải xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo quy định trong Thông tư 25/2014/TT-BKHCN các cấp ứng phó sự cố phải thành lập Ban chỉ huy ứng phó sự cố để tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân theo phân công trách nhiệm.

Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (Nghị định số 30/2017/NĐ-CP) tập trung chính vào phân công quyền hạn, cơ chế chỉ đạo, hệ thống tổ chức ứng phó, công tác xây dựng lực lượng ứng phó sự cố, bao gồm cả sự cố bức xạ, hạt nhân. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 về việc ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia (Quyết định số 884/QĐ-TTg), trong đó quy định các nội dung về chuẩn bị, xây dựng nguồn lực, hệ thống ứng phó sự cố, phương án ứng phó, phân công trách nhiệm bộ, ngành, địa phương trong triển khai ứng phó với sự cố bức xạ, hạt nhân cấp quốc gia.

Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 quy định nguyên tắc tổ chức, nhiệm vụ, hoạt động phòng thủ dân sự; bảo đảm phòng thủ dân sự; trách nhiệm của các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp về phòng thủ dân sự. Nghị định quy định về nguyên tắc tổ chức phòng thủ dân sự, quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ dân sự v.v. Phạm vi của Nghị định bao gồm cả việc ứng phó thảm họa dịch bệnh hàng loạt; rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân, tán phát hóa chất độc, môi trường;

Quyết định 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019 – 2025 (Quyết định 104) nhằm tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố CBRN (trong đó bao gồm sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân) nhằm ngăn chặn, giảm thiểu hậu quả cho con người và môi trường, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc gia, thúc đẩy việc triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về an toàn, an ninh và không phổ biến vũ khí CBRN. Quyết định 104 cũng đặt ra nhiều mục tiêu cụ thể cần phải đạt được trong từng giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025 trong đó nổi bất là việc đánh giá nguy cơ sự cố CBRN trên phạm vi cả nước, rà soát và đề xuất xây dựng các văn bản pháp quy, kiện toàn tổ chức, xây dựng cơ chế phối hợp, tăng cường tuyên truyền, đào tạo và diễn tập, tăng cường trang thiết bị phục vụ phòng ngừa, phát hiện và ứng phó nguy cơ, sự cố CBRN. Một số nội dung có liên quan tại Quyết định 104 sẽ được lựa chọn, đưa vào Đề án để ưu tiên tổ chức triển khai sớm.

Về hệ thống tổ chức, trong hệ thống ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hệ thống tổ chức ứng phó sự cố tại Việt Nam bao gồm cấp quốc gia, cấp bộ, ngành và cấp địa phương. Trong đó, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn là cơ quan phối hợp liên ngành, có chức năng giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, tổ chức phối hợp thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cả nước và hợp tác khu vực, quốc tế. Quyết định số 884/QĐ-TTg nêu trên cũng đã quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong công tác ứng phó sự cố, trong đó có sự cố xuyên biên giới.

**2. Tình hình triển khai công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố cấp tỉnh và cấp quốc gia**

Thực hiện trách nhiệm quy định trong Luật NLNT và chỉ đạo của Chính phủ, Bộ KHCN đã có văn bản hướng dẫn các địa phương trong cả nước về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ, xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân các tỉnh, thành phố trên cả nước mới mục tiêu ứng phó nhanh chóng, hiểu quả các sự cố xảy ra, đảm bảo an toàn cho con người và môi trường, góp phân giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình để phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và trong cả nước. Bên cạnh quy định trong Luật NLNT, công tác chuẩn bị ứng phó cũng như nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở, cấp tỉnh được quy định chi tiết trong Thông tư 25/2014/TT-BKHCN. Về cơ bản, hệ thống tổ chức ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh bao gồm Ban chỉ huy ứng phó sự cố (lãnh đạo UBND tỉnh và lãnh đạo Sở, ngành liên quan), tổ chức tham gia ứng phó chính tại địa phương (Sở, ngành liên quan), tổ chức hỗ trợ kỹ thuật (bệnh viện, bộ đội phòng hóa, cơ sở tiến hành công việc bức xạ) và các tổ chức hỗ trợ khác.

Ngày 16/6/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 884/QĐ-TTg về việc Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia (Quyết định 884). Quyết định 884 quy định Bộ, ngành phải chuẩn bị sẵn sàng năng lực để tham gia ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia (sự cố xảy ra ở nhóm 5 quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Năng lượng nguyên tử hoặc trong trường hợp sự cố xảy ra ở nhóm 4 quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật này nhưng vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh) với 3 nhóm tình huống và 11 tình huống nhỏ, trong đó bao gồm sự cố từ nhà máy điện hạt nhân và các cơ sở hạt nhân của quốc gia khác ảnh hưởng tới Việt Nam. Quyết định 884 đã nêu rõ hệ thống tổ chức ứng phó sự cố cấp quốc gia và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia ứng phó sự cố bao gồm trách nhiệm phải chuẩn bị sẵn sàng năng lực để tham gia ứng phó sự cố (đào tạo, tập huấn, diễn tập, đầu tư trang thiết bị, phương tiện, xây dựng quy trình tác nghiệp,....).

**3. Tình hình xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của các tỉnh, thành trong cả nước**

Tính đến 12/2020, 53 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Bộ KH&CN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh. Các địa phương còn lại đang xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh. Trong năm 2021, Việt Nam có thể hoàn thiện được công tác phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**4. Hoạt động diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân**

Luật NLNT quy định việc tổ chức diễn tập ứng phó sự cố định kỳ trong kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp quốc gia. Kế hoạch ứng phó sự cố các cấp được ban hành đã quy định cụ thể nội dung liên quan. Hiện nay số địa phương tổ chức diễn tập lần đầu và định kỳ với quy mô khác nhau không ngừng tăng. Tới hết năm 2020, trên 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tổ chức diễn tập với quy mô khác nhau.

Chương trình diễn tập đã tổ chức thành công và tạo được sự thu hút với các Sở ban ngành trong địa phương cũng như là công chúng. Đây cũng là những bước đầu tiên để nâng cao nhận thức về an toàn bức xạ và ứng phó sự cố của các tổ chức, cá nhân tham gia và hoàn thiện cơ chế phối hợp hiệu quả khi sự cố xảy ra.

**5. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân**

Hiện nay Bộ KH&CN là đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Thông báo sớm và Công ước trợ giúp trong sự cố bức xạ, hạt nhân. Theo chức năng của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, Cục ATBXHN tiếp tục tham gia tích cực vào các nhóm chuyên đề ứng phó sự cố trong các dự án hợp tác vùng của IAEA, EC, Mạng lưới an toàn hạt nhân châu Á về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân, phòng ngừa, phát hiện và ứng phó nguy cơ sự cố CBRN. Cục ATBXHN tiếp tục phối hợp với các Sở KHCN tổ chức các khóa đào tạo về ứng phó sự cố, phối hợp với các tổ chức hỗ trợ nước ngoài tổ chức các khóa tập huấn, diễn tập về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân. Ngoài ra, từ năm 2018 tới nay, Cục ATBXHN đã tích cực phối hợp với Cơ quan pháp quy hạt nhân Trung Quốc (NSA) bước đầu triển khai thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực an toàn hạt nhân giữa hai quốc gia. Các hoạt động được triển khai trong khuôn khổ Bản ghi nhớ sẽ góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng lực an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ nói chung, chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân nói riêng của Cục ATBXHN.

Công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố cũng được chú trọng. Bộ trưởng Bộ KH&CN đã phê duyệt dự án tăng cường năng lực kỹ thuật hỗ trợ quản lý các nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát pháp quy và kịp thời ứng phó sự cố mất an toàn, mất an ninh nguồn phóng xạ. Các đề tài, nhiệm vụ về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân vẫn tiếp tục được đề xuất, nghiên cứu nhằm nghiên cứu cơ sở khoa học để hoàn thiện hệ thống pháp lý và nâng cao năng lực kỹ thuật trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố./.

# X. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO AN TOÀN BỨC XẠ VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT

**1. Giới thiệu chung về hoạt động đào tạo an toàn bức xạ và đào tạo  
chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật NLNT**

Người lao động trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến bức xạ Ion hóa cần được đào tạo về an toàn bức xạ theo nội dung và thời lượng phù hợp. Chỉ những người đạt điểm sát hạch sau mỗi khóa đào tạo này mới được cấp chứng nhận về an toàn bức xạ và đủ điều kiện lao động trước pháp luật trong lĩnh vực cụ thể và sau 3 năm phải được đào tạo lại.

Để cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, cá nhân ngoài chứng nhận đào tạo ATBX theo quy định tại Nghị đinh 142/2020/NĐ-CP và Thông tư 34/2014/TT-BKHCN, cần phải có chứng nhận đào tạo chuyên môn nghiệp vụ liên quan.

Ngoài ra, theo Khoản 1 Điều 70 Luật Năng lượng nguyên tử, những người thực hiện công việc dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải qua khoá đào tạo dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tại cơ sở đào tạo. Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 70 Luật NLNT thì Bộ KH&CN phải quy định về cơ sở đào tạo dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, trong đó có đào tạo chuyên môn và an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ và cho cá nhân tiến hành hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

**2. Hoạt động đào tạo chuyên môn nghiệp vụ**

Việc đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo Nghị đinh 142/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên cần có thông tư hướng dẫn chi tiết đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; Cục An toàn bức xạ và hạt nhân đang tiến hành các bước cần thiết trong việc nghiên cứu, xây dựng thông tư này.

Hiện tại, việc đào tạo sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công nghiệp, ứng dụng y tế thường được tìm kiếm đầu mối từ các công ty, đơn vị sự nghiệp liên quan hoặc của nhà cung cấp có đủ năng lực.

Hiện nay mới có một vài đơn vị thực hiện dịch vụ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với một vài loại hình như: dịch vụ đào tạo về đọc liều chiếu xạ cá nhân, dịch vụ đào tạo kiểm tra chất lượng thiết bị X quang chẩn đoán y tế, dịch vụ đào tạo về ghi đo bức xạ, dịch vụ đào tạo về vận hành thiết bị chiếu xạ....

**3. Hoạt động đào tạo ATBX**

Nghị đinh 142/2020/NĐ-CP và Thông tư 34/2014/TT-BKHCN quy định về “đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ,  
người phụ trách an toàn và dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ”. Mục tiêu của việc tổ chức đào tạo theo Nghị đinh 142/2020/NĐ-CP và Thông tư 34/2014/TT-BKHCN là nhằm để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chất lượng hoạt động bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ đối với nhân viên bức xạ của cơ sở, người phụ trách an toàn, người quản lý của cơ sở và nhằm xây dựng văn hóa an toàn an ninh của cá cơ sở có các hoạt động tiến hành công việc bức xạ như: sử dụng nguồn phóng xạ theo từng loại hình tiến hành công việc bức xạ ví dụ như X quang trong y tế, sử dụng trong công nghiệp, trong nghiên cứu, đào tạo, lưu giữ nguồn phóng xạ … Các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ trên phạm vi toàn quốc khi tổ chức đào tạo cho nhân viên bức xạ của đơn vị mình phải chấp hành nghiêm các quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn, cụ thể:

- Đào tạo Nhân viên bức xạ phải qua đào tạo an toàn bức xạ tương ứng với loại hình công việc bức xạ đang tiến hành;

- Đối với người phụ trách an toàn của cơ sở, ngoài việc phải tham gia khóa đào tạo ATBX đối với loại hình công việc bức xạ đang thực hiện, như đã nêu tại điểm 1. Đồng thời, phải tham dự khóa đào tạo bổ sung dành riêng cho người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn phải được cơ sở dịch vụ đào tạo cấp giấy chứng nhận đối với 2 khóa đào tạo nêu trên và phải được bổ nhiệm bằng văn bản của cơ sở đang công tác.

- Các cơ sở phải có kế hoạch để người quản lý/ chủ sơ sở tiến hành công việc bức xạ tham dự khóa đào tạo an toàn bức xạ để có trách nhiệm trong công tác quản lý của cơ sở, tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh và xây dựng văn hóa an toàn, an ninh tại cơ sở. Đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng để thẩm định, xem xét đánh giá đối với các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, chứng chỉ nhân viên bức xạ. Hiện tại có 20 cơ sở đã được Cục cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo ATBX. Nhìn chung các cơ sở đã chấp hành tốt các quy định tại Nghị đinh 142/2020/NĐ-CP và Thông tư 34/2014/TT-BKHCN trong việc tổ chức đào tạo và cấp chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ cho các cơ sở, cá nhân theo loại hình tiến hành công việc bức xạ.

**4. Hoạt động đào tạo nhân lực của Cơ quan pháp quy hạt nhân**

Sau khi Quốc hội thông qua nghị quyết dừng chủ trương đầu tư Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận, Cục ATBXHN tiếp tục phối hợp với IAEA và các đối tác quốc tế khác như EC, Nhật Bản, Liên bang Nga, Hoa Kỳ,...tổ chức một số khoá đào tạo cho cán bộ của Cục ATBXHN, Viện NLNT Việt Nam, Cục Năng lượng nguyên tử và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Kinh phí thực hiện các khóa đào tạo trong nước do phía đối tác tài trợ, phía Việt Nam chi kinh phí tổ chức lớp học; với các khóa đào tạo tại nước ngoài, phía đối tác chịu toàn bộ kinh phí. Thông qua các khóa đào tạo này, cán bộ trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử đã nâng cao trình độ và kỹ năng, từng bước đáp ứng các yêu cầu chuyên môn theo từng vị trí việc làm.

# XI. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

Trong năm 2020, các hoạt động thông tin, tuyên truyền về an toàn bức xạ và hạt nhân được duy trì nhằm thông tin kịp thời cho các cấp Lãnh đạo, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan tổ chức có liên quan cũng như nâng cao hiểu biết, nhận thức của đông đảo quần chúng nhân dân, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATBXHN cũng như đảm bảo sự công khai minh bạch của cơ quan pháp quy hạt nhân quốc gia.

1. **Thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật**

Cục đã chú trọng công tác thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật cho các tổ chức, cá nhân, các cơ sở bức xạ để đưa các quy định của pháp luật về ATBXHN vào đời sống xã hội; giáo dục ý thức chấp hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về ATBXHN. Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được cập nhật đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ và của CụcATBXHN. Các văn bản mới được phổ biến tới các đối tượng chịu sự tác động chính là các cơ sở bức xạ qua các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, khóa đào tạo, các cuộc thanh kiểm tra,....

1. **Xuất bản các ấn phẩm của cơ quan pháp quy hạt nhân**

Hàng năm, Cục xây dựng **Báo cáo công tác quản lý nhà nước về ATBXHN**. Báo cáo đánh giá tình hình chung về công tác xây dựng VBQPPL, cấp phép, thanh tra, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh và thanh sát hạt nhân, ứng phó sự cố, thông tin và đào tạo, hợp tác quốc tế,... cũng như cung cấp các thống kê hoạt động cấp phép, danh sách các đơn vị thanh tra, quản lý liều chiếu xạ của nhân viên bức xạ trong cả nước, tình hình hoạt động và bảo đảm an toàn của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, của các cơ sở bức xạ trong lĩnh vực công nghiệp, y tế, hỗ trợ ứng dụng NLNT,... Báo cáo cung cấp thông tin tình hình quản lý trong lĩnh vực an toàn bức xạ, hạt nhân cho các cơ quan Đảng, Chính phủ, Bộ ngành làm cơ sở trong hoạch định đường lối chính sách để phát triển và hoàn thiện hạ tầng quốc gia bảo đảm an toàn, an ninh hạt nhân. Bản điện tử Báo cáo công tác quản lý nhà nước về ATBXHN năm 2019 đã được đưa lên Cổng thông tin điện tử của Cục.

**Tập san Thông tin pháp quy hạt nhân** được xây dựng và xuất bản một năm 2 số nhằm cung cấp thông tin cho bạn đọc về các hoạt động trong quản lý nhà nước về ATBXHN ở cấp Trung ương và địa phương và các bài viết chuyên sâu của các chuyên gia lĩnh vực pháp quy hạt nhân. Năm 2020, đã xuất bản điện tử (đưa lên Cổng thông tin điện tử của Cục) số 18 (tháng 6) với 8 bài viết, số 19 (tháng 12) với 11 bài viết.

**3. Duy trì và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục ATBXHN**

Trong năm 2020, Cổng thông tin điện tử của Cục được duy trì với việc đăng tải đầy đủ các thông tin phục vụ công tác quản lý như các thủ tục hành chính, hướng dẫn cấp phép, VBQPPL,... và thường xuyên cung cấp tin tức về hoạt động của Cục, tin tức trong và ngoài nước trong lĩnh vực NLNT, các tài liệu về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân, các bài viết nghiên cứu chuyên sâu, ý kiến trao đổi của các nhà quản lý, nhà khoa học. Trang tiếng Anh cũng được duy trì.

Các thông tin được đăng tải đầy đủ và kịp thời, góp phần tăng cường thông tin, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về ATBXHN cũng như đảm bảo tính công khai, minh bạch của cơ quan pháp quy hạt nhân. Trong năm 2020 đã có 70 tin bài, 40 ảnh được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Cục. Tính đến tháng 12/2020 đã có 6,3 triệu lượt truy cập Cổng.

Năm 2020, Cục cung cấp cho Cổng thông tin điện tử của Bộ 24 tin (đảm bảo chỉ tiêu so với yêu cầu, mỗi đơn vị cung cấp trung bình 2 tin/tháng). Các câu hỏi của bạn đọc liên quan đến lĩnh vực quản lý do Ban biên tập Cổng TTĐT Bộ gửi lại hoặc câu hỏi trong mục Hỏi-Đáp trên Cổng TTĐT Cục được trả lời đầy đủ.

1. **Hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân**

Trong năm vừa qua, Cục tiếp tục duy trì những hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân:

- Thu thập, tổ chức bảo quản và phân loại vốn tài liệu khoa học theo loại hình và nội dung tài liệu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của thư viện, từng bước xây dựng thư viện hiện đại, đáp ứng được nhu cầu tin của cán bộ trong cơ quan

- Xây dựng, từng bước phân loại và quản lý và vận hành các CSDL về sách, tạp chí, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Phát triển nguồn lực thông tin và các dịch vụ thông tin theo hướng hiện đại hóa, trong đó chú trọng vào các nguồn thông tin điện tử và các nguồn thông tin số hóa.

Hiện nay, Thư viện Cục đã có được một số lượng tài liệu bao gồm:

+ Tổng số sách, tài liệu: gần 2.000 đầu sách (bao gồm các tài liệu chuyên ngành, các tiêu chuẩn, hướng dẫn trong và ngoài nước)

+ Tài liệu văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân

+ Tài liệu dạng tệp dữ liệu từ các hội thảo, các khóa đào tạo trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

**5. Kết luận và đề xuất**

Công chúng nói chung đã có những nhận thức và hiểu biết nhất định về ứng dụng của NLNT trong đời sống kinh tế xã hội cũng như đảm bảo an toàn, an ninh. Tuy nhiên, trong thời gian tới, trước những yêu cầu và thách thức mới nhằm tăng cường hiểu biết của công chúng về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phòng xạ thì công tác thông tin, truyền thông cần phải được đẩy mạnh lên một tầm cao mới với những hoạt động thường xuyên, hiệu quả và biện pháp phù hợp, từ đó góp phần nâng cao nhận thức về ATBXHN, nâng cao văn hóa an toàn, tạo niềm tin của công chúng đối với cơ quan pháp quy. Một số đề xuất cụ thể như sau:

* Xây dựng một chiến lược truyền thông dài hạn với việc xác định rõ các mục tiêu, giá trị, nguyên tắc, đối tượng và hoạt động;
* Xây dựng các quy trình về thông tin để tạo thuận lợi cho việc triển khai và phối hợp triển khai giữa các đơn vị trong Cục;
* Thông tin trong trường hợp khẩn cấp cần đươc nghiên cứu, chuẩn bị và thực hành;
* Xem xét việc sử dụng các công cụ truyền thông mới như mạng xã hội./.

# XII. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Trong những năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) của Cục ATBXHN luôn là điểm sáng, thể hiện rõ vai trò không thể thiếu trong việc duy trì các quan hệ hợp tác với các đối tác quan trọng (như IAEA, Hoa Kỳ, EU, v.v) và đem lại nhiều lợi ích thiết thực trong việc tăng cường năng lực kỹ thuật cho cơ quan pháp quy và các tổ chức hỗ trợ kỹ thuật. Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tiến độ thực hiện các hoạt động HTQT của Cục. Phần lớn hoạt động đã được lên kế hoạch nhưng chưa hoặc không thể thực hiện được, phải thay đổi thời gian/hình thức tổ chức trong năm 2020 hoặc dự kiến thực hiện trong năm 2021. Bên cạnh đó, một số hoạt động hợp tác quốc tế phát sinh từ các nhiệm vụ không có trong kế hoạch cũng do tác động của dịch. Tuy vậy, hoạt động HTQT năm 2020 đã được điều chỉnh kịp thời về kế hoạch cũng như hình thức tổ chức để đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác này với các đối tác của Cục.

**1. *Triển khai các dự án và hoạt động hợp tác quốc tế với các đối tác song phương và đa phương***

1. Với Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA): Cục đã xây dựng thiết kế các Dự án hợp tác kỹ thuật với IAEA (TC Projects) giai đoạn 2021-2022 về “Tăng cường cơ sở hạ tầng pháp quy đối với các ứng dụng y tế và công nghiệp tại Việt Nam”; đề xuất Dự án hợp tác kỹ thuật với IAEA giai đoạn 2022-2023 “Tăng cường quản lý pháp quy đối với sự giao thoa giữa an toàn, an ninh và ứng phó sự cố” và đã được IAEA phê duyệt cho phép chuyển tiếp đến giai đoạn thiết kế chi tiết cho dự án mới này. Cũng trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và IAEA, Cục đã xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm 2020 nhằm triển khai Thỏa thuận hợp tác 3 bên giữa IAEA, Việt Nam, Lào/Campuchia và định hướng cho giai đoạn tiếp theo. Trong lĩnh vực an ninh hạt nhân hợp tác với IAEA, Cục đã triển khai tiếp nhận viện trợ Hệ thống cổng phát hiện phóng xạ và các thiết bị phụ trợ từ IAEA trong khuôn khổ Dự án An ninh hạt nhân của IAEA theo chủ trương thực hiện Dự án của Chính phủ và chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ KH&CN về việc tăng cường năng lực quốc gia trong việc phát hiện phóng xạ tại biên giới, cửa khẩu. Ngoài ra, Cục đã điều phối, trao đổi thông tin với các đơn vị, bộ ngành có liên quan nhằm nghiên cứu khả năng hợp tác với IAEA thông qua các Dự án ZODIAC (Dự án tích hợp về chống dịch bệnh lây truyền qua động vật) và Dự án NUTEC Plastic (Công nghệ hạt nhân để kiểm soát rác thải nhựa) do IAEA khởi xướng;
2. Với Liên minh châu Âu (EU): Cục đã thực hiện vai trò đầu mối quốc gia của Việt Nam trong Mạng lưới các cơ quan năng lượng hạt nhân ASEAN (ASEANTOM) triển khai các dự án khu vực của EU dành cho các nước Đông Nam Á trong khuôn khổ hợp tác của Mạng lưới này: dự án Nâng cao năng lực chuẩn bị và ứng phó sự cố trong khu vực Đông Nam Á: hỗ trợ kỹ thuật cho việc ra quyết định, Dự án Thiết lập mạng lưới quan trắc phóng xạ cảnh báo sớm và nền tảng trao đổi dữ liệu trong khu vực Đông Nam Á, v.v. Liên quan Sáng kiến giảm thiểu nguy cơ CBRN do Liên minh châu Âu khởi xướng, Cục đã thực hiện tốt vai trò Điều phối viên quốc gia của Việt Nam thông qua: tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm của Việt Nam trong phòng chống covid-19, thúc đẩy triển khai dự án về an toàn hóa chất, về an ninh sinh học, v.v. Ngoài ra, Cục đã chủ trì và phối hợp với các Bộ ngành có liên quan thực hiện công tác kiện toàn nhân sự tham gia Tổ công tác liên Bộ/Nhóm công tác liên ngành về giảm thiểu nguy cơ hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân; từng bước triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân (CBRN) giai đoạn 2019–2025 theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Với Hoa Kỳ: trong năm 2020, các hoạt động hợp tác giữa Cục với Văn phòng An ninh nguồn phóng xạ ORS đã được thúc đẩy thông qua việc tiếp tục triển khai dự án Thỏa thuận đặt hàng cơ bản về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở bức xạ, tiếp nhận xe vận chuyển an ninh nguồn phóng xạ phục vụ công tác vận chuyển nguồn phóng xạ trong ứng phó sự cố, thanh tra, đào tạo và tăng cường trang thiết bị phục vụ phát hiện và thu hồi nguồn phóng xạ; Hợp tác với Văn phòng An ninh hạt nhân quốc tế (INS) cũng được tăng cường với việc triển khai đánh giá nhằm nâng cấp hệ thống bảo vệ thực thể Trung tâm HTKT phục vụ đào tạo an ninh hạt nhân.
4. Với Liên bang Nga: Phòng HTQT đã hỗ trợ duy trì và thúc đẩy hợp tác song phương giữa Cục và Cơ quan pháp quy hạt nhân của Nga Rostechnadzor trong chuẩn bị văn bản quy phạm pháp luật phục vụ Dự án xây dựng lò phản ứng nghiên cứu mới.
5. Với Nhật Bản: Phòng HTQT đã hoàn tất thủ tục ký gia hạn MOU hợp tác giữa Cục và JAEA trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và an ninh hạt nhân.
6. Với đối tác mới: Trong năm 2020, Cục ATBXHN và AERB Cơ quan pháp quy năng lượng nguyên tử Ấn Độ đã trao đổi, thống nhất và đi đến ký kết MOU hợp tác giữa hai cơ quan về trao đổi thông tin kỹ thuật và hợp tác pháp quy trong bảo vệ bức xạ và an toàn hạt nhân (ngày 18/12/2020), thiết lập một quan hệ hợp tác song phương mới của Cục với đối tác Ấn Độ, bước đầu tiến hành trao đổi thông tin và hợp tác trong lĩnh vực công nghệ lò phản ứng nghiên cứu nhằm hỗ trợ cho Dự án xây dựng lò phản ứng nghiên cứu mới của Việt Nam.

Trong năm 2020 khi dịch bệnh covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp trên quy mô toàn cầu, việc triển khai các hoạt động đào tạo, tham vấn kỹ thuật như các khoá đào tạo, hội nghị hội thảo, cuộc họp chuyên gia, v.v. theo kế hoạch dự kiến với các đối tác quốc tế không thể được thực hiện. Tuy nhiên, Cục đã nỗ lực điều chỉnh kế hoạch các hoạt động hợp tác (gồm điều chỉnh thời gian thực hiện và hình thức triển khai trực tuyến kết hợp trực tiếp) để phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện mới. Trong năm 2020, Cục đã tổ chức, làm thủ tục cho khoảng 120 lượt cán bộ trong và ngoài Cục tham dự Hội nghị, Hội thảo, Cuộc họp kỹ thuật, v.v tại nước ngoài hoặc tham gia các sự kiện trực tuyến nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn và tăng cường hợp tác quốc tế.

**2.** ***Thực hiện vai trò đầu mối quốc gia của các Mạng lưới, tổ chức hợp tác quốc tế:***

1. Năm 2020 đánh dấu sự kiện đặc biệt khi Việt Nam lần đầu tiên đảm nhiệm vị trí Chủ tịch luân phiên Mạng lưới cơ quan pháp quy hạt nhân các nước ASEAN (ASEANTOM). Trong năm này, Cục đã tích cực tiếp tục triển khai các công việc tiếp quản từ Chủ tịch ASEANTOM 2019 (Thái Lan), đặc biệt thúc đẩy thực hiện tốt công tác điều phối triển khai các dự án thành phần thuộc khuôn khổ ASEANTOM. Trong số các hoạt động đó, đáng chú ý có các dự án có ý nghĩa quan trọng với các quốc gia thành viên ASEAN nói chung và với Việt Nam nói riêng như: i) Dự án khu vực EC-ASEANTOM về Chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân: xây dựng Mạng quan trắc phóng xạ cảnh báo sớm ASEAN, trong đó dự kiến 41 trạm quan trắc phóng xạ sẽ được lắp đặt tại Việt Nam; ii) Thiết lập kênh trao đổi thông tin với Trung tâm điều phối ASEAN về hỗ trợ nhân đạo và quản lý thiên tai (nhằm xây dựng Quy trình ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân của khu vực ASEAN)… Cục cũng thực hiện tốt công tác chuẩn bị tổ chức và chủ trì thành công Cuộc họp thường niên lần thứ 7 của ASEANTOM (từ ngày 24-25/11/2020 bằng hình thức trực tuyến kết hợp với trực tiếp tại Hà Nội, nhận được sự quan tâm và ủng hộ của các cơ quan, tổ chức đối tác quốc tế của ASEAN, các đại sứ các nước ASEAN tại Hà Nội cũng như các bộ, ngành có liên quan của Việt Nam).
2. Cục đã chuẩn bị cho nhiệm kỳ 2021-2022 khi Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch Mạng lưới Thanh sát hạt nhân châu Á – Thái Bình Dương (APSN) với sự hợp tác, hỗ trợ của các quốc gia có năng lực thanh sát hạt nhân phát triển trong Mạng lưới như Hoa Kỳ, Úc, Indonesia, v.v./.

**PHỤ LỤC I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**VỀ NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ**

## (Đang có hiệu lực thi hành)

| **TT** | **Văn bản** | **Số hiệu** | **Ngày thông qua/ ban hành** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LUẬT** | | |
| 1 | Luật Năng lượng nguyên tử | 18/2008-QH 12 | 03/6/2008 |
| **II** | **NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI** | | |
| 1 | Dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận | 31/2016/QH14 | 22/11/2016 |
| **III** | **NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ** | | |
|  | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử | 07/2010/NĐ-CP | 25/01/2010 |
|  | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về Nhà máy điện hạt nhân | 70/2010/NĐ-CP | 22/6/2010 |
|  | Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 107/2013/NĐ-CP | 20/9/2013 |
|  | Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ người đi đào tạo trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 124/2013/NĐ-CP | 14/10/2013 |
|  | Quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành khoa học và công nghệ | 213/2013/NĐ-CP | 20/12/2013 |
|  | Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử | 41/2019/NĐ-CP | 15/5/2019 |
|  | Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử | 142/NĐ-CP | 09/12/2020 |
| **IV** | **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | |
|  | Thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng An toàn hạt nhân quốc gia | 446/QĐ-TTg | 07/4/2010 |
|  | Ban hành Quy chế Hoạt động kiểm soát hạt nhân | 45/2010/QĐ-TTg | 14/06/2010 |
|  | Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 940/QĐ-TTg | 17/6/2011 |
|  | Ban hành Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 27/2011/QĐ-TTg | 10/5/2011 |
|  | Phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực nghiên cứu - triển khai và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử và bảo đảm an toàn, an ninh” | 265/QĐ-TTg | 05/3/2012 |
|  | Thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia | 706/QĐ-TTg | 08/5/2013 |
|  | Quy định nghĩa vụ tài chính của tổ chức có nhà máy điện hạt nhân, phương thức quản lý nguồn tài chính bảo đảm chấm dứt hoạt động và tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân | 09/2014/QĐ-TTg | 23/01/2014 |
|  | Chế độ ưu đãi nghề nghiệp đối với người làm việc trong các đơn vị thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử của Bộ Khoa học và Công nghệ | 45/2014/QĐ-TTg | 15/8/2014 |
|  | Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia | 884/QĐ-TTg | 16/6/2017 |
|  | Phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019-2025 | 104/QĐ-TTg | 22/01/2019 |
|  | Ban hành Phương án Phòng ngừa và ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới | 40/QĐ-TTg | 28/5/2020 |
|  | Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 108/QĐ-TTg | 22/01/2021 |
| **V** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | |
|  | Hướng dẫn đánh giá sơ bộ về an toàn hạt nhân đối với địa điểm nhà máy điện hạt nhân trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư | 13/2009/TT-BKHCN | 20/5/2009 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - miễn trừ khai báo, cấp giấy phép | 15/2010/TT-BKHCN | 14/9/2010 |
|  | Hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ | 23/2010/TT-BKHCN | 29/12/2010 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ | 24/2010/TT-BKHCN | 29/12/2010 |
|  | Hướng dẫn đo lường bức xạ, hạt nhân và xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường | [27/2010/TT-BKHCN](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Bo-KHCN/D8E3222A10714A7888E1D8C4472CD850/) | 30/12/2010 |
|  | Hướng dẫn thực hiện kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn | [02/2011/TT-BKHCN](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Bo-KHCN/EA21AB59385841A5A7C01FD9E5775990/) | 16/3/2011 |
|  | Quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân đối với địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 28/2011/TT-BKHCN | 28/11/2011 |
|  | Quy định yêu cầu về bảo đảm an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân | 38/2011/TT-BKHCN | 30/12/2011 |
|  | Quy định về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng | 19/2012/TT-BKHCN | 08/11/2012 |
|  | Hướng dẫn vận chuyển an toàn vật liệu phóng xạ | 23/2012/TT-BKHCN | 23/11/2012 |
|  | Quy định danh mục và yêu cầu kiểm soát vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân | 25/2012/TT-BKHCN | 12/12/2012 |
|  | Hướng dẫn về nội dung, quy trình, thủ tục thẩm định báo cáo phân tích an toàn ở giai đoạn phê duyệt địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 29/2012/TT-BKHCN | 19/12/2012 |
|  | Quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân đối với thiết kế nhà máy điện hạt nhân | 30/2012/TT-BKHCN | 28/12/2012 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia | 16/2013/TT-BKHCN | 30/7/2013 |
|  | Hướng dẫn thực hiện quy định về khai báo của Nghị định thư bổ sung của Hiệp định giữa nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân | 17/2013/TT-BKHCN | 30/7/2013 |
|  | Quy định quy trình, thủ tục kiểm tra, thanh tra an toàn hạt nhân trong quá trình khảo sát, đánh giá địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 20/2013/TT-BKHCN | 06/9/2013 |
|  | Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân trong lựa chọn địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành và tháo gỡ tổ máy điện hạt nhân | 21/2013/TT-BKHCN | 12/9/2013 |
|  | Quy định nội dung Báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân | 08/2014/TT-BKHCN | 26/5/2014 |
|  | *(Thông tư liên tịch với Bộ Y tế)* Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế | 13/2014/TT-BKHCN-BYT | 09/6/2014 |
|  | Hướng dẫn quản lý chất thải, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | 22/2014/TT-BKHCN | 25/8/2014 |
|  | [Quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân](http://varans.vn/van-ban/150/25/2014/TT-BKHCN.html) | 25/2014/TT-BKHCN | [08/10/2014](http://varans.vn/van-ban/150/25/2014/TT-BKHCN.html) |
|  | Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/ 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 27/2014/TT-BKHCN | 10/10/2014 |
|  | Quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ an toàn bức xạ | 34/2014/TT-BKHCN | 22/11/2014 |
|  | Quy định về phân tích an toàn đối với nhà máy điện hạt nhân | 12/2015/TT-BKHCN | 08/7/2015 |
|  | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ | 13/2015/TT-BKHCN | 21/7/2015 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X quang tổng hợp dùng trong y tế | 28/2015/TT-BKHCN | 30/12/2015 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp cắt lớp vi tính dùng trong y tế | 02/2016/TT-BKHCN | 25/3/2016 |
|  | Quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ | 04/2016/TT-BKHCN | 04/4/2016 |
|  | Quy định về nội dung báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ cấp phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân | 10/2016/TT-BKHCN | 13/6/2016 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy gia tốc tuyến tính dùng trong xạ trị | 15/2017/TT-BKHCN | 05/12/2017 |
|  | Sửa đổi Thông tư liên tịch 13/ 2014/TTLT-BKHCN-BYT quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế | 13/2018/TT-BKHCN | 05/9/2018 |
|  | Ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang dùng trong y tế | 14/2018/TT-BKHCN | 15/11/2018 |
|  | Quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ | 01/2019/TT-BKHCN | 30/5/2019 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang chụp vú và thiết bị xạ trị áp sát nạp nguồn sau bằng điều khiển từ xa dùng trong y tế | 22/2019/TT-BKHCN | 20/12/2019 |
|  | Quy định về an toàn hạt nhân đối với cơ sở lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu | 05/2020/TT-BKHCN | 30/10/2020 |
| **IV** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG** | | |
| 1 | Quy định nội dung, quy trình thẩm định và phê duyệt thiết kế công trình nhà máy điện hạt nhân | 23/2013/TT-BCT | 18/10/2013 |
| 2 | Quy định danh mục, quản lý, sử dụng hồ sơ tài liệu liên quan đến nhà máy điện hạt nhân | 24/2013/TT-BCT | 21/10/2013 |
| **V** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH** | | |
| 2 | *(Thông tư liên tịch với Bộ KH&CN)* Hướng dẫn cơ chế phối hợp và xử lý trong việc kiểm tra, phát hiện chất phóng xạ tại các cửa khẩu | 112/2015/TTLT-BTC-BKHCN | 29/7/2015 |
| 3 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 287/2016/TT-BTC | 15/11/2016 |

## PHỤ LỤC 2. HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CƠ QUAN PHÁP QUY HẠT NHÂN NĂM 2020

**Tình trạng cấp phép và thống kê giấy phép đã cấp năm 2020**

Theo thống kê, hiện tại Việt Nam có khoảng 1700 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: công nghiệp, y tế (ngoại trừ các cơ sở X quang y tế), nông nghiệp, nghiên cứu, đào tạo, …

Theo phân cấp về hoạt động cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) cấp phép hoặc tổ chức thẩm định trình Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép đối với tất cả các lĩnh vực ngoại trừ các thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế, cụ thể *(Số liệu thống kê từ 01/01/2020 – 30/11/2020):*

- Số giấy phép đã cấp trong năm 2020: 1103 giấy phép (Trong đó có 104 giấy phép được cấp trên Hệ thống CNTT kết nối cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN);

- Thẩm định và trình Bộ KHCN cấp trong năm 2020: 31 giấy phép

- Số giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT cấp trong năm 2020: 68 giấy đăng ký;

- Số chứng chỉ nhân viên bức xạ cấp trong năm 2020: 585 chứng chỉ nhân viên bức xạ;

- Số chứng chỉ hành nghề dịch vụ cấp trong năm 2020: 51 chứng chỉ.

1. **Thống kê số giấy phép đã cấp năm 2020 theo lĩnh vực**

***a) Kết quả thống kê giấy phép đã cấp trong năm từ 01/01/2020 – 31/12/2020 theo các lĩnh vực do Bộ KHCN: 38 giấy phép (cập nhật thêm 7 GP Bộ KHCN cấp so với thời điểm tháng 11/2020)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tổ chức/cá nhân** | **Loại hình** | **Số Giấy phép** | **Ngày cấp** |
|  | Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Minh Hoàng | Đóng gói, vận chuyển và xuất khẩu vật liệu hạt nhân nguồn | 03/GP-BKHCN | 10-01-2020 |
|  | Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 04/GP-BKHCN | 20-01-2020 |
|  | Bệnh viện K | Vận hành 01 máy gia tốc tuyến tính dùng trong xạ trị từ xa | 05/GP-BKHCN | 04-02-2020 |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 08/GP-BKHCN | 09-03-2020 |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 09/GP-BKHCN | 09-03-2020 |
|  | Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 11/GP-BKHCN | 10-03-2020 |
| 1. 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 12/GP-BKHCN | 10-03-2020 |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 13/GP-BKHCN | 10-03-2020 |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Gia hạn GP 10/GP-BKHCN - Vận hành thiết bị xạ trị từ xa | 14/GP-BKHCN | 16-03-2020 |
|  | Bệnh viện Ung bướu TP. Cần Thơ | Gia hạn cho Giấy phép số 12/GP-BKHCN -Vận hành thiết bị xạ trị từ xa | 18/GP-BKHCN | 31-03-2020 |
|  | Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đông Trường Sơn | Đóng gói, vận chuyển vật liệu hạt nhân nguồn | 24/GP-BKHCN | 18-06-2020 |
|  | Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội | Gia hạn cho Giấy phép số 17/GP-BKHCN - Vận hành máy gia tốc Cyclotron để sản xuất đồng vị phóng xạ và Chế biến đồng vị phóng xạ | 26/GP-BKHCN | 30-06-2020 |
|  | Công ty TNHH Hitachi Cable Việt Nam | Vận hành thiết bị chiếu xạ | 29/GP-BKHCN | 10-07-2020 |
|  | Bệnh viện Đà Nẵng | Gia hạn cho Giấy phép số 23/GP-BKHCN - Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 30/GP-BKHCN | 14-07-2020 |
|  | Công ty TNHH Hao Jiao Việt Nam | Vận hành thiết bị chiếu xạ | 31/GP-BKHCN | 14-07-2020 |
|  | Cục Hải quan TP. Hải Phòng | Sửa đổi và thay thế cho giấy phép số 27/GP-BKHCN (cấp ngày 21/5/2019) - Vận hành thiết bị chiếu xạ | 33/GP-BKHCN | 29-07-2020 |
|  | Cục Hải quan tỉnh Bình Dương | Sửa đổi và thay thế cho giấy phép số 25/GP-BKHCN (cấp ngày 21/5/2019 - Vận hành thiết bị chiếu xạ | 35/GP-BKHCN | 29-07-2020 |
|  | Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn | Sửa đổi và thay thế cho giấy phép số 47/GP-BKHCN (cấp ngày 26/9/2019) - Vận hành thiết bị chiếu xạ | 34/GP-BKHCN | 29-07-2020 |
|  | Cục Hải quan TP. Hà Nội | Vận hành thiết bị chiếu xạ sửa đổi và thay thế cho giấy phép số 41/GP-BKHCN (cấp ngày 31/7/2019) | 36/GP-BKHCN | 29-07-2020 |
|  | Bệnh viện trung ương Thái Nguyên | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 38/GP-BKHCN | 31-07-2020 |
|  | Bệnh viện K | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 41/GP-BKHCN | 07-08-2020 |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Gia hạn cho giấy phép số 28/GP-BKHCN (cấp ngày 14/8/2015) - Vận hành thiết bị xạ trị áp sát, sử dụng nguồn phóng xạ | 43/GP-BKHCN | 14-08-2020 |
|  | Chi nhánh Công ty TNHH Bolloré Logistic Việt Nam | Vận chuyển quá cảnh nguồn phóng xạ | 44/GP-BKHCN | 18-8-2020 |
|  | Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 45/GP-BKHCN | 24-08-2020 |
|  | Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 46/GP-BKHCN | 27-08-2020 |
|  | Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển Uông Bí | Gia hạn cho Giấy phép số 29/GP-BKHCN (cấp ngày 31/8/2015) - Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 47/GP-BKHCN | 31-08-2020 |
|  | Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan | Đóng gói, vận chuyển và xuất khẩu vật liệu hạt nhân nguồn | 48/GP-BKHCN | 08-09-2020 |
|  | Bệnh viện Bỏng quốc gia Lê Hữu Trác | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 55/GP-BKHCN | 28-09-2020 |
|  | Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị áp sát suất liều cao | 64/GP-BKHCN | 15-10-2020 |
|  | Bệnh viện Bãi Cháy | Sửa đổi và gia hạn cho Giấy phép số 35/GP-ATBXHN (cấp ngày 07/10/2015) - Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 73/GP-BKHCN | 19-10-2020 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Gia hạn cho giấy phép số 38/GP-BKHCN (cấp ngày 30/10/2015) - Vậ6n hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 81/GP-BKHCN | 27-10-2020 |
|  | Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện Đại học Y dược Shing Mark | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 88/GP-BKHCN | 11-11-2020 |
|  | Công ty Cổ phần kinh doanh Hưng Việt | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 89/GP-BKHCN | 16-11-2020 |
|  | Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 | Vận hành máy gia tốc Cylotron để sản xuất, chế biến chất phóng xạ | 97/GP-BKHCN | 26-11-2020 |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa | Gia hạn cho giấy phép số 42/GP-BKHCN (cấp ngày 08/12/2015) - Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 100/GP-BKHCN | 03-12-2020 |
|  | Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Minh Hoàng | Đóng gói, vận chuyển và xuất khẩu vật liệu hạt nhân nguồn | 115/GP-BKHCN | 17-12-2020 |
|  | Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương | Gia hạn cho Giấy phép số 01/GP-BKHCN (cấp ngày 04/01/2016) - Vận hành thiết bị chiếu xạ máu | 123/GP-BKHCN | 31-12-2020 |
|  | Bệnh viện Ung bướu TP. HCM | Vận hành thiết bị chiếu xạ trong xạ trị | 134/GP-BKHCN | 31-12-2020 |

***b) Kết quả thống kê giấy phép đã cấp trong năm 2020 theo các lĩnh vực do Cục ATBXHN cấp như sau:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực** | **Công việc bức xạ liên quan** | Số lượng giấy phép |
| 1 | Công nghiệp | Hệ đo trong công nghiệp (Đo mức, phân tích, đo độ dày, hệ điều khiển...) | 439 |
| Thăm dò địa vật lý | 29 |
| Chụp ảnh phóng xạ công nghiệp | 83 |
| Soi kiểm tra trong công nghiệp | 147 |
| Chiếu xạ công nghiệp | 5 |
| 2 | Nghiên cứu và đào tạo | Tại các viện nghiên cứu, trường đại học, các đơn vị thuộc cơ quan quản lý nhà nước.. | 30 |
| 3 | Y tế | Cơ sở Y học hạt nhân, xạ trị | 56 |
| 4 | Kinh doanh | Phân tích tuổi vàng, kinh doanh nguồn (xuất nhập khẩu)... | 76 |
| 5 | Lĩnh vực khác | Soi chiếu kiểm tra an ninh, hàng hóa… | 238 |
|  | **Tổng cộng:** |  | **1103** |

**2. Thống kê số giấy phép đã cấp trong năm 2020 theo địa phương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | **Địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)** | **Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ** | ***STT*** | **Địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)** | **Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ** |
| *1* | [An Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/An_Giang) | **6** | *33* | [Kiên Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%C3%AAn_Giang) | **5** |
| *2* | [Bà Rịa - Vũng Tàu](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A0_R%E1%BB%8Ba_-_V%C5%A9ng_T%C3%A0u) | **55** | *34* | [Kon Tum](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kon_Tum) | **1** |
| *3* | [Bạc Liêu](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A1c_Li%C3%AAu) | **0** | *35* | [Lai Châu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lai_Ch%C3%A2u) | **0** |
| *4* | [Bắc Kạn](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_K%E1%BA%A1n) | **2** | *36* | [Lào Cai](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o_Cai) | **7** |
| *5* | [Bắc Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Giang) | **31** | *37* | [Lạng Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1ng_S%C6%A1n) | **3** |
| *6* | [Bắc Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh) | **85** | *38* | [Lâm Đồng](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A2m_%C4%90%E1%BB%93ng) | **18** |
| *7* | [Bến Tre](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tre) | **1** | *39* | [Long An](http://vi.wikipedia.org/wiki/Long_An) | **17** |
| *8* | [Bình Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_D%C6%B0%C6%A1ng) | **51** | *40* | [Nam Định](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_%C4%90%E1%BB%8Bnh) | **7** |
| *9* | [Bình Định](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_%C4%90%E1%BB%8Bnh) | **6** | *41* | [Nghệ An](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An) | **14** |
| *10* | [Bình Phước](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Ph%C6%B0%E1%BB%9Bc) | **6** | *42* | [Ninh Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_B%C3%ACnh) | **5** |
| *11* | [Bình Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Thu%E1%BA%ADn) | **3** | *43* | [Ninh Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_Thu%E1%BA%ADn) | **1** |
| *12* | [Cà Mau](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A0_Mau) | **4** | *44* | [Phú Thọ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Th%E1%BB%8D) | **13** |
| *13* | [Cao Bằng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng) | **5** | *45* | [Phú Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Y%C3%AAn) | **2** |
| *14* | [Cần Thơ](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A7n_Th%C6%A1) | **12** | *46* | [Quảng Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh) | **3** |
| *15* | [Đà Nẵng](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0_N%E1%BA%B5ng) | **22** | *47* | [Quảng Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Nam) | **18** |
| *16* | [Đắk Lắk](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_L%E1%BA%AFk) | **4** | *48* | [Quảng Ngãi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ng%C3%A3i) | **17** |
| *17* | [Đắk Nông](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_N%C3%B4ng) | **5** | *49* | [Quảng Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ninh) | **15** |
| *18* | [Đồng Nai](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Nai) | **39** | *50* | [Quảng Trị](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Tr%E1%BB%8B) | **4** |
| *19* | [Đồng Tháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Th%C3%A1p) | **4** | *51* | [Sóc Trăng](http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B3c_Tr%C4%83ng) | **3** |
| *20* | [Điện Biên](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90i%E1%BB%87n_Bi%C3%AAn) | **0** | *52* | [Sơn La](http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_La) | **1** |
| *21* | [Gia Lai](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_Lai) | **0** | *53* | [Tây Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Ninh) | **10** |
| *22* | [Hà Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Giang) | **2** | *54* | [Thái Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_B%C3%ACnh) | **1** |
| *23* | [Hà Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Nam) | **18** | *55* | [Thái Nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Nguy%C3%AAn) | **26** |
| *24* | [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) | **230** | *56* | [Thanh Hóa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_H%C3%B3a) | **12** |
| *25* | [Hà Tĩnh](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_T%C4%A9nh) | **7** | *57* | [Thừa Thiên - Huế](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn_-_Hu%E1%BA%BF) | **10** |
| *26* | [Hải Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng) | **32** | *58* | [Tiền Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang) | **6** |
| *27* | [Hải Phòng](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_Ph%C3%B2ng) | **55** | *59* | [Trà Vinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%A0_Vinh) | **2** |
| *28* | [Hòa Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B2a_B%C3%ACnh) | **7** | *60* | [Tuyên Quang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_Quang) | **3** |
| *29* | [Hậu Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%ADu_Giang) | **3** | *61* | [Vĩnh Long](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9nh_Long) | **4** |
| *30* | [Hưng Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0ng_Y%C3%AAn) | **18** | *62* | [Vĩnh Phúc](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9nh_Ph%C3%BAc) | **32** |
| *31* | [TP. Hồ Chí Minh](http://vi.wikipedia.org/wiki/TP_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) | **118** | *63* | [Yên Bái](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_B%C3%A1i) | **1** |
| *32* | [Khánh Hòa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%A1nh_H%C3%B2a) | **11** |  |  |  |
| ***Tổng số giấy phép*** | | ***1103*** | | | |

**3. Thống kê số Chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử đã cấp năm 2020**

Trong năm 2020, Cục ATBXHN đã thẩm định và cấp tổng cộng **636** chứng chỉ các loại, trong đó:

* Tổng số chứng chỉ nhân viên bức xạ là: **585** chứng chỉ;
* Tổng số chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT là: **51**chứng chỉ.

## PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DO CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THANH TRA NĂM 2020

| **TT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Lĩnh vực hoạt động** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Công nghiệp* | *Y tế* | *Dịch vụ Hỗ trợ ứng dụng NLNT* | *Nghiên cứu, Đào tạo* | *Xuất nhập khẩu, Sa khoáng* | *Lĩnh vực khác* |
| 1 | Viện Công nghệ xạ hiếm *(\*8)* | Số 48 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |  |  | x |  |  |
| 2 | Công ty TNHH Med - Aid | Số 12, BT1, X2, khu đô thị Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 3 | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18, ngõ 879 đường La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  | x |  |  |  |  |
| 4 | Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Y tế Sao Việt | Số 292 đường Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 5 | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thiết bị y tế Đại Phát | Số 1, phố Nguyễn Hiền, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 6 | Viện Pháp y quốc gia | Số 41 Nguyễn Đình Chiểu, Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |  |  | x |  |  |
| 7 | Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng | Số 37 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. |  |  |  |  |  | x |
| 8 | Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) | Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |  |  |  |  | x |
| 9 | Tổng Công ty Giấy Việt Nam - Công ty TNHH | Thị trấn Phong Châu - huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ | x |  |  |  |  |  |
| 10 | Công ty cổ phần Giấy Việt Trì | Phường Bến Gót, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | x |  |  |  |  |  |
| 11 | Công ty CP Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao | Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. | x |  |  |  |  |  |
| 12 | Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất | Số 58 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh |  |  |  |  |  | x |
| 13 | Công ty CP TM và DV kiểm tra Kỹ Thuật Alpha *(\*1)* | Số 37, đường số A4, Phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 14 | Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật GTC *(\*1)* | Số 176/9A, đường Lê Văn Sĩ, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 15 | Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh | Số 2, đường Võ Oanh, phường 25, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh |  |  |  | x |  |  |
| 16 | Công ty TNHH Mười Phong *(\*1)* | Số 2/1, khu phố Trung, phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 17 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh | Số 75 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh |  | x |  |  |  |  |
| 18 | Công ty TNHH gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh | Khu kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | x |  |  |  |  |  |
| 19 | Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Nghệ An | Lô CN 1-8, khu công nghiệp Đông Hồi, xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An | x |  |  |  |  |  |
| 20 | Công ty Cổ phần Lâm nghiệp tháng năm *(\*2)* | Xã Nghĩa Hội, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An. | x |  |  |  |  |  |
| 21 | Công ty cổ phần bia Hà Nội - Nghệ An | Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cấm, Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An | x |  |  |  |  |  |
| 22 | Bệnh viện Trường Đại học Y dược Huế *(\*3)* | Số 41 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. |  | x |  |  |  |  |
| 23 | Công ty hữu hạn Xi măng Luks (Việt Nam) | 30 Thống Nhất, Tứ Hạ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế | x |  |  |  |  |  |
| 24 | Cảng hàng không quốc tế Phú Bài | Khu 8, Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế |  |  |  |  |  | x |
| 25 | Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam *(\*4)* | Lô B8, KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên – Huế. | x |  |  |  |  |  |
| 26 | Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | Số 969 đường Bạch Đằng, phường Quang Trung, Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | x |  |  |  |  |  |
| 27 | Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Vân Đồn - Chi nhánh Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn - SUN GROUP | Thôn Giữa, xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. |  |  |  |  |  | x |
| 28 | Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV | Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông | x |  |  |  |  |  |
| 29 | Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên | số 184 đường Trần Quý Cáp, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk |  | x |  |  |  |  |
| 30 | Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF Bison | Ngã ba quốc lộ 14 và 14C, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông | x |  |  |  |  |  |
| 31 | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - miền Trung | số 01 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | x |  |  |  |  |  |
| 32 | Công ty cổ phần bia Sài Gòn- Bạc Liêu | Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu | x |  |  |  |  |  |
| 33 | Công ty TNHH Một thành viên phân bón dầu khí Cà Mau | Lô D, Khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | x |  |  |  |  |  |
| 34 | Công ty TNHH giấy Lee & Man Việt Nam *(\*7)* | Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A, giai đoạn 1, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | x |  |  |  |  |  |
| 35 | Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ *(\*1)* | Số 1284 Trần Hưng Đạo, phường 7, TP. Hậu Giang, tỉnh Hậu Giang | x |  |  |  |  |  |
| 36 | Trung tâm Ứng dụng, Kỹ thuật, Thông tin Khoa học và Công nghệ | Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |  |  | x |  |  |  |
| 37 | Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung | Khu công nghiệp Tằng Lỏong, Thị trấn Tằng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Thị trấn Tằng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai | x |  |  |  |  |  |
| 38 | Công ty Cổ phần DAP số 2 VINACHEM | Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | x |  |  |  |  |  |
| 39 | Công ty TNHH vàng bạc đá quý Hiệu Thảo | Số 38 đường 19/5, Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |  |  |  |  | x |
| 40 | Cửa hàng vàng bạc Tính Thúy *(\*1)* | Số 020, đường Phan Đình Phùng, phố mới, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |  |  |  |  | x |
| 41 | Trung tâm Kiểm định và Kiềm nghiệm hàng hóa tỉnh Lào Cai | Km 2+300, đại lộ Trần Hưng Đạo, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |  | x |  |  |  |
| 42 | Viện Nghiên cứu cơ khí *(\*5)* | 4 Phạm Văn Đồng, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 43 | Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam *(\*6)* | Lô CN 9, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 44 | Trung tâm Y tế Huyện Gia Lâm | Số 1 Ngô Xuân Quảng, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội |  | x |  |  |  |  |
| 45 | Bệnh viện Đại học Y Thái Bình *(\*6)* | 375 Lý Bôn, phường Quang Trung, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  | x |  |  |  |  |
| 46 | Công ty TNHH KEFICO Việt Nam | Lô XN01, khu công nghiệp Đại An, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương | x |  |  |  |  |  |
| 47 | Công ty TNHH Hamaden Việt Nam | Lô Số A4 Khu Công Nghiệp Thăng Long II, Liêu Xá, Yên Mỹ, Hưng Yên | x |  |  |  |  |  |
| 48 | Công ty TNHH DREAMTECH Việt Nam | Số 100 Đường Hữu Nghị, Phù Chẩn, Từ Sơn, Bắc Ninh | x |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*1. Năm 2020, Cục ATBXHN đã xử lý vi phạm hành chính đối với 13 cơ sở, tổng số tiền phạt là 128.5 triệu đồng.*

*2. Các cơ sở bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi:*

*(\*1) - Không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ.*

*(\*2) - Không bố trí người phụ trách an toàn theo quy định*

*(\*3) - Không tổ chức đào tạo kiến thức an toàn bức xạ, hạt nhân cho nhân viên bức xạ theo quy định*

*(\*4) - Không báo cáo Cục ATBXHN về việc chuyển giao, chuyển nhượng thiết bị bức xạ sau 10 ngày làm việc, kể từ khi thiết bị bức xạ được chuyển khỏi cơ sở;*

*(\*5) - Để liều chiếu xạ đối với nhân viên bức xạ vượt quá liều giới hạn theo quy định*

*(\*6) - Nhân viên bức xạ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội quy an toàn bức xạ, quy trình vận hành*

*(\*7) - Không báo cáo định kỳ hằng năm về thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ của cơ sở tiến hành công việc bức xạ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

*(\*8) - Vi phạm một trong các điều kiện quy định trong giấy phép.*

## PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ DO SỞ KH&CN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THANH, KIỂM TRA NĂM 2020

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Hình thức tiến hành** *(Thanh tra: T Kiểm tra: K)* | **Lĩnh vực hoạt động** *(Y tế: YT; Công nghiệp: CN, Khác: K)* | Số tiền đã xử phạt (đv: đồng) | **Hành vi, Điều, khoản, điểm XPVPHC** | **Ghi chú/ Các điểm cần lưu ý về cơ sở (nếu có)** |
| **1** | | **An Giang (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **2** | | **Bà Rịa - Vũng Tàu (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **3** | | **Bắc Giang (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **4** | | **Bắc Kạn** | | | | | | |
| 1 | 1 | Phòng Khám Đa Khoa Quốc tế Việt Pháp | Tổ 8 B, Phường Phùng Chí Kiên - TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | K | YT |  |  |  |
| **5** | | **Bạc Liêu** | | | | | | |
| 2 | 1 | Hộ kinh doanh Đặng Quang Thiên | Số 482 Võ Thị Sáu, phường 3, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 3 | 2 | Hộ kinh doanh Trần Thanh Phong | Số C14 Bà triệu, phường 3, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu | T | YT | 6,000,000 | Điểm a, Khoản 01, Điều 12 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 4 | 3 | Hộ kinh doanh Hồ Trung Tín | Số 20/1 Võ Thị Sáu, phường 3, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 5 | 4 | Hộ kinh doanh phòng khám đa khoa Anh Kiệt | Số 127 Võ Thị Sáu, khóm 2, phường 8, TP. Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 6 | 5 | Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phòng Khám đa khoa Nhân Hòa Bạc Liêu | Số 79 Trần Phú, khóm 4, phường 7, TP. Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 7 | 6 | Trung tâm y tế TP. Bạc Liêu | Đường số 09, Khu dân cư Thiên Long, khóm 3, phường 5, TP. Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 8 | 7 | Trung tâm y tế huyện Hồng Dân | Số 01 Trần Hưng Đạo, thị trấn Ngan Dừa, Hồng Dân, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 9 | 8 | Trung tâm y tế huyện Phước Long | Ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 10 | 9 | Trung tâm y tế huyện Hòa Bình | Ấp Thị Trấn B, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 11 | 10 | Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lợi | Ấp Xẻo Chích, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 12 | 11 | Trung tâm y tế huyện Đông Hải | Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 13 | 12 | Hộ kinh doanh Phòng khám đa khoa Khải Hoàng | Số 413 khóm 01, thị xã Giá Rai, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 14 | 13 | Trung tâm y tế thị xã Giá Rai | Khóm 01, thị xã Giá Rai, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 15 | 14 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu | Số 06 Nguyễn Huệ, phường 3, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 16 | 15 | Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Bạc Liêu | Số 393 đường 23/8, phường 8, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| 17 | 16 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu | Số 01 Đồng Khởi, phường 5, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu | T | YT |  |  |  |
| **6** | | **Bắc Ninh (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **7** | | **Bến Tre (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **8** | | **Bình Định (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **9** | | **Bình Dương** | | | | | | |
| 18 | 1 | Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Châu Thànhuyện | Số 8, đường số 171, Phạm Ngọc Thạch, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 19 | 2 | Công ty TNHH Bệnh viện Vạn Phúc | Số 45, Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 20 | 3 | Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Sài Gòn 4 | Số 25, đường CMT8, phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 21 | 4 | Công ty TNHH BVĐa khoa Medic Bình Dương | Số 14A, đường Nguyễn An Ninh, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Mộ, tỉnh Bình Dương | T | YT | 4,000,000 | Điểm h Khoản 2 Điều 27 NĐ 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 22 | 5 | Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Sài Gòn 1 | Số 25, đường CMT8, phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 23 | 6 | Chi nhánh II-Công ty TNHH BVĐa khoa Hoàn Hảo | Số 334, đường BH 22, KP Đồng An, P Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 24 | 7 | Phòng chẩn đoán hình ảnh BS Thị | Số 20, KP Hưng Phước, P Hưng Định, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 25 | 8 | Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Nhân Sinh | Số 6, Vsip II đường số 6, KCN Vsip II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 26 | 9 | CN Công ty Cổ phần Bệnh viện Van Phúc-Bệnh viện Vạn Phúc 2. | Thửa đất số 872, tờ bản đồ số 112, KP Bình Phước B, P Bình Chuẩn, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | YT | 4,000,000 | Điểm h Khoản 2 Điều 27 NĐ 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 27 | 10 | Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa An Phú | Số 05, KDC Nam Phương, đường số 22/12, KP 1, P An Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 28 | 11 | Công ty TNHH Sài Gòn Vĩnh Phú. | Số 9/2, KP Bình Quới B, phường Bình Chuẩn, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 29 | 12 | Công ty TNHH Hoàn Hảo | Số 26/14, KP Bình Đường 2, phường An Bình, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 30 | 13 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Medic Miền Đông | Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 231, KP Bình Phước A, P Bình Chuẩn, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | YT | 4,000,000 | Điểm h Khoản 2 Điều 27 NĐ 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 31 | 14 | Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Ngọc Hồng | Số 6/7 KP Đông Tân, phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 32 | 15 | Công ty TNHH TM DV Y tế Vũ Cao. | Số 20/22 đường Mồi, KP Thống Nhất, phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 33 | 16 | Công ty CP Phòng khám đa khoa Châu Thành Nam Tân Uyên. | Số 68 đường DT 746, KP Tân Bình, P Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 34 | 17 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Phúc Tâm. | Thửa đất số 459, tờ bản đồ số 14, KP Ông Đông, P Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 35 | 18 | Công ty CP Phòng khám đa khoa An Phước Sài Gòn. | Số 342-343, KP Khánh Lộc, P Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 36 | 19 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Nhân Đức Sài Gòn. | Số 407, 412, 426, 427, 428 tờ bản đồ số 14, KDC Phúc Đạt, KP Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 37 | 20 | CN II- Công ty CP Phòng khám đa khoa An Phước Sài Gòn. | Ô số 13, lô E 50, đường NB5, Khu phố 1, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 38 | 21 | Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước. | Đường DT 743, khu phố Đông Trác, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 39 | 22 | Công ty CP TM DV Y tế Nhân Nghĩa. | Số 99 Đại lộ Bình Dương, P Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 40 | 23 | Công ty TNHH BVĐa khoa Sài Gòn Bàu Bàng. | Thửa đất số 2475, tờ bản đồ số 4, khu tái định cư Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 41 | 24 | Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Minh Phước. | Số 39, 40, 41, chung cư liền kề Mỹ Phước 1, đường 11, KCN Mỹ Phước 1, P Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 42 | 25 | Công ty TNHH Sài Gòn Medic. | Số 101-103, đường NC, KĐT Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 43 | 26 | Công ty TNHH DV Y tế Ngân Hà. | Thửa đất số 603, tờ bản đồ số 57, đường D6 –N5A, KCN Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 44 | 27 | Công ty TNHH BVĐa khoa Sài Gòn An Tây. | Số 172B, ấp Lồ Ồ, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 45 | 28 | Công ty TNHH BV Phòng khám đa khoa Y dược An Sài Gòn. | Số 195 đường DT 743A, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 46 | 29 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Quốc tế 368 Sài Gòn | Số 102, tổ 3, KP Long Khánh, P Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | YT |  |  |  |
| 47 | 30 | Công ty TNHH MTV Bao bì Giấy Bình Minh | Ô A9.1, lô A9, đường D2, KCN Đất Cuốc (khu B), xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 48 | 31 | Công ty TNHH Giấy Nam Tiến | Thửa đất số 686, tờ bản đồ số 47, KP Bình Chánh Đông, P Khánh Bình, X Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 49 | 32 | Công ty TNHH Perstima Việt Nam | Số 15, đường số 6, KCN Vsip, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 50 | 33 | Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú | Số 119A/2, tổ 4, KP 1B, P An Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | K |  |  |  |
| 51 | 34 | Công ty TNHH Sài Gòn Fabrication | Lô E, đường số 4, KCN Đồng An, P Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 52 | 35 | Công ty TNHH Ắc quy GS Việt Nam | Số 18, đường số 3, KCN Vsip, P Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 53 | 36 | Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel | Đường DT 743, KP Đông Tác, P Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 54 | 37 | Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương | Lô số B-2 CN, đường số D15, KCN Mỹ Phước 1, P Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 55 | 38 | Công ty TNHH Thép KDG Việt Nam | Lô C-3D-CN, đường DE 6, KCN Mỹ Phước III, P Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 56 | 39 | Công ty TNHH Giấy Hưng Thịnh | Lô M5, đường N2, KCN Nam Tân Uyên, P Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 57 | 40 | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim | Lô A1, đường D2, KCN Đồng An 2, P Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| 58 | 41 | Công ty Cổ phần MDF Việt Nam | Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | T | CN |  |  |  |
| **10** | | **Bình Phước** | | | | | | |
| 59 | 1 | Phòng khám bệnh BS. Nguyễn Văn Cường | 483, QL 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 60 | 2 | Công ty TNHH MTV Lan Khuê – Phòng khám Đa khoa 123 Hùng Vương | Số 123 đường Hùng Vương, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 61 | 3 | Bệnh viện Y Học Cổ Truyền | Hẻm 21, đường Nguyễn Huệ, phườngTân Thiện, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 62 | 4 | Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Tâm Việt | Số 59 ĐT 741 – Khu phố 1 – Phường Thác Mơ, Phước Long, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 63 | 5 | Trung tâm Y tế TP. Đồng Xoài | QL14, phườngTân Thiện, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 64 | 6 | Công ty cổ phần Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Phước | Ấp 4, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 65 | 7 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước | Phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 66 | 8 | Bệnh viện đa khoa Cao Su Phú Riềng | Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 67 | 9 | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Vũ Anh | Ấp 7 xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 68 | 10 | Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh | Kp Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 69 | 11 | Trung tâm Y tế huyện Bù Đốp | Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 70 | 12 | Công ty TNHH MTV phòng khám đa khoa Công ty TNHH MTV phòng khám đa khoa Vạn Hạnh | Thôn Bình Lợi, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 71 | 13 | Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Tâm Phúc | 232 - QL13 - KP. Ninh Thịnh - thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 72 | 14 | Hộ kinh doanh cá thể Trịnh Cao Sơn | Số 45 - Đường Phạm Ngọc Thạch, Khu phố Ninh Hoà, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 73 | 15 | Công ty Cổ phần đầu tư phát triển y tế Lê Nguyễn | Quốc lộ 13, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 74 | 16 | Phòng chẩn đoán hình ảnh Vũ Đức Cảm | Khu Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 75 | 17 | Trung tâm y tế huyện Bù Đăng | Thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 76 | 18 | Công ty TNHH MTV Hoàng Dung Bình Phước Phòng khám đa khoa BS Chiến | Tân Hưng, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 77 | 19 | Bệnh viện Đa khoa Cao Su Bình Long | Khu phố Phú Hoà, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 78 | 20 | Hộ kinh doanh - Phòng khám bệnh chụp X-quang Đoàn Văn Bính | Tổ 3 khu phố Phú Hòa, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 79 | 21 | Cty Cổ phần phòng khám Đa khoa Bình Long | Phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 80 | 22 | Trung tâm Y tế thị xã Bình Long | Phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 81 | 23 | Công ty TNHH VT Phòng khám đa khoa Sài Gòn | 159 QL13, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 82 | 24 | Cty CP - Phòng khám Đa khoa Tâm An Phước | thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 83 | 25 | Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản | thị trấnTân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 84 | 26 | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa - Chơn Thành | QL 14 - Ấp Hiếu Cảm – Thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 85 | 27 | Trung tâm Y tế huyện Chơn Thành | thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 86 | 28 | Công ty TNHH HCM Vina | Lô B2-C, KCN Becamex-Bình Phước, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | T | CN |  |  |  |
| 87 | 29 | Công ty Cổ phần giấy Minh Hưng | Lô H9-H10-H11, đường D, KCN Minh Hưng 3, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | T | CN |  |  |  |
| 88 | 30 | Trung Tâm Y tế Phước Long | Đường Cách mạnh Tháng 8, Phường Long Thuỷ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| 89 | 31 | Công ty TNHH MTV phòng khám Đa khoa Hưng Sương | Xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước | T | YT |  |  |  |
| **11** | | **Bình Thuận (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **12** | | **Cà Mau (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **13** | | **Cần Thơ** | | | | | | |
| 90 | 1 | Công ty TNHH Y khoa Đồng Xuân | 179 Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | T | YT |  |  |  |
| 91 | 2 | Bệnh viện Công an TP. Cần Thơ | 9B Trần Phú, Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | T | YT |  |  |  |
| 92 | 3 | Bệnh viện Quân Dân y TP. Cần Thơ | Ấp Thới Bình, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần thơ | T | YT |  |  |  |
| 93 | 4 | Phòng Khám bệnh tư nhân Hoàng Minh | 266/5 Quốc lộ 91, khu vực 11, Châu Văn Liêm, Ô Môn, TP. Cần Thơ | T | YT |  |  |  |
| 94 | 5 | Công ty TNHH thực phẩm Phong Dinh | 108 Đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | T | CN |  |  |  |
| 95 | 6 | Trường Đại học Cần Thơ | Đại học Cần Thơ, Khu II, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | T | K |  |  |  |
| 96 | 7 | Công ty Pepsico Việt Nam tại TP. Cần Thơ | Lô 2.19B, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, TP. Cần Thơ | T | CN |  |  |  |
| 97 | 8 | Công ty TNHH Quốc tế TRI-VIET | Lô 2-9A, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | T | CN |  |  |  |
| 98 | 9 | Công ty cổ phần bia Sài Gòn Miền Tây | KCN Trà Nóc, Trà Nóc, Bình Thuỷ, TP. Cần Thơ | T | CN |  |  |  |
| 99 | 10 | Phòng chụp X-quang tư nhân Bảo Thành 1 | 457 Lê Thị Tạo, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ | T | YT |  |  |  |
| 100 | 11 | Công ty TNHH Wilmar Agro Việt Nam | KCN Hưng Phú 1, p Tân Phú, q Cái Răng, TP. Cần Thơ (CN tại địa chỉ: Giai đoạn 3, KCN Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ) | T | CN |  |  |  |
| 101 | 12 | Công ty cổ phần Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô | Lô 22 KCN Trà Nóc 1, p Trà Nóc, q Bình Thuỷ, TP. Cần Thơ | T | CN |  |  |  |
| **14** | | **Cao Bằng** | | | | | | |
| 102 | 1 | Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Hồng Đức | Tổ 22, phường Sông Bằng, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) | T | YT |  |  |  |
| 103 | 2 | Doanh nghiệp tư nhân Nhinh Chinh | Số nhà 041, phố Hiến Giang, phường Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | T | K |  |  |  |
| 104 | 3 | Trung tâm y tế TP. Cao Bằng | Phường Sông Bằng, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | T | YT |  |  |  |
| 105 | 4 | Bệnh viện Tĩnh Túc | Thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | T | YT |  |  |  |
| 106 | 5 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Phường Tân Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | T | YT |  |  |  |
| **15** | | **Đà Nẵng** | | | | | | |
| 107 | 1 | Bệnh viện Giao thông vận tải Đà Nẵng | 68 Hoàng Văn Thái, Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 108 | 2 | Trung Tâm Pháp Y TP. Đà Nẵng | 02 Yershin, Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 109 | 3 | Bệnh viện Tâm thần TP. Đà Nẵng | 193 Nguyễn Lương Bằng, Hòa Khánh Bắc,Liên Chiểu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 110 | 4 | Bệnh xá Công an TP. thuộc phòng Hậu cần Công an TP. Đà Nẵng | 22 Phần Lăng 8, Thanh Khê , Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 111 | 5 | Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng | 95 Quang Trung, Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 112 | 6 | Công ty TNHH Mabuchi Motor Đà Nẵng | Lô số A2, đường số 3, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng | T | CN |  |  |  |
| 113 | 7 | Công ty TNHH Điện tử Việt Hoa | Lô A1, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng | T | CN |  |  |  |
| 114 | 8 | Công ty TNHH Điện tử Foster Đà Nẵng | Đường số 1, KCN Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng | T | CN |  |  |  |
| 115 | 9 | Phòng khám Gia đình Đà Nẵng - Chi nhánh Công ty TNHH Phòng khám gia đình TP. Hồ Chí Minh | 96 - 98 Nguyễn Văn Linh, Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 116 | 10 | Công ty TNHH Một thành viên Samsun RC - Chi nhánh 3 | 137 Ông Ích Khiêm, quận Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 117 | 11 | Công ty TNHH phòng khám đa khoa Ân Đức 1 | 517 Tôn Đức Thắng, Liên Chiểu, Hải Châu | T | YT |  |  |  |
| 118 | 12 | Công ty TNHH phòng khám đa khoa Hòa Khánh | 471 Tôn Đức Thắng, Liên Chiểu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 119 | 13 | Công ty TNHH Thương mại Hòa Nga-CN. Đà Nẵng | 291 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 120 | 14 | Nha khoa Sài Gòn | 207 Hùng Vương, Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 121 | 15 | Phòng X-quang Huỳnh Ngộ | K144/6 Hải Phòng, Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 122 | 16 | Phòng Khám Medic Đà Nẵng | K21/5 Lê Hồng Phong, Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 123 | 17 | Phòng khám Đa khoa Phương Đông | 30 Phan Đăng Lưu, Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| 124 | 18 | Trung Tâm Nha Khoa Đông Tây Hội Ngộ | 269 Núi Thành, Hải Châu, Đà Nẵng | T | YT |  |  |  |
| **16** | | **Đắk Lắk (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **17** | | **Đắk Nông** | | | | | | |
| 125 | 1 | Trung tâm chuẩn đoán y khoa Đắk Nông | 82 Bà Triệu, phường Nghĩa Thành, TP. Gia Nghĩa, Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 126 | 2 | Phòng khám đa khoa 55 Lý Thường Kiệt | 55 Lý Thường Kiệt, phường Nghĩa Thành, TP. Gia Nghĩa, Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 127 | 3 | Bệnh xá Công an tỉnh Đắk Nông | Tổ 2, Phường Nghĩa Phú, TP. Gia Nghĩa, Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 128 | 4 | Phòng khám đa khoa 68 Hùng Vương | TDP 4 Hùng Vương, TP. Gia Nghĩa, Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 129 | 5 | Phòng khám Đức An | Khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk' Lấp, tỉnh Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 130 | 6 | Phòng khám Bác sỹ Đặng Thành | Khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk' Lấp, tỉnh Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 131 | 7 | Phòng khámThiên Phước | TDP1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk' Lấp, tỉnh Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 132 | 8 | Phòng khám Toàn Đức | TDP9, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk' Lấp, tỉnh Đắk Nông | T | YT |  |  |  |
| 133 | 9 | Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Cường | 144 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil | T | YT |  |  |  |
| 134 | 10 | Phòng khám bác sỹ Nguyên | Thôn Kẻ Đọng, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil | T | YT |  |  |  |
| 135 | 11 | Phòng khám bác sỹ Hoàng | Thôn ĐứcVinh, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil | T | YT |  |  |  |
| 136 | 12 | Phòng khám đa khoa An Tâm | 61 Nguyễn Văn Linh, thị trấn Eatling, huyện Cư Jut | T | YT |  |  |  |
| 137 | 13 | Phòng khám đa khoa An Bình | Thôn 6, xã Nam Dong, huyện Cư Jut | T | YT |  |  |  |
| 138 | 14 | Phòng khám nội tổng hợp | Thôn 10, xã Nam Dong, huyện Cư Jut | T | YT |  |  |  |
| 139 | 15 | Phòng khám đa khoa Vạn Phước | 44 Nguyễn Văn Linh, thị trấn Eatling, huyện Cư Jut | T | YT |  |  |  |
| 140 | 16 | Trung tâm Y tế huyện Krông Nô | Thôn nam Thanh, xã Nam Đà, huyện Krông Nô | T | YT |  |  |  |
| 141 | 17 | Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức | Xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức | T | YT |  |  |  |
| 142 | 18 | Trung tâm Y tế huyện Đắk Song | Tổ 1, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song | T | YT |  |  |  |
| **18** | | **Điện Biên** | | | | | | |
| 143 | 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên | Phường Noong Bua, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên | T | YT |  |  |  |
| **19** | | **Đồng Nai** | | | | | | |
| 144 | 1 | Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán | Ấp Hiệp Quyết, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán | K | YT |  |  |  |
| 145 | 2 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Việt Hương. | Số 128, Quốc lộ 20, khu phố 114, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán | K | YT |  |  |  |
| 146 | 3 | Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất. | xã Bàu hàm, huyện Thống Nhất | K | YT |  |  |  |
| 147 | 4 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ân Khánh Sài Gòn. | Số 254/5, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất | K | YT |  |  |  |
| 148 | 5 | Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom. | khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom | K | YT |  |  |  |
| 149 | 6 | Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánhuyện | Số 911, đường 21/4, phường Suối Tre, TP. Long Khánh | K | YT |  |  |  |
| 150 | 7 | Trung tâm Y tế TP. Long Khánhuyện | Số 03, Đường Cách mạng tháng Tám, phường Xuân An, TP. Long Khánh | K | YT |  |  |  |
| 151 | 8 | Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ. | Ấp Suối Cả, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ | K | YT |  |  |  |
| 152 | 9 | Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc. | Ấp Suối Cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc | K | YT |  |  |  |
| 153 | 10 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hưng Hòa Phát. | Tổ 1, ấp 1, Đường Hùng Vương, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom | K | YT |  |  |  |
| 154 | 11 | Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ Bảo Oanh - Phòng khám đa khoa Bảo Anhuyện | Số 1564, Quốc lộ 1A, ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom | K | YT |  |  |  |
| 155 | 12 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa An Phúc Sài Gòn. | Số 2368, ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom | K | YT |  |  |  |
| 156 | 13 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tín Đức | Ấp 3, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu | K | YT |  |  |  |
| 157 | 14 | Nha Khoa Quốc tế Khắc Ghi | Số 8, Đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa; điện thoại | K | YT |  |  |  |
| 158 | 15 | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Thành Tâm | Tổ 14, khu 3, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành | K | YT |  |  |  |
| 159 | 16 | Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu | khu phố 3, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu | K | YT |  |  |  |
| 160 | 17 | Phòng khám Bác sĩ Ninh Quốc Viễn (Đổi tên thành Phòng chụp X-quang Phan Tùng Anh) | khu phố, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu | K | YT |  |  |  |
| 161 | 18 | Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thànhuyện | Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành | K | YT |  |  |  |
| 162 | 19 | Trung tâm Y tế huyện Long Thành | Số 45, Đường Tôn Đức Thắng, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành | K | YT |  |  |  |
| 163 | 20 | Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch | Đường Nguyễn Hữu Cảnh, ấp Xóm Hố, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch | K | YT |  |  |  |
| 164 | 21 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Bình An; | Số 52, ấp 5, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch | K | YT |  |  |  |
| 165 | 22 | Bệnh xá Công an tỉnh | Số 32, Đường Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 166 | 23 | Chi nhánh Công ty TNHH dược Bửu Hòa - Phòng khám đa khoa Hạnh Phúc. | Số 158 -160, Đường Đồng Khởi, khu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 167 | 24 | Công ty CP Thương mại Quốc tế Sỹ Mỹ | Số 58/64, Đường Bùi Văn Hòa, khu phố 11, phường An Bình, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 168 | 25 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Đồng Khởi | Số C4-C5, Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 169 | 26 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Biên Hòa | Số 122-124, Đường Đồng Khởi, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 170 | 27 | Bệnh viên Đa khoa Thống Nhất | Số 234, Quốc Lộ 1, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 171 | 28 | Bệnh viên Tâm thần Trung Ương 2 | khu phố 7, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 172 | 29 | Công ty TNHH Nha khoa Sài Gòn B.H | Số 8-8B, Đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 6, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 173 | 30 | Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02, Đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 174 | 31 | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| 175 | 32 | Công ty CP Dịch vụ Y tế - Bệnh viện Mẹ Âu Cơ | Số 47/19A, Đường Điểu Xiển, khu phố 5B, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| 176 | 33 | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Nhi sài Gòn - Chi nhánh tại Đồng Nai | Số 185, Đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 177 | 34 | Công ty TNHH Xây dựng - Y tế Tâm An | E43 - E44 đường D9, khu dân cư Đường Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| 178 | 35 | Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai | Số 1048A, Đường Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa | K | YT |  |  |  |
| 179 | 36 | Trung tâm y tế TP. Biên Hòa | Số 98/487 Đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| 180 | 37 | Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Tam Phước | Số 592, ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| 181 | 38 | Bệnh viện Phổi Đồng Nai | Ấp Tân Mai 2, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| 182 | 39 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Hoàng Anh Đức | Trung đoàn 22, Quân Đoàn 4, Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường Long Bình, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| 183 | 40 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa An Bình NaSa | Số 4, Đường Bùi Văn Hoà, khu phố 11, phường An Bình, TP. Biên Hòa. | K | YT |  |  |  |
| **20** | | **Đồng Tháp** | | | | | | |
| 184 | 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Tháp | 144, Đường Mai Văn Khải, Ấp III, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnhuyện | K | YT |  |  |  |
| 185 | 2 | Bệnh viện Quân dân y tỉnh Đồng Tháp | 165 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnhuyện | K | YT |  |  |  |
| 186 | 3 | Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc | 153 Nguyễn Sinh Sắc, Khóm Hòa Khánh, P2, TP. Sa Đéc. | K | YT |  |  |  |
| 187 | 4 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự | Đường Trần Phú, Phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự. | K | YT |  |  |  |
| 188 | 5 | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Đồng Tháp | 167, Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnhuyện | K | YT |  |  |  |
| 189 | 6 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Hòa | 01 Lê Thị Riêng, Phường 1, TP. Cao Lãnhuyện | K | YT |  |  |  |
| 190 | 7 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Đồng Tháp | 700 Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnhuyện | K | YT |  |  |  |
| 191 | 8 | Phòng khám chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh bác sĩ Đỗ Chấn Quốc | 03 đường Hùng Vương, khóm 2, P2, TP. Sa Đéc. | K | YT |  |  |  |
| 192 | 9 | Trung tâm chẩn đoán y khoa, Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo | 456 Nguyễn Sinh Sắc, khóm 5, phường 1, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp | K | YT |  |  |  |
| 193 | 10 | Phòng chụp X-quang Nguyễn Văn Cảnh | Ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình | K | YT |  |  |  |
| **21** | | **Gia Lai báo cáo thanh tra 20 cơ sở nhưng không gửi danh sách, đã gọi điện đề nghị gửi lại, ngày 15/3 gọi lần 2 CTTra cho biết đã yêu cầu làm và gửi lại nhưng chưa thấy, 16/3 đã nhắn tin lại, chưa nhận được phản hồi** | | | | | | |
| 194 | 1 | Phòng khám Bác sỹ Năm | 77 Quang Trung, Ia Kha, Ia Grai, tỉnh Gia Lai | T | YT | 4,500,000 | điểm e khoản 2 Điều 14 Nghị định 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 | \* |
| 195 | 2 | Phòng khám Cheo Reo | Số 20 đường 17/3 TT. Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai |  |  |  |  |  |
| 196 | 3 | Phòng khám X-quang 113 Đinh Tiên Hoàng | 113A Đinh Tiên Hoàng, Pleiku, Gia Lai, |  |  |  |  |  |
| 197 | 4 | Phòng Khám Đa khoa Phan Đình Phùng | 83 Phan Đình Phùng, Pleiku, Gia Lai, |  |  |  |  |  |
| 198 | 5 | Công ty TNHH Bình An Hưng | 192 Phan Đình Phùng, Pleiku, Gia Lai |  |  |  |  |  |
| 199 | 6 | Phòng khám Sơn Hạnh | 24 Phan Đình Phùng, Pleiku, Gia Lai. |  |  |  |  |  |
| 200 | 7 | Phòng khám Thanh Minh | 396B Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai |  |  |  |  |  |
| 201 | 8 | Phòng khám Lê Thanh Tịnh | Lô 71/A5 Tôn Thất Tùng, Pleiku, Gia Lai |  |  |  |  |  |
| 202 | 9 | Phòng khám Thu Trâm | Thôn 7 xã An Phú, Pleiku, Gia Lai |  |  |  |  |  |
| 203 | 10 | Phòng chụp X-quang Trần Công Thiện | TDP 2, TT. Phú Thiện, Phú Thiện, Gia Lai |  |  |  |  |  |
| 204 | 11 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 205 | 12 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 206 | 13 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 207 | 14 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 208 | 15 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 209 | 16 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 210 | 17 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 211 | 18 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 212 | 19 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| 213 | 20 | Chưa cập nhật tên cơ sở |  |  |  |  |  |  |
| **22** | | **Hà Giang** | | | | | | |
| 214 | 1 | Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Su Phì | Thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| 215 | 2 | Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội | Tổ 10 phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| 216 | 3 | Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình | Thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình-Hà Giang, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| 217 | 4 | Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| 218 | 5 | Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên | Thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| 219 | 6 | Phòng khám đa khoa Trí Đức | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| 220 | 7 | Phòng khám Đặng Phúc Diệp | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| 221 | 8 | Phòng khám y cao Hà Nội | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | T | YT |  |  |  |
| **23** | | **Hà Nam (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **24** | | **Hà Nội** | | | | | | |
| 222 | 1 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức | Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 223 | 2 | Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội | 40A – 40B Tràng Thi, Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 224 | 3 | Bệnh viện Phụ sản Trung ương | Số 43 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 225 | 4 | Bệnh viện Phụ sản Hà Nội | 929 Đê La Thành, quận Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 226 | 5 | Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn | Số 12 Chu Văn An, Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 227 | 6 | Bệnh viện Thận Hà Nội | Số 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 228 | 7 | Bệnh viện Nội tiết Trung ương | Khu B Yên Lãng, Thái Thịnh, Đống Đa và ngõ 215 đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, Thanh Trì | T | YT |  |  |  |
| 229 | 8 | Bệnh viện E | Số 89 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 230 | 9 | Bệnh viện Tim Hà Nội | Số 92 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm và đường Võ Chí Công, Tây Hồ, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 231 | 10 | Bệnh viện Phổi Trung ương | 463 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 232 | 11 | Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Ngọc | Số 55 Yên Ninh, Trúc Bạch, Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 233 | 12 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba | Số 37 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 234 | 13 | Bệnh viện Mắt Trung ương | Số 85 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 235 | 14 | Bệnh viện Bưu Điện | Số 49 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai , TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 236 | 15 | Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec –Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Times City | Số 458 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 237 | 16 | Bệnh viện chuyên khoa Nam học và Hiếm muộn Hà Nội – Chi nhánh số 1 Công ty TNHH Y khoa Việt | Lô 01-8A, cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 238 | 17 | Công ty TNHH Công nghệ và Xét nghiệm y học | Số 42-44 phố Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 239 | 18 | Viện huyết học truyền máu Trung ương | Phố Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 240 | 19 | Công ty TNHH Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội | Số 1 Phương Mai, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 241 | 20 | Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp | Xã Ngọc Hồi, Thanh Trì và số 16 ngõ 183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 242 | 21 | Bệnh viện Xây dựng | Phố Nguyễn Quý Đức, Thanh Xuân, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 243 | 22 | Bệnh viện ung bướu Hưng Việt – Công ty cổ phần kinh doanh Hưng Việt | Số 34 Đại Cổ Việt, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 244 | 23 | Bệnh viện đa khoa tư nhân Tràng An | Số 59 ngõ Thông Phong, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 245 | 24 | Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương | 29 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 246 | 25 | Bệnh viện Đại học Quốc gia Hà Nội | 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy (Phòng khám đa khoa 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân), TP. Hà Nội | T | YT | 9,000,000 | Giây phép tiến hành công việc bức xạ hết hạn sử dụng trên 30 ngày làm việc; Quy định tại khoản 2,3 Điều 6 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 247 | 26 | Bệnh viện Da Liễu Trung ương | 15A Phương Mai, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 248 | 27 | Bệnh viện Tuệ Tĩnh | Số 2, Trần Phú, Hà Đông, TP. Hà Nội | T | YT | 6,000,000 | Giây phép tiến hành công việc bức xạ hết hạn sử dụng trên 30 ngày làm việc; Quy định tại khoản 2,3 Điều 6 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 249 | 28 | Bệnh viện Tâm thần Trung ương I | Xã Hoà Bình, Thường Tín, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 250 | 29 | Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức | Phúc Lâm, Mỹ Đức, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 251 | 30 | Bệnh viện đa khoa Đống Đa | Số 192 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 252 | 31 | Bệnh viện đa khoa Hà Đông | Số 2 Bế Văn Đàn, Quang Trung, Hà Đông, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 253 | 32 | Bệnh viện đa khoa Vân Đình | Số 1 Thanh Ấm, Vân Đình, Ứng Hòa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 254 | 33 | Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì | Xã Đồng Thái, Ba Vì, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 255 | 34 | Bệnh viện huyện Phú Xuyên | Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 256 | 35 | Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ | 120 khu Hoà Sơn, Chúc Sơn, Chương Mỹ, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 257 | 36 | Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh | Thạch Đà, Mê Linh, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 258 | 37 | Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng | Thị trấn Phùng, Đan Phượng, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 259 | 38 | Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất | Đường 420, Kim Quan, Thạch Thất, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 260 | 39 | Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức | Lũng Kênh, Đức Giang, Hoài Đức, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 261 | 40 | Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ | Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 262 | 41 | Bệnh viện đa khoa Sơn Tây | Số 304A Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 263 | 42 | Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai | Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 264 | 43 | Bệnh viện đa khoa Gia Lâm | Khu đô thị mới Trâu Quỳ, Gia Lâm, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 265 | 44 | Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn | Số 14, tổ 8, khu C, thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 266 | 45 | Trung tâm y tế quận Long Biên | Lô HH03 khu đô thị mới Việt Hưng, Long Biên, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 267 | 46 | Trung tâm Y tế quận Đống Đa | Số 107 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 268 | 47 | Trung tâm y tế huyện Đông Anh | Quốc lộ 23B, Tiên Dương, Đông Anh, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 269 | 48 | Trung tâm y tế – Môi trường lao động công thương | Số 99 đường Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 270 | 49 | Tổng Công ty may 10 - Công ty cổ phần | Sài Đồng, Long Biên, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 271 | 50 | Công ty cổ phần Dịch vụ y tế 7A Quang Vinh | Số 185 Phùng Hưng, Hà Đông, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 272 | 51 | Công ty cổ phần y tế Tâm Việt | Km28+500, xã Trường Yên, Chương Mỹ, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 273 | 52 | Công ty TNHH MTV TRUST HEALTH CARE | Số A26-1, ngõ 91, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, TP. Hà Nội | T | YT |  |  | Không còn tồn tại ở địa chỉ đăng ký |
| 274 | 53 | Công ty cổ phần nha khoa Sentosa Việt Nam | Số 5, ngõ 97, Thái Thịnh, Đống Đa - Tầng 1, nhà 18T2, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 275 | 54 | Công ty cổ phần Thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Tâm Đức | Thôn Chúc Lý, Ngọc Hòa, Chương Mỹ, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 276 | 55 | Công ty TNHH Mikuni Dental Clinic Hà Nội | Tòa tây 8001, tầng 8, Lothị trấne Center, 54 Liễu Giai, Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 277 | 56 | Công ty cổ phần y tế Long Hà | Số 6+7, dãy 16B3, Làng Việt Kiều Châu Âu, Mộ Lao, Hà Đông, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 278 | 57 | Công ty TNHH Công nghệ y tế Toàn Cầu | Số 9, ngõ 83, đường Nguyễn Khang, Cầu Giấy, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 279 | 58 | Công ty cổ phần y tế Tâm Đức Phát | Thôn Làng, Đông Xuân, Sóc Sơn, TP. Hà Nội | T | YT |  |  | không hoạt động |
| 280 | 59 | Công ty TNHH Phát triển kinh doanh thương mại Bảo Ngọc | Số 172, phố Ga, thị trấn Thường Tín, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 281 | 60 | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ CMB Quốc tế | Tầng 7, số 461 + 463 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 282 | 61 | Phòng khám đa khoa thuộc trường ĐH y tế Công cộng | Số 1A Đức Thắng, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 283 | 62 | Phòng khám chuyên khoa CĐHA MIKA | Thôn Chúc Lý, Ngọc Hoà, Chương Mỹ, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 284 | 63 | Phòng khám đa khoa Minh Đức | Số 7 Tùng Thiện, Sơn Lộc, Sơn Tây, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 285 | 64 | Phòng khám đa khoa Quân dân y Hà Nội | Xứ đồng Mài Lại, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 286 | 65 | Phòng khám đa khoa Hoa Sen - Chi nhánh Hà Nội | Ô số 1+2, tầng 4, tòa nhà D2 Giảng Võ, Ba Đình, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 287 | 66 | Phòng khám nha khoa quốc tế Dencos Luxury | tầng 3, số nhà 135+137 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 288 | 67 | Nha khoa Thu Phương | Căn SO.02A, nhà T2 khu đô thị Times City, số 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 289 | 68 | Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Nha khoa Kim | Số 162A, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, TP. Hà Nội | T | YT |  |  |  |
| 290 | 69 | Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam CTCP | Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội | T | K |  |  |  |
| **25** | | **Hà Tĩnh** | | | | | | |
| 291 | 1 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh | Số 75, Số 75, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 292 | 2 | Bệnh viện đa khoa TP. Hà Tĩnh | đường Hải Thượng Lãn Ông (kéo dài), phường Thạch Quý, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 293 | 3 | Bệnh viện phục hồi chức năng | Số 223, Đường Nguyễn Công Trứ, TP. Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 294 | 4 | Bệnh viện đa khoa huyện Hương Khê | Khối phố 10, thị trấn Hương Khê, Hương Khê, Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 295 | 5 | Bệnh viện đa khoa Hồng Hà | Khối phố 10, thị trấn Hương Khê, Hương Khê, Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 296 | 6 | Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ | Xã Đức Long, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 297 | 7 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Xóm Đoài Thịnh, Xã Thạch Trung, TP. Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 298 | 8 | Bệnh viện đa khoa Thị xã Hồng Lĩnh | phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 299 | 9 | Phòng khám đa khoa Việt Đức | TDP Đại Lợi, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 300 | 10 | Phòng khám đa khoa Thọ Vinh | Tổ dân phố Hưng Hòa, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh | K | YT |  |  |  |
| 301 | 11 | Bệnh viện đa khoa Sài Gòn Hà Tĩnh | Số 110, đường Lê Hồng Phong, TP. Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 302 | 12 | Phòng khám đa khoa Tân Thành | Khối 10, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 303 | 13 | Bệnh viện phổi Hà Tĩnh | Đường Đồng Môn, Phường Thạch Quý, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnhuyện | K | YT |  |  |  |
| 304 | 14 | Phòng khám Việt Pháp | Khối 7, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 305 | 15 | Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Xuân | Khối 6, Thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnhuyện | K | YT |  |  |  |
| 306 | 16 | Phòng khám đa khoa Bình An | xóm 7 xã Đức Yên - Đức Thọ - Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 307 | 17 | Bệnh viện Tâm Thần Hà Tĩnh | Đường Đồng Môn, khối Bắc Quý, phường Thạch Quý, TP. Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| 308 | 18 | Phòng khám đa khoa Hồng Hoàng | Xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh | K | YT |  |  |  |
| **26** | | **Hải Dương** | | | | | | |
| 309 | 1 | Trung tâm y tế huyện Ninh Giang | Khu 6 thị trấn Ninh Giang, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 310 | 2 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế Vạn Sơn | Thị trấn Kim Đính huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 311 | 3 | Công ty TNHH Công nghệ Vĩnh Hàn Precision. | Lô B7, B8 KCN Phúc Điền, Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương | T | CN |  |  |  |
| 312 | 4 | Bệnh viện Nhi Hải Dương. | Xã Liên Hồng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 313 | 5 | Trung tâm y tế TP. Hải Dương. | Số 71 đường Nguyễn Chí Thanh, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 314 | 6 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Tâm. | Đường Hoàng Ngân, phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 315 | 7 | Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hải Dương. | Số 110 đường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 316 | 8 | Bệnh viện phổi Hải Dương. | Số 1 Đường Phạm Hùng, phường Thanh Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 317 | 9 | Công ty TNHH UNIDEN Việt Nam | Lô 5.1 khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương | T | CN |  |  |  |
| 318 | 10 | Công ty cổ phần y tế tập Hà. | Số 203 Trần Phú, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| 319 | 11 | Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạchuyện | Khu 2 Bích Nhôi, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | T | CN |  |  |  |
| 320 | 12 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Y tế và Giáo dục Thuận An | Thôn 1 xã Hiệp An, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | T | YT |  |  |  |
| **27** | | **Hải Phòng** | | | | | | |
| 321 | 1 | Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt thuộc Hộ kinh doanh nha khoa Nụ Cười | Số 379 Ngô Gia Tự, Tổ dân phố Lực Hành, Phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 322 | 2 | Phòng khám chuyên khoa chuẩn đoán hình ảnh Nguyên Hậu | Thôn Thượng Điện, Xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 323 | 3 | Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên | Xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 324 | 4 | Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy | Thị trấn Núi Đối, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 325 | 5 | Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng | Số 225C Lạch Tray, Phường Đổng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 326 | 6 | Bệnh viện đa khoa quận Lê Chân | Số 169 đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 327 | 7 | Trung tâm Y tế quận Dương Kinh | Đường Mạc Đăng Doanh, Phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 328 | 8 | Bệnh viện Công an thành phố | Số 322 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 329 | 9 | Công ty cổ phần y tế Bình Dân | Đường 353, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 330 | 10 | Công ty xi măng CHINFON | Số 288 đường Bạch Đằng, Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng | T | CN |  |  |  |
| 331 | 11 | Công ty cổ phần dịch vụ y tế Hà Nội | Số 33 Kỳ Đồng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | T | YT |  |  |  |
| 332 | 12 | Bệnh viện Tâm thần | Cụm 2 Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 333 | 13 | Bệnh viện Trẻ em | Phố Việt Đức, phường Lãm Hà, quận Kiến An, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 334 | 14 | Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn | Số 229 Lý Thánh Tông, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 335 | 15 | Bệnh viện Phổi Hải Phòng | 568 Trần Tất Văn, Phường Tràng Minh, quận Kiến An, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 336 | 16 | Bệnh viện Kiến An | Số 35 Trần Tất Văn, quận Kiến An, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 337 | 17 | Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng | Số 34 Kỳ Đồng, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 338 | 18 | Công ty cổ phần Bệnh viện Tâm Phúc | 10 Hồ Sen, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 339 | 19 | Phòng khám đa khoa Đông Quy | Đông Quy, Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 340 | 20 | Trung tâm y tế quận Kiến An | Số 360 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 341 | 21 | Công ty TNHH Dịch vụ y tế Hưng Lâm | Km12 Quốc lộ 5A xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| 342 | 22 | Công ty TNHH Đỉnh Vàng | Số 1166 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng | K | YT |  |  |  |
| **28** | | **Hậu Giang (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **29** | | **Hòa Bình** | | | | | | |
| 343 | 1 | Phòng khám đa khoa Bảo Nam | Số nhà 2, ngõ 462, đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 344 | 2 | Phòng khám đa khoa Hải Dương | Số 482, đường Cù Chính Lan, Phường Đồng Tiến, TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 345 | 3 | Phòng khám đa khoa tư nhân Hoàng Long | Số 482, đường Cù Chính Lan, Phường Đồng Tiến, TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 346 | 4 | Phòng khám đa khoa tư nhân Hòa Bình | Số nhà 514, đường Cù Chính Lan, tổ 17, phường Đồng Tiến, TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 347 | 5 | Phòng khám đa khoa Hà Nội – Hòa Bình | Tổ 5, phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 348 | 6 | Phòng khám đa khoa Tây Tiến | Số 234, đường Thịnh Lang, tổ 13, phường Tân Thịnh, TP. Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 349 | 7 | Phòng khám đa khoa SEPENTRUNG Tây Bắc | Số 384-386, đường Trần Hưng Đạo, TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 350 | 8 | Phòng khám đa khoa Thái Bình | Số nhà 543, tổ 3, đường An Dương Vương, phường Thái Bình, TP. Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 351 | 9 | Phòng khám đa khoa Bảo Quân | Tổ Cầu Mát, xã Thống Nhất, TP. Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 352 | 10 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình | P. Đồng Tiến,TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 353 | 11 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hòa Bình | Đường Trần Hưng Đạo, TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 354 | 12 | Trung tâm y tế TP. Hòa Bình | Tổ 9, Phường Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 355 | 13 | Công ty TNHH Sankoh Việt Nam | Phường Hữu Nghị, TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 356 | 14 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hoà Bình | Tổ 14, phường Thịnh Lang, TP.Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 357 | 15 | Trung tâm y tế huyện Đà Bắc | thị trấnĐà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 358 | 16 | Trung tâm y tế huyện Cao Phong | thị trấnCao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 359 | 17 | Trung tâm y tế huyện Kim Bôi | Xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 360 | 18 | Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn | Phố Lốc, xã Liên Vũ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 361 | 19 | Phòng khám Mỹ Đức | Thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 362 | 20 | Phòng khám chẩn đoán hinh ảnh Tuân Khương | Thôn Quyết Tiến, xã Thanh Nông, huyện Lạc Thuỷ, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 363 | 21 | Phòng khám Nội tổng hợp Bình An | Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thuỷ, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 364 | 22 | Trung tâm y tế huyện Tân Lạc | Xã Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 365 | 23 | Phòng khám đa khoa Tâm Đức | Thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 366 | 24 | Trung tâm y tế huyện Yên Thủy | Khu 8, thị trấnHàng Trạm, huyện Yên Thuỷ, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 367 | 25 | Phòng khám Đa khoa tư nhân Yên Thuỷ - Công ty trách nhiệm hữu hạn Y dược Yên Thủy | Khu 11, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 368 | 26 | Công ty TNHH MDF Hoà Bình | Km 74, đường Hồ Chí Minh, xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thuỷ, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 369 | 27 | Trung tâm y tế huyện Mai Châu | Tiểu khu 4, thị trấnMai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình | K | CN |  |  |  |
| 370 | 28 | Phòng khám đa khoa Chúc Dần | Tiểu khu 2, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 371 | 29 | Công ty TNHH HNT Vina | Khu công nghiệp Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | CN |  |  |  |
| 372 | 30 | Công ty TNHH Doosung tech Vietnam | Khu công nghiệp Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | CN |  |  |  |
| 373 | 31 | Công ty TNHH CNPLUS VINA | Khu công nghiệp Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | CN |  |  |  |
| 374 | 32 | Trung tâm y tế huyện Lương Sơn | Tiểu khu 12, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | YT |  |  |  |
| 375 | 33 | Chi nhánh công ty TNHH khám chữa bệnh Hà Nội Hight Quality - Bệnh viện Nam Lương Sơn | Khu Đồng Lề, xóm Đồng Xương, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | CN |  |  |  |
| 376 | 34 | Công ty CP xi măng Lương Sơn | thị trấnLương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | CN |  |  |  |
| 377 | 35 | Kho lưu giữ mẫu chất phóng xạ, nguồn phóng xạ của Liên đoàn Vật lý Địa chất | Thôn Vé, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | K | CN |  |  |  |
| **30** | | **Hưng Yên** | | | | | | |
| 378 | 1 | Phòng khám đa khoa Việt Nhật- Công ty TNHH bệnh viện Việt Nhật | 106 Tôn Thất Tùng, An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| 379 | 2 | Bệnh viện đa khoa Hưng Hà- Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Hưng Hà. | Sơn Nam, Lam Sơn, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| 380 | 3 | Phòng khám đa khoa Thăng Long- Hộ kinh doanh Nguyễn Duy Quyền. | 49 Phạm Ngũ Lão, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| 381 | 4 | Phòng khám đa khoa Y Cao- Hộ kinh doanh phòng khám đa khoa Y Cao - Hà Nội | 38 Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| 382 | 5 | Phòng khám đa khoa Nhân Dân- Hộ kinh doanh phòng khám đa khoa Nhân Dân | Lương Hội, Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| 383 | 6 | Phòng khám đa khoa Thiên Đức- Chi nhánh công ty cổ phần Cao Hà | Minh Khai, Như Quỳnh, Văn Lâm Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| 384 | 7 | Phòng khám đa khoa Thăng Long- công ty TNHH phòng khám đa khoa Thăng Long | Số 7 Vũ Văn Cẩn, Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| 385 | 8 | Phòng khám đa khoa quốc tế Bạch Mai II- Hộ kinh doanh phòng khám đa khoa quốc tế Bạch Mai II | Cầu Treo, Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên | T | YT |  |  |  |
| **31** | | **Khánh Hòa** | | | | | | |
| 386 | 1 | Công Ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Nha Trang | 57 - 59 Cao Thắng, Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | T | YT |  |  |  |
| 387 | 2 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa và Bác sĩ gia đình Olympia | 60 Yersin, Phương Sài, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | T | YT |  |  |  |
| 388 | 3 | Trung tâm y tế huyện Khánh Vĩnh | Tổ 7, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa | T | YT |  |  |  |
| 389 | 4 | HKD Phòng khám Tâm Đức | Số 93 Trần Quý Cáp, thị trấn Diên Khánh, Diên Khánh, Khánh Hòa | T | YT |  |  |  |
| 390 | 5 | Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Khánh Hòa | Đường 23/10, thôn Phú Ân Nam 01, xã Diên An, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa | T | YT |  |  |  |
| 391 | 6 | Phòng X-quang 20 Nguyễn Huệ | Số 20 Nguyễn Huệ, Ninh Hiệp, Ninh Hòa, Khánh Hòa | T | YT |  |  |  |
| 392 | 7 | Phòng khám Nội khoa Mẫu Tâm | Số 846 Lương Định Của, Vĩnh Trung, Nha Trang, Khánh Hòa | T | YT |  |  |  |
| 393 | 8 | Công ty Cổ phần Giấy Rạng Đông | Phước Tuy, Diên Phước, Diên Khánh, Khánh Hòa | T | CN |  |  |  |
| 394 | 9 | Công ty Cổ phần NGK Yến Sào Khánh Hòa | Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa | T | CN |  |  |  |
| 395 | 10 | Công ty TNHH TAISHO Việt Nam | QL1A, Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa | T | CN |  |  |  |
| 396 | 11 | Công ty Cổ phần NGK Sanest Khánh Hòa | Quốc Lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, Cam Thịnh Đông, Cam Ranh, Khánh Hòa | T | CN |  |  |  |
| 397 | 12 | Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Hoàng Thuận Phát | Thôn Như Xuân, Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa | T | CN |  |  |  |
| 398 | 13 | Viện nghiên cứu chế tạo tàu thủy - Trường đại học Nha Trang | Số 44 Hòn Rớ, Phước Đồng, Nha Trang, Khánh Hòa | T | K |  |  |  |
| **32** | | **Kiên Giang** | | | | | | |
| 399 | 1 | Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang | Lô M, đường số 1, KCN Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang | T | CN |  |  |  |
| 400 | 2 | Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang | 214, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang | T | CN |  |  |  |
| 401 | 3 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1- Nhà máy Xi măng Kiên Lương | QL80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang | T | CN |  |  |  |
| 402 | 4 | Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)-Chi nhánh Kiên Giang | ấp Ba Núi, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang | T | CN |  |  |  |
| 403 | 5 | Bệnh viện Y dược cổ truyền | 64 Đống Đa, Vĩnh Lạc, Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 404 | 6 | Trung tâm Y tế TP.Rạch Giá | 02 Âu Cơ, Vĩnh Lạc, Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 405 | 7 | Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng | thị trấnGiồng Riềng, Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 406 | 8 | Trung tâm y tế huyện Gò Quao | thị trấnGò Quao, Gò Quao, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 407 | 9 | Trung tâm y tế huyện Tân Hiệp | thị trấnTân Hiệp, Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 408 | 10 | Trung tâm y tế huyện Hòn Đất | thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 409 | 11 | Trung tâm y tế huyện Kiên Lương | thị trấnKiên Lương, Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 410 | 12 | Trung tâm y tế huyện Giang Thành | ấp Giồng Kè, xã Phú Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 411 | 13 | Trung tâm y tế TP. Hà Tiên | TP. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 412 | 14 | Trung tâm y tế huyện An Biên | thị trấnThứ Ba, An Biên, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 413 | 15 | Trung tâm y tế huyện An Minh | thị trấnThứ Mười Một, An Minh, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 414 | 16 | Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận | thị trấnVĩnh Thuận, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 415 | 17 | Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng | xã An Minh Bắc, U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 416 | 18 | Trung tâm y tế TP. Phú Quốc | Phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| 417 | 19 | Đội điều trị 78 - Hải quân Vùng 5 | Khu phố 8, Phường An Thới, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | T | YT |  |  |  |
| **33** | | **Kon Tum** | | | | | | |
| 418 | 1 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum | 405 Bà Triệu, Quang Trung TP. KonTum | K | YT |  |  |  |
| 419 | 2 | Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng | 437 Nguyễn Huệ, Thống Nhất, TP. KonTum | K | YT | 3,500,000 | Không báo cáo định kỳ hàng năm về thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ của cơ sở tiến hành công việc bức xạ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (*vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Năng lượng nguyên tử*). | \* |
| 420 | 3 | Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Kon Tum | 224 Bà Triệu, Quang Trung, TP. KonTum | K | YT |  |  |  |
| 421 | 4 | Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei | 635 Hùng Vương, thị trấn Đắk Glei, huyện Đăk Glei | K | YT |  |  |  |
| 422 | 5 | Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông | Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông | K | YT |  |  |  |
| 423 | 6 | Trung tâm Y tế huyện Ia H’Drai | Thôn 1, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | K | YT | 4,500,000 | Sử dụng giấy phép tiến hành công việc bức xạ hết hạn từ trên 30 ngày làm việc (*vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Năng lượng nguyên tử).* | \* |
| 424 | 7 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi | Tổ dân phố 6, Ngọc Hồi, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum | K | YT |  |  |  |
| 425 | 8 | Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà | Tổ dân phố 4A,, thị trấn Đắk Hà, Huyện ĐắkHà, tỉnh Kon Tum | K | YT |  |  |  |
| 426 | 9 | Trung tâm y tế huyện Đăk Tô | Thị trấn Đắk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum | K | YT |  |  |  |
| 427 | 10 | Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy | huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum | K | YT | 4,500,000 | Sử dụng giấy phép tiến hành công việc bức xạ hết hạn từ trên 30 ngày làm việc (*vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 73 LuậtNăng lượng nguyên tử).* | \* |
| 428 | 11 | Trung tâm Y tế huyện Kon Plong | Xã Đắk Long, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum | K | YT |  |  |  |
| 429 | 12 | Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy | huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | K | YT |  |  |  |
| **34** | | **Lai Châu** | | | | | | |
| 430 | 1 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu | Phường Đông phong, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 431 | 2 | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi | Phường Đông phong, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 432 | 3 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Phường Đoàn kết, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu. | T | YT |  |  |  |
| 433 | 4 | Trung tâm Y tế huyện Than Uyên | xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 434 | 5 | Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên | Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 435 | 6 | Trung tâm Y tế huyện Tam Đường | huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 436 | 7 | Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ | huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 437 | 8 | Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ | huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 438 | 9 | Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn | huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| 439 | 10 | Trung tâm Y tế huyện Mường Tè | huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | T | YT |  |  |  |
| **35** | | **Lâm Đồng** | | | | | | |
| 440 | 1 | Phòng chụp X-quang Thịnh Phát | số 29 Hải Thượng, phường 5, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 441 | 2 | Phòng chụp X-quang 31 Hải Thượng | số 31 Hải Thượng, phường 5, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 442 | 3 | Phòng khám chẩn đoán hình ảnh Bác sĩ Phùng Xuân Đông | Số 277 Bùi Thị Xuân, phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 443 | 4 | Phòng khám bệnh Bác sĩ Nguyễn Minh Thu | Số 10 Phạm Ngọc Thạch, P 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 444 | 5 | Phòng X-quang Bác sĩ Vũ Thành Chiến | Số 60 Phạm Ngũ Lão, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  | Chưa gia hạn chứng chỉ NVBX |
| 445 | 6 | Phòng khám chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh Đông Gia | Số 10 Phan Bội Châu, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 446 | 7 | Phòng khám Cường Thịnh | Khu quy hoạch khu phố 3, phường B’Lao, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 447 | 8 | Phòng khám Răng hàm mặt BS Nguyễn Văn Bảo | Số 44A Lý Tự Trọng, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  | Chưa gia hạn chứng chỉ NVBX |
| 448 | 9 | Phòng X-quang BS Hoàng Đăng Sơn | số 679 Trần Phú, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 449 | 10 | Phòng khám bệnh Bác sĩ Chung Vân | Nhà số 9, thôn Cát Lâm 2, xã Phước Cát 1, Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 450 | 11 | Phòng chụp X-quang BS Nguyễn Tấn Bình | Thôn III, xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 451 | 12 | Phòng chụp X-quang Lê Văn Tam | Số 437 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 452 | 13 | Phòng chụp X-quang BS Bạch Văn Phương | Số 463 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 453 | 14 | Phòng khám chẩn đoán hình ảnh Lan Thiệp | Số 423 đường Hùng Vương, khu phố Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 454 | 15 | Phòng khám BS Phạm Thị Thanh | số 22 Khu phố Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 455 | 16 | Phòng X-quang Bác sĩ Nguyễn Đình Kiên | Số 157 Trần Hưng Đạo, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 456 | 17 | Phòng X-quang Bác sĩ Tô Vĩnh Long | Số 398 Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 457 | 18 | Phòng mạch BS Phan Văn Thành | Số 17/22 Phú Thạnh, Hiệp Thạnh, thị trấn Liên Nghĩa, Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 458 | 19 | Bệnh Viện YHCT Phạm Ngọc Thạch | Số 21 Quang Trung, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 459 | 20 | Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Lâm Đồng | Số 35 Hùng Vương, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 460 | 21 | Bệnh xá Học viện Lục Quân | Mê Linh, Phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 461 | 22 | Trung tâm Y tế huyện Lạc Dương | Thôn B Nơh’B, Xã Lát, Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 462 | 23 | Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà | Km 18 Quốc lộ 27, thị trấn Đinh Văn, Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 463 | 24 | Trung tâm Y tế huyện Đam Rông | Thôn Liêng Trang 2, Đạ Tông, Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 464 | 25 | Bệnh viện Đa Khoa 2 Bảo Lộc | Số 263 Trần Quốc Toản, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 465 | 26 | Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm | Khu II, Lộc Thắng, Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 466 | 27 | Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai | Tổ dân phố 5, thị trấn Madagui, Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 467 | 28 | Trung tâm Y tế huyện Đạ Tẻh | Tổ dân phố 3A Phạm Ngọc Thạch, Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 468 | 29 | Trung tâm Y tế huyện Cát Tiên | Phù Mỹ, thị trấn Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng | K | YT |  |  |  |
| 469 | 30 | Công ty Cổ phần dịch vụ Y tế Phương Nam | Số 81 Phan Đình Phùng, phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | T | YT |  |  |  |
| 470 | 31 | Công ty cổ phần Bệnh viện Y Sài Gòn | Số 30A Trần Quốc Toản, Phường B'lao, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | T | YT |  |  |  |
| 471 | 32 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Hiếu Thảo | Số 08 Ngô Gia Tự, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | T | YT |  |  |  |
| **36** | | **Lạng Sơn** | | | | | | |
| 472 | 1 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đại Sơn, X. Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn | T | YT | 7,000,000 | Hành vi: Không có biển báo bức xạ, dấu hiệu cảnh báo bức xạ tại khu vực kiểm soát, khu vực giám sát, quy định tại: Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 | \* |
| 473 | 2 | Phòng khám đa khoa 128A Phai Vệ | Số 128A Phai Vệ, phường Đông Kinh,TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  | Việc lưu giữ hồ sơ chưa khoa học gây khó khăn trong tham chiếu và xuất trình hồ sơ cho đoàn thanh tra, kiểm tra |
| 474 | 3 | Bệnh viện y học cổ truyền | Thôn Nà Tâm, X. Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  |  |
| 475 | 4 | Trung tâm y tế huyện Bình Gia | Khu 6B, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  |  |
| 476 | 5 | Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn | Khu Minh Khai, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  |  |
| 477 | 6 | Trung tâm y tế huyện Văn Lãng | Khu 5, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  |  |
| 478 | 7 | Trung tâm y tế huyện Tràng Định | Khu II, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  |  |
| 479 | 8 | Trung tâm y tế huyện Lộc Bình | Khu Cầu Lẫm, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  |  |
| 480 | 9 | Phòng khám đa khoa Xứ Lạng (Công ty CP dược phẩm và trang thiết bị y tế Lạng Sơn) | Số 83 Tam Thanh, phường Tam Thanh, TP., Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | T | YT |  |  |  |
| 481 | 10 | Phòng khám đa khoa Phú Lộc - Chi nhánh Công ty CP kết nối y tế Lạng Sơn | Số 48 Lê Đại Hành, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | T | YT | 8,500,000 | - Hành vi vi phạm 1: Không khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau 7 ngày làm việc kể từ ngày có thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, quy định tại: Điểm a Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013. - Hành vi vi phạm 2: Không tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho nhân viên bức xạ, quy định tại: Điểm m Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 | \* |
| **37** | | **Lào Cai (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **38** | | **Long An (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **39** | | **Nam Định** | | | | | | |
| 482 | 1 | Doang nghiệp tư nhân vàng bạc Kim Châu Xuân Tiến | Xóm 8, Xuân Tiến, Xuân Trường | T | K |  |  |  |
| 483 | 2 | CN Công ty CP Y tế Việt Nam – Phòng khám đa khoa 108 | Số 70, Đ. Giải Phóng, TP.Nam Định | T | Y |  |  |  |
| 484 | 3 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định | Số 2, Trần Quốc Toản, TP. Nam Định | T | Y |  |  |  |
| 485 | 4 | Bệnh viện nhi tỉnh Nam Định | Số 16, Hà Huy Tập, TP. Nam Định | T | Y |  |  |  |
| 486 | 5 | Công ty TNHH phòng khám Huy Liệu | Số 44, Khu 2, thị trấn Yên Định, Hải Hậu, tỉnh Nam Định | T | Y |  |  |  |
| 487 | 6 | Doang nghiệp tư nhân vàng bạc Kim Đào Xuân Tiến | Xóm 8, Xuân Titến, Xuân Trường, | T | K |  |  |  |
| 488 | 7 | Phòng khám đa khoa Giao phong | Lâm Hồ, Giao Phong, Giao Thủy | T | Y |  |  |  |
| 489 | 8 | Phòng khám đa khoa Trí Đức | 5074, Trần Huy Liệu, TP. Nam Định | T | Y |  |  |  |
| 490 | 9 | Bệnh viện đa khoa công an tỉnh Nam Định | 162, Trần Đăng Ninh, TP. Nam Định | T | Y |  |  |  |
| **40** | | **Nghệ An (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **41** | | **Ninh Bình (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **42** | | **Ninh Thuận** | | | | | | |
| 491 | 1 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Thuận | Số 47 đường Lê Hồng Phong, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 492 | 2 | Hộ kinh doanh: Phòng khám chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh | Số 113 đường Trần Phú, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 493 | 3 | Hộ kinh doanh: Phòng chụp X-quang Bác sỹ Trần Ngọc Hiệp | Số 92B đường 21/8, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 494 | 4 | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi | Xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 495 | 5 | Bệnh viện Giao thông vận tải Tháp Chàm | Số 46 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 496 | 6 | Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải | Thị Trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 497 | 7 | Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước | Thị Trấn Phước Dân, huyện NInh Phước, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 498 | 8 | Trung tâm Y tế huyện Thuận Nam | Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 499 | 9 | Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc | Thôn Ấn Đạt, Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 500 | 10 | Trung tâm Y tế huyện NInh Sơn | Thị Trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| 501 | 11 | Trung tâm Y tế Quân – Dân Y Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận (Bệnh xá tỉnh đội) | Số 594 đường 21/8, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | T | YT |  |  |  |
| **43** | | **Phú Thọ** | | | | | | |
| 502 | 1 | Trung tâm sản nhi Phú Thọ | Đường Nguyễn Tất Thành, phường Nông Trang, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | K | YT |  |  |  |
| 503 | 2 | Bệnh viên đa khoa Thị xã Phú Thọ | Đường Cao Bang, phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ | K | YT |  |  |  |
| 504 | 3 | Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy | thị trấn La Phù, huyện Thanh Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ | K | YT |  |  |  |
| 505 | 4 | Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn | Phố Tân Thịnh, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | K | YT | 9,000,000 | Không kiểm xạ định kỳ nơi làm việc của nhân viên bức xạ ít nhất 1 lần/năm (quy định tại điểm b khoản 2, Điều 8, NĐ số 107/2013/NĐ-CP) | \* |
| 506 | 5 | Bệnh viện Xây dựng Việt Trì | Đường Long Châu Sa, phường Thọ Sơn, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | K | YT | - |  |  |
| 507 | 6 | Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng | Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | K | YT | - |  |  |
| 508 | 7 | Trung tâm Y tế huyện Lâm Thao | thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ | K | YT | - |  |  |
| **44** | | **Phú Yên (không tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **45** | | **Quảng Bình** | | | | | | |
| 509 | 1 | Công ty TNHH Tập Đoàn Sơn Hải | 117 Hữu Nghị, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | K | CN |  |  |  |
| **46** | | **Quảng Nam** | | | | | | |
| 510 | 1 | Trung tâm Y tế huyện Thăng Bình | thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam | T | YT | 3,000,000 | Khoản 3, Điều 6 của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/09/2013 | \* |
| 511 | 2 | Công Ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Bình An - Khu Công Nghiệp | Xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | T | YT | 3,500,000 | Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 | \* |
| 512 | 3 | Phòng Khám Đa Khoa Phước Đức | 243 Huỳnh Thức Kháng, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT | 4,500,000 | Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 | \* |
| 513 | 4 | Trung tâm Y tế Điện Bàn | 97 Mẹ Thứ, thị trấn Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | T | YT | 4,500,000 | Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 | \* |
| 514 | 5 | Bệnh viện đa khoa khu vực Miền núi phía Bắc Quảng Nam, | khu 5, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 515 | 6 | Trung tâm Y tế huyện Hiệp Đức, | thị trấn Tân Bình, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 516 | 7 | Trung tâm Y tế huyện Đông Giang | thị trấn Prao, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 517 | 8 | Cảng hàng không Chu Lai | xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | T | K |  |  |  |
| 518 | 9 | Bệnh viện đa khoa Minh Thiện | 101 Phan Bội Châu, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 519 | 10 | Trung tâm Y tế huyện Núi Thành | khối 1, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 520 | 11 | Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương | 06 Phan Đình Phùng, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 521 | 12 | Bệnh viện đa khoa Hội An | 04 Trần Hưng Đạo, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 522 | 13 | Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch | Nguyễn Văn Trỗi, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 523 | 14 | Bệnh viện Y học Cổ truyền | Nguyễn Chí Thanh, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 524 | 15 | Phòng khám đa khoa 150 Phan Đình Phùng | 150 Phan Đình Phùng, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 525 | 16 | Trung tâm Y tế huyện Phước Sơn | thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 526 | 17 | Trung tâm Y tế huyện Tây Giang | xã A Tiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 527 | 18 | Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam | 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, TP. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 528 | 19 | Bệnh viện đa khoa Vĩnh Đức | quốc lộ 1A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 529 | 20 | Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Đại học Y khoa Phan Chu Trinh | 09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 530 | 21 | Phòng khám BS Hồ Tâm Tính | 66 Hùng Vương, thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 531 | 22 | Phòng khám Đa khoa khu vực Đông Quế Sơn | xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 532 | 23 | Trung tâm Y tế Quế Sơn | thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 533 | 24 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam | 01 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 534 | 25 | Bệnh viện Phụ sản Nhi Quảng Nam | 46 Lý Thường Kiệt, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 535 | 26 | Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương Tam Kỳ | lô A50 Trương Chí Cương, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 536 | 27 | Phòng Khám Đa Khoa An Hiền thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa An Hiền | 68 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 537 | 28 | Bệnh viện đa khoa Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam | 01 Lê Lợi, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 538 | 29 | Trung tâm Y tế TP. Tam Kỳ | 114 Tôn Đức Thắng, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 539 | 30 | Bệnh viện Đa Khoa Thái Bình Dương - Tiên Phước, | thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 540 | 31 | Trung tâm Y tế huyện Tiên Phước | thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 541 | 32 | Trung tâm Y tế huyện Bắc Trà My | thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 542 | 33 | Công ty TNHH CCI Việt Nam | KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | T | CN |  |  |  |
| 543 | 34 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam | thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 544 | 35 | Phòng khám Đa khoa Toàn Mỹ | 151 Phạm Văn Đồng, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 545 | 36 | Công ty cổ phân Bệnh viện đa khoa Thăng Hoa, | quốc lộ 1A, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 546 | 37 | Bệnh viện Bình An Quảng Nam | thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 547 | 38 | Trung tâm Y tế huyện Duy Xuyên | thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| 548 | 39 | Trung tâm Y tế huyện Phú Ninh | thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam | T | YT |  |  |  |
| **47** | | **Quảng Ngãi** | | | | | | |
| 549 | 1 | Chi nhánh Công ty CP thương mại và dịch vụ kiểm tra kỹ thuật ALPHA tại Quảng Ngãi | Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | T | CN |  |  |  |
| 550 | 2 | Công ty TNHH APVE Châu Á – Thái Bình Dương | Công trường Dosan Vina, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | T | CN |  |  |  |
| 551 | 3 | Công ty CP Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình dầu khí | Đường Võ Văn Kiệt, thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | T | CN |  |  |  |
| **48** | | **Quảng Ninh** | | | | | | |
| 552 | 1 | Công an tỉnh Quảng Ninh | Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | T | K |  |  |  |
| 553 | 2 | Chi cục Hải quan Cửa khẩu Móng Cái thuộc Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh | Phường Trần Phú, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh | T | K |  |  |  |
| **49** | | **Quảng Trị** | | | | | | |
| 554 | 1 | Công ty TNHH MTV Hoàng Dũng | 18B Lê Duẫn, Phường 1, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 555 | 2 | Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị | Khu phố Hoà Lý Hải, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 556 | 3 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị | Đường Hoàng Diệu, phường Đông Giang, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 557 | 4 | Trung tâm y tế huyện Triệu Phong | Tiểu khu II, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 558 | 5 | Bệnh xá công an tỉnh Quảng Trị | Đường Điện Biên Phủ, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 559 | 6 | Trung tâm y tế huyện Đakrông | Xóm Khe Xong, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 560 | 7 | Trung tâm y tế TP. Đông Hà | 85 Lê Lợi, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 561 | 8 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị | 266 Hùng Vương, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 562 | 9 | Trường Cao đẳng y tế Quảng Trị | Đường Điện Biên Phủ, khu phố 3, Phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 563 | 10 | Phòng khám đa khoa Tâm An | 20/2a Hùng Vương, Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| 564 | 11 | Trung tâm y tế huyện Cam Lộ | Khu phố 4, Thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị | K | YT |  |  |  |
| **50** | | **Sóc Trăng (Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **51** | | **Sơn La (Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **52** | | **Tây Ninh** | | | | | | |
| 565 | 1 | Trạm Y tế xã Phước Bình | Ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh | T | YT |  |  |  |
| 566 | 2 | Phòng chụp X-quang Nguyễn Hoàng Thúc | KP1/8AB, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | T | YT |  |  |  |
| 567 | 3 | Phòng khám đa khoa Song Thu | Số 6 Hùng Vương, Thị trấn Gò Dầu, Tây Ninh | T | YT |  |  |  |
| 568 | 4 | Phòng chụp X-quang ngoài giờ BS Ngô Trung Nghĩa | Số 254 Tôn Đức Thắng, Kp. Long Chí, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh | T | YT |  |  |  |
| 569 | 5 | Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành | Số 256 Phạm Hùng, ấp Long Thới, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh | T | YT |  |  |  |
| 570 | 6 | Nhà máy Xi măng Tây Ninh (Công ty Cổ phần Xi măng Tây Ninh) | Xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; | K | CN |  |  |  |
| **53** | | **Thái Bình (Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| 54 | | **Thái Nguyên** | | | | | | |
| 571 | 1 | Công ty TNHH Bệnh viện Bảo Ngọc | Số 410, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT | 10,000,000 | Khoản 1 Điều 16 Nghị định 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013. Điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định 107/2013/NĐ-CP. | \* |
| 572 | 2 | Bệnh viện đa khoa Việt Bắc 1 - Chi nhánh Công ty TNHH Hoàng Hà | Số 11, tổ 8, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT | 6,000,000 | Điểm d Khoản 2 Điều 8 Nghị định 107/2013/NĐ-CP. | \* |
| 573 | 3 | Nha khoa Phương Giang | Số 503, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 574 | 4 | Hộ kinh doanh Vương Đình Giáp - Phòng khám Nha khoa Việt Giáp | Số nhà 11, tổ 31, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 575 | 5 | Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Giáp - Nha khoa thẩm mỹ PND | Số 380, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 576 | 6 | Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm | Số 517-519-521, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 577 | 7 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Phường Thịnh Đán, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 578 | 8 | Phòng khám đa khoa Võ Nhai | Xóm Đồng Chăn, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 579 | 9 | Phòng khám Nhân Dân | Tổ 7, phường Chùa Hang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 580 | 10 | Cty TNHH Samsung Electro Mechanics Việt Nam | KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ yên, tỉnh Thái Nguyên | T | CN |  |  |  |
| 581 | 11 | Phòng khám đa khoa Bảo Ngọc - Yechxanh | Phố Đình, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 582 | 12 | Phòng khám Bảo Chung | Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 583 | 13 | Hộ kinh doanh Hà Đỗ Phong | thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên | T | YT |  |  |  |
| 584 | 14 | Bệnh viện Trường Đại học Y khoa | Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | T | YT | 6,000,000 | Khoản 2 và Khoản 3 Điều 6 Nghị định 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013. | \* |
| **55** | | **Thanh Hóa** | | | | | | |
| 585 | 1 | Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa | Phố Vinh Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 586 | 2 | Bệnh viện nhi Thanh Hóa | Phố Quang Trung 3, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 587 | 3 | Phòng khám Nha khoa Dencos Luxury | Liền kề 01- 02 Khu TĐC Nhà hát nhân dân, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 588 | 4 | Bệnh viện Mắt Thanh Hóa | 215 Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 589 | 5 | Bệnh viện đa khoa thị xã Bỉm Sơn | Phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 590 | 6 | Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng Bộ Công Thương | 06 đường Tây Sơn, phường Bắc Sơn, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 591 | 7 | Phòng khám đa khoa 360 Lê Hoàn | 360 Lê Hoàn, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 592 | 8 | Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa | Thôn Ba Chè, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 593 | 9 | Công ty CP đầu tư và Công nghệ y khoa Hà Nội 4.0+ | Lô 207, 208 Khu dân cư Tây Nam chợ Quảng Thắng, phường Quảng Thắng, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 594 | 10 | Bệnh viện đa khoa Hải Tiến | Thôn 4, xã Hoằng Ngọc, Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 595 | 11 | Phòng khám Đa khoa Y học lâm sàng *(Phòng khám đa khoa thuộc Trường Cao đẳng y)* | 177 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 596 | 12 | Bệnh viện đa khoa Đại An | Xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 597 | 13 | Phòng khám chẩn đoán hình ảnh Tùng Anh | 55 Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 598 | 14 | Phòng khám đa khoa chẩn đoán hình ảnh 106 Trường Thi | 106 Trường Thi, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 599 | 15 | Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh | Xã Đông Lĩnh, TP. Thanh Hóa | T | YT | 6,000,000 | Hành vi không tổ chức đánh giá liều chiếu xạ cá nhân. Vi phạm điểm d, khoản 2, Điều 8 Nghị định 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 600 | 16 | Phòng khám đa khoa Quang Hoa | Số 82 phố Môi, xã Quảng Tâm, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 601 | 17 | Bệnh viện Tâm An | 257 Nguyễn Trãi, Tân Sơn, TP. Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 602 | 18 | Phòng khám đa khoa An Việt | Thôn Ba Chè, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 603 | 19 | Phòng khám đa khoa Hương Hướng | Thôn 5, xã Quảng Cát, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 604 | 20 | Phòng khám đa khoa Hà Kiên | Phố Bà Triệu, thị trấn Triệu Sơn, Triệu Sơn | T | YT |  |  |  |
| 605 | 21 | Phòng khám đa khoa 123 | Thôn 4, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 606 | 22 | Phòng khám đa khoa Hà Nội | Xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 607 | 23 | Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân | Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 608 | 24 | Phòng khám đa khoa Lam Sơn | Thôn 4, xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 609 | 25 | Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hợp Lực | Phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 610 | 26 | Phòng khám đa khoa Chợ Kho | Phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 611 | 27 | Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc lặc | Phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 612 | 28 | Phòng khám đa khoa Giang Sơn | Thôn Linh Thung, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 613 | 29 | Bệnh viện đa khoa Vĩnh Lộc | Khu III, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa | T | YT | 6,000,000 | 3, Điều 6 Nghị định 107/2013/NĐ-CP | \* |
| 614 | 30 | Phòng khám đa khoa Đức Cường | Khu III, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 615 | 31 | Phòng khám sản phụ khoa KHH gia đình | Khu phố 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 616 | 32 | Phòng khám đa khoa An Khang | Xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 617 | 33 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Việt Pháp III *(Phòng khám Đa khoa Việt pháp III)* | Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| 618 | 34 | Bệnh viện đa khoa Quan Sơn | Khu 6, thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa | T | YT |  |  |  |
| **56** | | **Thừa Thiên Huế** | | | | | | |
| 619 | 1 | Trung tâm Y tế TP. Huế | 40 Kim Long, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 620 | 2 | Trung tâm Y tế huyện A Lưới | Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 621 | 3 | Bệnh viện chấn thương chỉnh hình phẫ thuật tạo hình Huế | 102 Phạm Văn Đồng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 622 | 4 | Công ty TNHH Medic- Phòng khám đa hoac Medic Cơ sở 001 | 01A Bến Nghé, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 623 | 5 | Phòng khám đa khoa Metec | 72 Bến Nghé, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 624 | 6 | Phòng khám đa khoa Thuận Đức | 85 Nguyễn Huệ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 625 | 7 | Bệnh viện Quân Y 268 | Cửa Trãi, Đòn Mang Cá, phường Phú Bình, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 626 | 8 | Phòng bảo vệ sức khỏe cán bộ | 01 Hai Bà Trưng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| 627 | 9 | Phòng khám đa khoa Minh Tâm | 18 Trường Chinh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | T | YT |  |  |  |
| **57** | | **Tiền Giang** | | | | | | |
| 628 | 1 | Phòng chẩn đoán hình ảnh BS Linh-BS Tư | ấp Hòa Thinh, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 629 | 2 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Anh Thư | Ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 630 | 3 | Phòng chẩn đoán hình ảnh Hòa Thinh | ấp Hòa Thinh, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 631 | 4 | Phòng X-quang BS Nguyễn Văn Được | 13/636, QL1, khu 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 632 | 5 | Phòng X-quang Nguyễn Hoàng Vũ | 25/107 đường Mỹ Trang, Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 633 | 6 | Phòng khám Đa khoa thị xã Cai Lậy | ĐT 868, phường 3, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 634 | 7 | Phòng khám Đa khoa Long Trung | Ấp 2 xã Long Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 635 | 8 | Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang | Ấp Trung A, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 636 | 9 | Công ty TNHH MTV Thái Huy MEDIC- Phòng khám đa khoa Thái Huy | 41-43 Ấp Bắc, phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 637 | 10 | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Chí Thanh | 246 – 248 Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 638 | 11 | Phòng khám Đa khoa An Mỹ 2 | Ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 639 | 12 | Phòng khám Đa khoa An Thái Trung | Tổ 1, ấp 2, An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 640 | 13 | Phòng khám Đa khoa An Mỹ | Ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 641 | 14 | Phòng khám Đa khoa Hòa Khánh | Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang | T | YT |  |  |  |
| 642 | 15 | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Nguyên Phương | Số 271B, Khu 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang | T | YT | 9,000,000 | Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 | \* |
| **58** | | **TP. Hồ Chí Minh** | | | | | | |
| 643 | 1 | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh | 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| 644 | 2 | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | 19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| 645 | 3 | Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Tân Tiến | Lô II, Cụm 4, Đường số 13, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh | K | CN |  |  |  |
| 646 | 4 | Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam | Lô III-6, Nhóm CN.3, Đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh | K | CN |  |  | NPX đã chuyển về Đà Lạt, đã có báo cáo kết quả vận chuyển cho Cục ATBXHN |
| 647 | 5 | Trung tâm Công nghệ sinh học TP.Hồ Chí Minh | 2374 Quốc lộ 1, Khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| 648 | 6 | Công ty Cổ phần AITECH | 119/27 Bùi Quang Là, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| 649 | 7 | Công ty TNHH dịch vụ thương mại Phạm Nguyễn | 34/6 Yên Thế, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| 650 | 8 | Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên vàng bạc đá quý Bảo Tín K&K | 863-865-867 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, Quân Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| 651 | 9 | Công ty TNHH Bureau Veritas Consumer Products Services Việt Nam | Lô C7-C9, KCN Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| 652 | 10 | Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Kim Nguyên | 334C Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | K | K |  |  |  |
| **59** | | **Trà Vinh** | | | | | | |
| 653 | 1 | Phòng khám ngoài giờ Bác sĩ Phạm Văn Triều | Số 234, Nguyễn Đáng, khóm 8, phường 6, TP. Trà Vinh | K | YT |  |  |  |
| 654 | 2 | Phòng khám ngoài giờ Bác Sĩ Trần Văn Hoành | Số 692C, Điện Biên Phủ, khóm 5, phường 6, TP. Trà Vinh | K | YT |  |  |  |
| 655 | 3 | Phòng khám ngoài giờ Bác sĩ Nguyễn Sơn Hải | Khóm 3, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long | K | YT | 7,000,000 | - điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 107/2013/NĐ- CP | \* |
| 656 | 4 | Phòng khám ngoài giờ Bác sĩ Dũng- Bác sĩ Thủy | Số 7A, Nguyễn Đáng, phường 1, TP. Trà Vinh | K | YT | 7,000,000 | - điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 107/2013/NĐ- CP | \* |
| 657 | 5 | Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh | Số 27, Điện Biên Phủ, TP. Trà Vinh | K | YT |  |  |  |
| **60** | | **Tuyên Quang (Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **61** | | **Vĩnh Long** | | | | | | |
| 658 | 1 | Trung tâm Y tế huyện Trà Ôn | Số 32/7A, đường Võ Tánh, Khu7, thị trấn Trà Ôn, Trà Ôn, Vĩnh Long. 3.770.331 | T | YT |  |  |  |
| 659 | 2 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Xuyên Á | 68E, Phạm Hùng, tổ 69, K2, phường9, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long. | T | YT |  |  |  |
| 660 | 3 | Trung tâm Y tế huyện Mang Thít | Thị trấn Cái Nhum, Mang Thít, Vĩnh Long | T | YT |  |  |  |
| 661 | 4 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa tư nhân Triều An – Loan Trâm | 379C, Tân Vĩnh Thuận, Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long | T | YT |  |  |  |
| 662 | 5 | Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Tường Như | 238A, Ấp 4, Phú Lộc, Tam Bình, Vĩnh Long | T | YT |  |  | Cơ sở tạm ngưng hoạt đọng |
| 663 | 6 | Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long | Số 301, đường Trần Phú, phường4, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long | T | YT |  |  |  |
| **62** | | **Vĩnh Phúc (Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2020)** | | | | | | |
| **63** | | **Yên Bái** | | | | | | |
| 664 | 1 | Trung tâm y tế huyện Lục Yên. | Tổ 13, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 665 | 2 | Phòng khám đa khoa 108 – Hà Nội. | Tổ 17 -Thị trấn Yên Thế - Lục Yên – tỉnh Yên Bái | T | YT |  |  |  |
| 666 | 3 | Trung tâm y tế TP. Yên Bái | Tổ 62, P Nguyễn Thái Học, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 667 | 4 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Số 723, Đường Yên Ninh, phường Minh tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 668 | 5 | Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải. | Tổ 8, T.Trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 669 | 6 | Trung tâm y tế huyện Văn Yên. | Hồng Phong, T.Trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 670 | 7 | Công ty CP Y Dược Yên Bái, Phòng khám đa khoa Hồng Hà | Tổ III, khu phố II, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 671 | 8 | Phòng khám đa khoa – Y khoa Hà Nội. | Tổ 3 – Thôn Hồng Phong – thị trấn Mậu A – huyện Văn Yên – tỉnh Yên Bái | T | YT |  |  |  |
| 672 | 9 | Trung tâm điều trị chất lượng cao – BVĐa khoa khu vực Nghĩa Lộ. | Tổ 1, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái | T | YT |  |  |  |
| 673 | 10 | BVĐa khoa khu vực Nghĩa Lộ. | Tổ1, phường Pú Trạng thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 674 | 11 | PK chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh – BS Lại Đức Tiến. | Số nhà 540, tổ 1, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. | T | YT |  |  |  |
| 675 | 12 | Trung tâm y tế huyện Trạm Tấu. | Khu I, thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu | T | YT |  |  |  |

## PHỤ LỤC 6. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA LÒ PHẢN ỨNG NGHIÊN CỨU NĂM 2020

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA LÒ PHẢN ỨNG VÀ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN HẠT NHÂN**

**1.1. Kết quả vận hành và khai thác LPƯHNĐL:**

Trong năm 2020, LPƯHNĐL đã vận hành được 35 đợt chạy lò dài ngày (mỗi đợt từ 150 giờ đến 180 giờ) ở công suất danh định 500 kW để phục vụ cho việc chiếu mẫu sản xuất các chất đồng vị phóng xạ, chiếu xạ kích hoạt mẫu để phân tích các nguyên tố và tiến hành các thí nghiệm nghiên cứu khoa học kết hợp khác. Công việc vận hành lò được thực hiện theo kế hoạch linh hoạt nhằm bảo đảm nhu cầu cung cấp dược chất phóng xạ cho các bệnh viện và giảm thiểu việc nhập khẩu do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Ngoài các đợt vận hành lò dài ngày, thời gian còn lại được dành cho công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị thuộc các hệ thống công nghệ lò phản ứng (LPƯ) hoặc vận hành lò ở công suất thấp và thời gian ngắn phục vụ cho các thí nghiệm nghiên cứu và công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ cho Ngành. Tổng thời gian LPƯ hoạt động ở công suất trong năm 2020 đạt khoảng 4300 giờ; khoảng 1485 Ci đồng vị phóng xạ các loại đã được cung cấp cho các bệnh viện trong nước, trong đó khoảng 1160 Ci đã được sản xuất trên LPƯHNĐL. Các mẫu sinh học, mẫu địa chất, mẫu trầm tích,… cũng được chiếu xạ trên LPƯ phục vụ cho việc nghiên cứu và triển khai.

**1.2. Công tác đo đạc kiểm tra, hiệu chuẩn, bảo dưỡng, theo dõi định kỳ các hệ công nghệ LPƯHNĐL nhằm bảo đảm vận hành an toàn LPƯ:**

Để bảo đảm cho LPƯ hoạt động an toàn và theo đúng kế hoạch đề ra, công tác kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của các hệ công nghệ LPƯHNĐL đã được thực hiện thường xuyên thông qua Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng về Vận hành, Duy tu và Nâng cấp các hệ Công nghệ LPƯHNĐL năm 2020. Ngoài ra, thông qua Nhiệm vụ này cũng đã mua bổ sung một số thiết bị, vật tư để thay thế và phục vụ cho công việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ công nghệ LPƯ, góp phần bảo đảm cho việc vận hành an toàn LPƯ.

Công việc bảo đảm chất lượng và kiểm tra định kỳ các thông số hóa học của nước trong bể lò và trong bể chứa nhiên liệu đã cháy được quan tâm thực hiện thường xuyên. Độ pH và độ dẫn điện nước lò luôn được duy trì trong giới hạn vận hành cho phép (độ pH khoảng 5,5 - 5,7 và độ dẫn điện từ 0,4 - 0,5 μS/cm); độ pH của nước trong bể chứa nhiên liệu đã cháy được duy trì trong khoảng từ 5,6 - 5,8 và độ dẫn điện được giữ không lớn hơn 1,0 μS/cm. Việc bổ sung nước cho bể lò và bể chứa nhiên liệu đã cháy luôn được thực hiện kịp thời. Năm 2020 đã xử lý và cung cấp khoảng 20 m3 nước khử khoáng để bổ sung cho bể lò và bể chứa nhiên liệu đã cháy.

Việc đo đạc và theo dõi các đồng vị phóng xạ 135Xe, 41Ar, 28Al và 56Mn trong nước lò trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên vào những đợt vận hành lò dài ngày để thu nhận thông tin liên quan đến sản phẩm phân hạch, công suất lò và sự ăn mòn trong bể lò nhằm bảo đảm cho lò hoạt động an toàn. Kết quả xác định các đồng vị phóng xạ trong nước lò trong năm 2020 cho thấy, không có những trường hợp thay đổi đặc biệt nào đáng quan tâm, điều đó chứng tỏ chất lượng nước trong bể lò luôn bảo đảm và không có bất thường nào liên quan đến tính toàn vẹn của vỏ bọc nhiên liệu.

Công việc quan sát, ghi hình bằng video camera và vệ sinh hút bẩn các cấu kiện bên trong bể lò được thực hiện định kỳ 2 lần trong năm 2020, bảo đảm giữ cho đáy thùng lò và những nơi có thể lắng đọng bụi luôn sạch, giảm thiểu sự ăn mòn cục bộ. Kết quả đánh giá từ những lần kiểm tra, khảo sát thùng lò bằng thiết bị video camera phân giải cao cho thấy, chưa có diễn biến đáng kể đối với tình trạng ăn mòn của thùng lò và các cấu kiện bên trong bể lò.

**1.3. Các sự kiện bất thường xảy ra trong quá trình vận hành LPƯ:**

Quá trình vận hành LPƯ trong năm 2020 đã xảy ra 21 lần dập lò tự động, trong số đó có 18 lần dập lò do nháy điện và 03 lần do sai hỏng hệ công nghệ LPƯ (01 lần dập lò do CPU khối PNO-121R6 của hệ điều khiển bị treo và 02 lần dập lò do xuất hiện tín hiệu giả về sai hỏng trên hệ công nghệ LPƯ - tín hiệu AZ2). Các sự kiện dập lò tự động nêu trên không ảnh hưởng đến vấn đề an toàn của LPƯHNĐL.

Trong đợt chạy lò từ ngày 01-07/8/2020 đã xảy ra hiện tượng treo CPU khối PNO-121R6 của Unit BPM-108R1 nên dẫn đến giá trị đo các thông số công nghệ của bơm vòng 1 và bơm vòng 2 trở về không và dẫn đến dập lò trong khi các bơm vòng 1 và bơm vòng 2 vẫn hoạt động bình thường. Nguyên nhân của hiện tượng này được xác định là do sụt áp nguồn nuôi xuống dưới điện áp làm việc của CPU khối PNO-121R6 và do vậy dẫn đến việc CPU bị treo. Sau khi thay thế các nguồn nuôi và tăng cường lọc nhiễu, sai hỏng này không còn xuất hiện trở lại sau các đợt chạy lò từ tháng 9/2020 cho đến nay.

Nguyên nhân của việc xuất hiện tín hiệu giả AZ2 là do đường dẫn tín hiệu AZ2 tiếp xúc không tốt tại các đầu nối dây. Bằng việc nối trực tiếp đường tín hiệu không qua các đầu nối dây hiện nay đã khắc phục được sai hỏng nói trên.

**II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN BỨC XẠ**

**2.1. Kiểm soát sự phát thải sinh ra từ hoạt động của LPƯ và hoạt động nghiên cứu - triển khai:**

Việc kiểm soát khí thải phóng xạ trong hệ thông gió V1, hút khí từ LPƯ và sau đó đi qua ống thải khí cao 40 m, được thực hiện bằng hệ kiểm soát khí thải AMS-4 đặt sau phin lọc của hệ thông gió. Hệ AMS-4 kiểm soát định kỳ hoạt độ khí trơ, Iốt phóng xạ và son khí trong dòng không khí thải ra từ hệ V1. Tổng hoạt độ khí trơ thải ra môi trường đo được trong các đợt vận hành Lò phản ứng năm 2020 là 1,26x1011 Bq, nhỏ hơn so với quy định theo Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/8/2014 quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Kết quả đo hoạt độ phóng xạ của Iốt và son khí qua hệ AMS-4 là rất thấp.

Việc tiếp nhận và xử lý nước thải phóng xạ sinh ra từ công việc vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ được thực hiện thường xuyên. Nước sau khi qua hệ thống xử lý nước thải phóng xạ (đặt ở tầng hầm nhà số 2) được lấy mẫu kiểm tra và chỉ thải ra môi trường khi các thông số hóa lý thấp hơn giới hạn cho phép. Trong năm 2020 đã thu nhận và xử lý khoảng 20 m3 nước thải phóng xạ sinh ra từ hoạt động vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ; cũng đã xử lý được 2 m3 nước thải phóng xạ thứ cấp (chủ yếu sinh ra trong quá trình tái sinh các phin nhựa trao đổi ion của Trạm xử lý nước thải phóng xạ, sản phẩm của quá trình keo tụ sử dụng hóa chất) bằng hệ hóa hơi hiện có ở Viện.

**2.2. Kiểm soát liều khu vực và nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt:**

Việc kiểm soát suất liều gamma và suất liều nơtron ở khu vực LPƯ trong thời gian lò hoạt động ở công suất 500 kW đã được thực hiện đều đặn trong các đợt vận hành lò dài ngày. Việc kiểm soát liều bức xạ gamma trong khu vực nhà lò được thực hiện bằng Hệ kiểm soát suất liều bức xạ cố định DORA (tại 12 vị trí) và máy đo liều xách tay (tại 10 vị trí). Kết quả đo suất liều gamma ở các vị trí trong khu vực nhà lò không thay đổi nhiều so với năm 2019. Tại các khu vực có nhân viên làm việc thường xuyên, suất liều gamma trung bình đều nằm trong giới hạn cho phép (khoảng từ 0,37 ÷ 6,30 µSv/h). Việc kiểm soát suất liều nơtron được thực hiện tại 06 vị trí trong khu vực nhà lò, bao gồm các kênh ngang số 1 (tại cửa kênh), các kênh ngang số 2, 3 và 4 (tại vị trí có người thường xuyên làm việc), cột nhiệt và một vị trí trên mặt lò. Trong năm 2020, suất liều nơtron trung bình đo được tại kênh ngang số 2 là 1,18 µSv/h, thấp hơn nhiều so với trung bình của năm 2019 (9,62 µSv/h); suất liều nơtron trung bình tại vị trí cột nhiệt là 1,54 µSv/h; ở vị trí mặt lò là 0,06 µSv/h; ở kênh ngang số 4 là 0,77 µSv/h; các vị trí kênh ngang số 1 và số 3 thấp hơn ngưỡng phát hiện của thiết bị đo.

Việc kiểm soát liều khu vực tại các phòng thí nghiệm ở tòa nhà số 1, nhà số 2, nhà số 2A, nhà số 5A, nhà đặt nguồn Co-60 và Trung tâm Đào tạo được thực hiện mỗi tháng từ một đến hai lần tùy thuộc vào đợt chạy lò dài ngày. Suất liều gamma trung bình tại các phòng thí nghiệm sản xuất Iốt viên nang (đo tại các vị trí làm việc) ở thời điểm sản xuất trung bình vào khoảng 22,36 µSv/h, tuy nhiên do thời gian làm việc tổng cộng của một nhân viên trong phòng này cho cả đợt sản xuất không quá 02 giờ nên liều tích lũy cho một ngày nằm trong giới hạn cho phép. Suất liều gamma ở các khu vực còn lại tương tự như những năm trước và đều ở dưới mức giới hạn cho phép (dưới 10 µSv/h).

Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt tại khu vực nhà lò và các phòng thí nghiệm được tiến hành sau khi LPƯ ngừng hoạt động và bắt đầu công việc sản xuất đồng vị phóng xạ. Việc phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ và tiến hành công việc tẩy xạ ở những nơi có mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt vượt giới hạn cảnh báo (giới hạn này do Viện NCHN thiết lập để kiểm soát và bằng ½ mức cho phép) được thực hiện kịp thời. Năm 2020, mức nhiễm bẩn phóng xạ trung bình tại các vị trí kiểm soát ở khu vực nhà số 1 nằm trong giới hạn cho phép (6,9 Bq/cm2), thấp hơn so với năm 2019 (8,70 Bq/cm2).

Việc kiểm soát nồng độ 131I trong không khí ở Phòng Điều khiển LPƯ, một số phòng sản xuất đồng vị phóng xạ và hành lang nhà số 1 được thực hiện sau một ngày sản xuất chất đồng vị phóng xạ (ngày làm việc đầu tiên sau đợt sản xuất đồng vị phóng xạ). Tại khu vực sản xuất 131I (phòng 114), nồng độ Iốt phóng xạ trong không khí trung bình ở mức 740 Bq/m3 (theo ICRP PUBLICATION 78, nồng độ 131I cho phép cực đại là 760 Bq/m3 với điều kiện làm việc thường xuyên 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần). Ở các vị trí kiểm soát còn lại, mức Iốt phóng xạ trong không khí luôn thấp hơn nhiều so với mức giới hạn cho phép.

**2.3. Kiểm soát liều cá nhân:**

Việc theo dõi, kiểm soát liều cá nhân, bao gồm cả chiếu trong và chiếu ngoài, đối với nhân viên bức xạ làm việc trong môi trường phóng xạ cao (05 nhân viên trực đo liều thuộc Trung tâm An toàn bức xạ và 08 nhân viên thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ) được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, dẫn đến khó khăn trong việc nhập khẩu đồng vị phóng xạ, Viện NCHN đã đẩy mạnh sản xuất dược chất phóng xạ trên LPƯHNĐL. Để giảm liều cho nhân viên bức xạ trong bối cảnh tăng sản lượng đồng vị phóng xạ, nhiều biện pháp kỹ thuật đã được thực hiện, bao gồm: (i) Tăng cường lưu thông không khí, lọc khí phòng sản suất khi cải tạo hệ thống GMP; (ii) Che chắn, gia cố thêm các box sản xuất để giảm liều chiếu; (iii) Đưa phin lọc than hoạt tính ra xa vị trí người làm việc và che chắn thêm để giảm liều chiếu; (iv) Cải tiến quy trình sản xuất.

Việc theo dõi liều chiếu trong cho các nhân viên có nguy cơ bị chiếu trong cao bằng phương pháp lấy mẫu nước tiểu và đo trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên sau mỗi đợt sản xuất đồng vị phóng xạ. Kết quả theo dõi liều chiếu trong cả năm (chủ yếu gây ra bởi 131I) đối với các nhân viên của Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ cho người thấp nhất là 3,71 mSv và người cao nhất là 7,98 mSv (năm 2019 tổng liều chiếu trong cả năm cho người thấp nhất là 0,62 mSv và người cao nhất là 3,54 mSv).

Việc theo dõi liều chiếu ngoài cho nhân viên của Viện NCHN được thực hiện với chu kỳ 2 tháng/lần và cho các nhân viên làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ là 1 tháng/lần. Liều cá nhân chiếu ngoài đối với nhân viên sản xuất đồng vị phóng xạ đo được từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2020 nằm trong khoảng 0,55 ÷ 12,19 mSv; những nhân viên còn lại của Viện NCHN có liều chiếu ngoài trong năm 2020 nằm trong khoảng 0,05 ÷ 7,71 mSv. Liều chiếu xạ tổng cộng cho cả năm, bao gồm liều chiếu ngoài và chiếu trong đối với nhân viên bức xạ nhận liều cao nhất là 18,86 mSv, nằm trong giới hạn liều tối đa cho phép trong một năm.

**2.4. Quan trắc phóng xạ môi trường xung quanh khu vực Lò phản ứng:**

Đối tượng được quan trắc xung quanh LPƯ là son khí, suất liều gamma môi trường, nước bề mặt và sa lắng. Dưới đây là những kết quả quan trắc thu được trong quá trình quan trắc môi trường xung quanh LPƯHNĐL trong năm 2020:

*- Thành phần phóng xạ trong không khí:*

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong son khí ở Đà Lạt năm 2020:

7Be : (0,66÷2,64)10-3 Bq/m3

40K : (0,05÷0,21)10-4 Bq/m3

232Th : (0,42÷2,21)10-6 Bq/m3

238U : (0,02÷0,14)10-5 Bq/m3

134Cs : 0,0710-6 Bq/m3

137Cs : 0,0710-6 Bq/m3

Mật độ rơi lắng các đồng vị phóng xạ ở Đà Lạt năm 2020:

7Be : 2,18 ÷ 105,50 Bq/m2/tháng

40K : 1,09 ÷ 10,24 Bq/m2/tháng

232Th : 0,07 ÷ 0,44 Bq/m2/tháng

238U : 0,09 ÷ 0,66 Bq/m2/tháng

134Cs :  0,02 Bq/m2/tháng

137Cs :  0,02 Bq/m2/tháng

∑β : 2,2 ÷ 60,2 Bq/m2/tháng

Hoạt độ của các đồng vị phóng xạ tự nhiên 7Be, 40K, 232Th, 238U không thay đổi nhiều so với những năm trước. Đồng vị 137Cs (được sinh ra do việc xả thông lệ hoặc sự cố từ LPƯ hạt nhân, hoặc sinh ra từ các vụ thử vũ khí hạt nhân) có hoạt độ rất thấp, dải hoạt độ thu được từ 10 100 lần thấp hơn ở các thành phố Châu Âu và Nhật Bản.

*- Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường:*

Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường tại Viện NCHN nằm trong dải từ 1,66 ÷ 1,72 mSv/năm. Các giá trị suất liều này gây ra bởi các nguyên tố U, Th, K có trong đất, đá, thực vật, v.v… và 7Be từ tia vũ trụ.

*- Thành phần phóng xạ trong nước thải sinh hoạt và nước hồ Xuân Hương:*

Dải tổng hoạt độ phóng xạ bêta trong nước thải sinh hoạt được thu góp tại cửa xả hồ lắng của Viện NCHN năm 2020:

 : (77  212) mBq/L

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương năm 2020:

238U : (2,9  6,7) mBq/L

226Ra : (1,5  6,5) mBq/L

232Th : (2,5  10,5) mBq/L

40K : (155  372) mBq/L

137Cs : (< 0,20  0,31) mBq/L

 : (117  359) mBq/L

Các nguyên tố phóng xạ nhân tạo phát gamma chỉ có 137Cs ở mức rất thấp, hoạt độ không có thay đổi gì so với mức phông trước khi LPƯ hoạt động. Các nguyên tố phóng xạ tự nhiên chủ yếu là 238U, 226Ra, 232Th, 40K, trong đó thông số phóng xạ đáng quan ngại nhất trong nước là 226Ra, tuy nhiên, ở đây vẫn còn thấp xa (khoảng 100 lần) so với nồng độ cho phép của 226Ra trong nước sinh hoạt theo TCVN-4397-87 (0,370 Bq/L). Tổng hoạt độ phóng xạ  trong mẫu nước quan trắc, đều thấp hơn so với giới hạn cho phép của nước tự nhiên nêu trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT (1 Bq/L). So với các năm trước, hoạt độ của các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương không có biến động gì đáng kể.

*- Thành phần phóng xạ trong đất:*

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong đất xung quanh LPƯ năm 2020:

238U : (61,8  81,6) Bq/kg

232Th : (71,1  93,0) Bq/kg

40K : (40  61) Bq/kg

137Cs : (0,99  1,20) Bq/kg

134Cs : < LOD (LOD=0,08 Bq/kg)

 : (456  518) Bq/kg

Kết quả về hoạt độ các đồng vị phóng xạ tự nhiên (40K, 232Th, và 238U) và nhân tạo (137Cs, 134Cs) trong đất xung quanh LPƯ nằm ở mức phông bình thường và không có biến động gì đáng kể.

## PHỤ LỤC 7. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHIẾU XẠ CÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2020

### 1. Cơ sở xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng** | **Loại máy** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 02 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 02 | 02 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Đa khoa Khánh Hoà | 14 Lý Tự Trọng, TP. Nha Trang, Khánh Hoà | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên | Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Thái | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Đại học Y khoa Huế | 41 Nguyễn Huệ, p. Vĩnh Ninh, Tp. Huế | 02 | 02 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 02 | 01 Co-60 Gamma Knife 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Hy Vọng mới | Km 10, đường Cao tốc 5, KCN Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Ung bướu TP. Cần Thơ | Số 4 đường Châu Văn Liêm, TP. Cần Thơ | 02 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện C Thái Nguyên | Phường Phố Cò, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | 01 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Quân Y 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng | Số 04 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, TP. Đà Lạt. tỉnh Lâm Đồng | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |
|  | BV ĐK tỉnh Kiên Giang | 46 Lê Lợi, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |

### 2. Cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng** | **Số Model, Sêri, Hãng/Nước sản xuất/cung cấp** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công ty TNHH Y tế Viễn đông Việt Nam (BV. Pháp Việt) | 06 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Precise Digital Accelerator ELECTRA, 105847, Electra Oncology System Ldt., EEC |
| 2 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 3 | PRIMUS M6/6ST, 3544, Siemens, Mỹ, Đức |
| PRIMUS MD2, 3525, Siemens, Mỹ, Đức |
| Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 153137 |
| 3 | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 8 | Primus 2D 6/15E, M4302, Siemens Medical Solutions USA |
|  |
| Primus, 3289, Siemens Medical Solutions USA |
| CLINAC 600C, 1253, VARIAN, Mỹ |
| Model: Mevatron M Class, Sêri: 3289; Siemens, Đức |
| Model: 04504200, Sêri: 70-4302, Siemens, Đức |
| Model: Compact, Sêri: 201157, ELEKTA, Trung Quốc |
| Model: UNIQUE Sêri: 2239 |
| Model: CX Clinac; Sêri : 4019 ; Varian, Mỹ |
| 4 | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 5 | Clinac 2300C/D, 526, Varian Medical Systems, Inc., Mỹ |
| Clinac 2300C/D, 527, Varian Medical Systems, Inc., Mỹ |
| Clinac 600C/D, 1228, Varian Medical Systems Inc., Mỹ (gia hạn T6/2017) |
| Clinac 600CD,1230; 6MV; Varian Medical Systems Inc., Mỹ |
| Model: Precise Treatment System, Sêri: 154278; Elekta, Anh Quốc; 6MV ; 18MeV |
| 5 | Bệnh viện TW 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 3 | G3, C087, Acuray, Mỹ |
| CX, 5625, Varian, Mỹ |
| Model: Trubeam, Varian Medical Systems Inc., Mỹ Sêri: 2702; 15MV; 22MeV (GP, T7/2017) |
| 6 | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 1 | Primus, M5052, Siemens, Đức |
| 7 | Bệnh viện 103 | Phùng hưng, Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 2 | Precise Digital Accelerator,152377, ELEKTA, Vương Quốc Anh |
|  |  |  |  | Precise Digital Accelerator,152378, ELEKTA, Vương Quốc Anh |
| 8 | Bệnh viện đa khoa Phú Thọ | Số 298 Độc Lập, phường Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Precise Digital Accelerator, 152278, Elekta, Anh |
| 9 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Varian, Mỹ (Model: UNIQUE, Sêri: 2258); 6MV |
| 10 | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Model: AXESSE, Sêri: 152838; Elekta, Anh,2013; 18MV ; 15MeV |
| 11 | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 4 đường 30/4, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 1 | 01940035, 5497, Siemens, Đức |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang | Số 46 Lê Lợi, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | 1 | Model: PRIMUS; sêri: 5599; SIEMENS, Đức |
| 13 | Bệnh viện đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 1 | Compact, Au 034, Elekta, Anh |
| 14 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 2 | 01940035, 5711, Siemens, Đức |
| 01940035, 5712, Siemens, Đức |
| 15 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định | Số 106 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | 1 | PRIMUS, 5613, Siemens, Đức |
| 16 | Viện Y học phóng xạ và U bướu quân đội | Số 18 Định Công Thượng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội | 1 | PRECISE, 2198, Elekta, Anh |
| 17 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ | Phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 1 | Precise Digital Accelerator, 152278, Elekta, Anh |
| 18 | Bệnh viện Đà Nẵng | 124 đường Hải Phòng, TP. Đà Nẵng | 1 | Sêri: 153206; Elekta Limited, Anh |
| 19 | Bệnh viện 175 | 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gũ Vấp, TP. Hồ Chí Minh | 2 | Precise, 135280, ELEKTA, Anh; gia hạn tháng 11/2017 |
| Precise, 135281, ELEKTA, Anh |
| 20 | Bệnh viện phổi Trung ương | 463 Hoàng Hoa Thám, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội | 1 | 01940035, 5878, Siemens, Đức |
| 21 | Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec | Số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 1 | Model: Clinac IX, Sêri: 5933, VARIAN Mỹ |
| 22 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 1 | Model: Precise, Sêri: 153193 |
| 23 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model: ELEKTA Synergy Platform, Sêri: 153636 Elekta, Anh, 2014; 15MV, 14MeV |
| 24 | Công ty TNHH MTV Bệnh viện Ung thư Đà Nẵng | Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng | 1 | Model: Unique Sêri : 2246 ; VARIAN Medical System Inc., Mỹ |
| 25 | Bệnh Viện Việt Nam- Thụy Điển Uông bí | Đường Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, Tp Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model: Precise Treatment System; Sêri : 153582  Elekta, Anh, 2014 |
| 26 | Bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp | Số 1, đường Nhà Thương, quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng | 1 | Model: Elekta Synergy Platform; Sêri : 154037 Elekta Limited, Anh, 2015 |
| 27 | Bệnh viện C Đà Nẵng | Số 122 Hải Phòng, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng | 1 | Model: 4186 Precise Treatment System, Sêri: 154186, Elekta, Anh |
|  | **Tổng cộng** | | **47** |  |

**- Thiết bị xạ trị nông**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thiết bị** | **Mã hiệu, số sêri** | **Hãng, nước sản xuất, năm sản xuất** | **Umax (kV)** | **Imax (mA)** | **Mục đích sử dụng** | **Địa điểm đặt máy/ Cơ sở sử dụng** |
| 1 | Thiết bị xạ trị nông | Intrabeam PRS 500, 6630467523 | Zeiss Meditec, Đức 2012 | 50 | 40 | Xạ đích trong mổ | Địa chỉ: Số 16 Lê Lợi, Bệnh viện Trung ương Huế, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |

**- Chiếu xạ mẫu bệnh phẩm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng nguồn** | **Thông tin nguồn** |
| 1 | Bệnh viện truyền máu huyết học | Số 118 Hồng Bàng, P. 12, Q. 5, TP.HCM | 02 | Nguồn Cs-137 38/GP hết hạn 24/10/2023;  Nguồn Co-60 05/GP hết hạn 31/1/2020 |

### 3. Thống kê số cơ sở sử dụng y học hạt nhân

Hiện có 42 cơ sở sử dụng y học hạt nhân:

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội |
| 2 | Bệnh viện 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh |
| 3 | Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa | 19 Yersin, Tp. Nha Trang |
| 4 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên | Đường Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |
| 5 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh phường 12 quận 5 Tp. HCM |
| 6 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp | 01 đường Nhà Thương, Tp. Hải Phòng |
| 7 | Bệnh viện Ung bướu Tp HCM | 03 Nơ Trang Long, P.7, Quận Bình Thanh, TP. Hồ Chí Minh |
| 8 | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam | Số 6 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7 |
| 9 | Trung tâm y học hạt nhân và ung bướu - Bệnh viện Bạch Mai | 78 đường Giải Phóng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội |
| 10 | Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội | N1, X8 Định Công, Thanh Trì, Hà Nội |
| 11 | Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh | 217 An Dương Vương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng | 04 Phạm Ngọc Thạch - phường VI - Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng |
| 13 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk | Số 2 Mai Hắc Đế, TP. Buôn Ma Thuột |
| 14 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi | 184 Đại Lộ Hùng Vương - TP Quảng Ngãi |
| 15 | Bệnh viện Đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |
| 16 | Bệnh viện Đà Nẵng | Số 124 Hải Phòng, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng |
| 17 | Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang | 2 Lê Lợi - Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang |
| 18 | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | 138 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh |
| 19 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức | 40 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội |
| 20 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới | Đường Hữu Nghị, P.Nam Lý, TP. Đồng Hới , tỉnh Quảng Bình |
| 21 | Bệnh viện Nội Tiết | Khu B, Yên Lãng, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội |
| 22 | Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu | Số 109 Đoàn Hoàng Minh, phường 5, Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre |
| 23 | Bệnh viện Nhân dân 115 | 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh |
| 24 | Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo |
| 25 | Trung tâm Y tế Thành phố Quy Nhơn | Số 114 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn. tỉnh Bình Định |
| 26 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | 42A Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| 27 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn, Võ Cường, Tp. Bắc Ninh |
| 28 | Công ty CP Y học Rạng Đông | Số 83B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |
| 29 | Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh | Số 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| 30 | Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh | Số 03 đường Nơ Trang Long, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |
| 31 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh | Số 75 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh |
| 32 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên | Số 15 Nguyễn Hữu Thọ, P. 9, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| 33 | Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ | Số 4 Châu Văn Liêm, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |
| 34 | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng | Tổ 78 Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng |
| 35 | Bệnh viện K | Bệnh viện K – Cơ sở 3 Điạ chỉ: Số 30 đường Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội |
| 36 | Bệnh viện Tim Hà Nội | Số 92 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |
| 37 | Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An | 60 đường Tôn Thất Tùng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 38 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 39 | Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec – Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Time City | Số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| 40 | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18, ngõ 879 đường La Thành, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội |
| 41 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc | Đường Lam Sơn, Phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |
| 42 | Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa chất lượng cao tỉnh Thái Bình | Số 530 đường Lý Bôn, P.Quang Trung |

## PHỤ LỤC 8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ XẠ TRỊ VÀ Y HỌC HẠT NHÂN

1. **Tình trạng cấp phép và thống kê cơ sở xạ trị, cơ sở sử dụng y học hạt nhân**

- Tính đến cuối năm 2020, cả nước hiện có 16 cơ sở xạ trị đang sử dụng nguồn phóng xạ với tổng cộng 22 thiết bị xạ trị trong đó: 07 thiết bị xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 (02 thiết bị xạ thị Co-60 thông thường; 05 thiết bị xạ trị Gamma Knife); 15 thiết bị xạ trị áp sát.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng** | **Loại thiết bị** |
| 1 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 01 | Thiết bị Gamma Knife sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 |
| 2 | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 03 | Thiết bị Gamma Knife sử dụng nguồn phóng xạ Co-60  02 máy xạ trị áp sát sử dung nguồn Ir-192 |
| 3 | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 02 | 02 máy xạ trị áp sát sử dung nguồn Ir-192 |
| 4 | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 01 | Thiết bị Gamma Knife sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 |
| 5 | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dung nguồn Ir-192 |
| 6 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao sử dụng 01 nguồn phóng xạ Ir-192 |
| 7 | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 03 | 03 nguồn phóng xạ Cs-137 xạ trị áp sát suất liều thấp |
| 8 | Bệnh viện Hy Vọng mới | Km 10, đường Cao tốc 5, KCN Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội | 01 | Thiết bị Gamma Knife sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 |
| 9 | Bệnh viện Ung bướu TP. Cần Thơ | Số 4 đường Châu Văn Liêm, TP. Cần Thơ | 02 | 01 thiết bị xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192  01 thiết bị xạ trị từ xa sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 |
| 10 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 01 | Thiết bị Gamma Knife sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 |
| 11 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 01 | Thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 |
| 12 | Bệnh viện Quân Y 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao sử dụng 01 nguồn phóng xạ Ir-192 |
| 13 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng | Số 04 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, TP. Đà Lạt. tỉnh Lâm Đồng | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao sử dụng 01 nguồn phóng xạ Ir-192 |
| 14 | BV ĐK tỉnh Kiên Giang | Số 46 Lê Lợi, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao sử dụng 01 nguồn phóng xạ Ir-192 |
| 15 | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng | Tổ 78 Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao sử dụng 01 nguồn phóng xạ Ir-192 |
| 16 | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02 Đồng Khởi, P. Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao sử dụng 01 nguồn phóng xạ Ir-192 |
| **Tổng cộng:** | | | **22** |  |

**- Cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc:** Hiện nay trên cả nước có 42 cơ sở sử dụng máy gia tốc để xạ trị với tổng số lượng là 73 máy.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Số lượng | Số Model, Sêri, Hãng/Nước sản xuất/cung cấp |
| 1 | Công ty TNHH Y tế Viễn đông Việt Nam (BV. Pháp Việt) | 06 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh | 2 | Precise Digital Accelerator ELECTRA, 105847, Electra Oncology System Ldt., EEC |
| Model: Infinity, Sêri: 154762, Elekta, Anh Quốc, 2018 |
| 2 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 5 | Model: Elekta Synergy, Sêri: 154356, ELEKTA, Anh,2017 (GP tháng 01/2018) |
| Model: Elekta Versa HD, Sêri: 154349, ELEKTA, Anh, 2017 (GP tháng 01/2018) |
| Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 153137 |
| Model: Versa HD, Sêri: 154987, Elekta, Anh, 2019 |
| Model: Elekta Synergy,Sêri: 154988, Elekta, Anh, 2019. GP tháng 12/2019 |
| 3 | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 7 | CLINAC 600C, 1253, VARIAN, Mỹ |
| Mã hiệu : Infinity , Sêri: 154265, ELEKTA, Anh |
| Model: Compact, Sêri: 201157, ELEKTA,Trung Quốc |
| Model : UNIQUE, Sêri : 2239 |
| Model: Versa HD, Sêri: 154925, Elekta, Anh 2019 |
| Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 154895 Elekta, Anh 2018 |
| Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 154896 Elekta, Anh 2018 |
| 4 | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 11 | Clinac 600C/D, 1230, Varian Medical Systems Inc., Mỹ |
| Clinac 600CD,1228 ; 6MV ; Varian Medical Systems Inc., Mỹ |
| Model: Precise Treatment System, Sêri: 154278 ; Elekta, Anh Quốc; 6MV ; 18MeV |
| Model: Truebeam, Sêri: 3134, Varian Medical System Inc.,  Mỹ, 2017 |
| Model: Truebeam, Sêri: 3141, Varian Medical System Inc.,  Mỹ, 2017 (GP tháng 10/2018) |
| Model: ELEKTA Synergy Platform, Sêri: 156288, ELEKTA, Anh, 2020 |
| Model: ELEKTA Synergy Platform, Sêri: 156289, ELEKTA, Anh, 2020 |
| Model: ELEKTA Synergy, Sêri: 156290, ELEKTA, Anh, 2020 |
| Model: ELEKTA Synergy, Sêri: 156291, ELEKTA, Anh, 2020 |
| Model: TrueBeam, Sêri: 4424, Varian Medical Systems Inc., Mỹ, 2019 |
| Model: Trilogy, Sêri: 6539, Varian Medical Systems Inc., Mỹ, 2019 |
| 5 | Bệnh viện TW 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 3 | G3, C087, Acuray, Mỹ |
| CX, 5625, Varian, Mỹ |
| Model: Trubeam, Sêri: 2702, Varian, Mỹ; 15MV ; 22MeV (GP, T7/2017) |
| 6 | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 1 | Primus, M5052, Siemens, Đức |
| 7 | Bệnh viện 103 | Phùng hưng, Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 2 | Precise Digital Accelerator,152377, ELEKTA, Anh |
| Precise Digital Accelerator,152378, ELEKTA, Anh |
| 8 | Bệnh viện đa khoa Phú Thọ | Phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 1 | Precise Treatment System, 152278, Elekta, Anh |
| 9 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Varian, Mỹ (Model: UNIQUE, Sêri: 2258) ; 6MV |
| 10 | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Model: AXESSE, Sêri: 152838 ; Elekta, Anh, 2013, 18MV ; 15MeV |
| 11 | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02 Đồng Khởi, P. Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 1 | 01940035, 5497, Siemens, Đức |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang | Số 46 Lê Lợi, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | 2 | Model: PRIMUS; sêri: 5599; SIEMENS, Đức (GP 5.2016) |
| Model: CLINAC IX, Sêri: 6361, Varian, Mỹ, 2017 (GP 12.2019) |
| 13 | Bệnh viện đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 1 | Compact, Au 034, Elekta, Anh |
| 14 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 2 | 01940035, 5711, Siemens, Đức |
| 01940035, 5712, Siemens, Đức |
| 15 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định | Số 106 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | 1 | PRIMUS, 5613, Siemens, Đức |
| 16 | Viện Y học phóng xạ và U bướu quân đội | Số 18 Định Công Thượng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội | 1 | PRECISE, 2198, Elekta, Anh |
| 17 | Bệnh viện 19-8 | Phố Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 154515, ELEKTA, Anh, 2017 |
| 18 | Bệnh viện Đà Nẵng | 124 đường Hải Phòng, TP. Đà Nẵng | 1 | Sêri: 153206, Elekta Limited, Anh |
| 19 | Bệnh viện 175 - Bộ Quốc Phòng | 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gũ Vấp, TP. Hồ Chí Minh | 2 | Precise, 135280, ELEKTA, Anh; gia hạn tháng 11/2017 |
| Precise, 135281, ELEKTA, Anh |
| 20 | Bệnh viện phổi Trung ương | 463 Hoàng Hoa Thám, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội | 1 | 01940035, 5878, Siemens, Đức |
| 21 | Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec | Số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 1 | Model: Clinac IX, Sêri: 5933, VARIAN Mỹ |
| 22 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 1 | Model: Precise, Sêri: 153193 |
| 23 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model: ELEKTA Synergy Platform, Sêri: 153636 Elekta, Anh, 2014 ; 15MV, 14MeV |
| Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 154643, ELEKTA, Anh, 2018 |
| 24 | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng | Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng | 2 | Model : CX, Sêri : 5418 ; VARIAN Medical System Inc., Mỹ |
| Model: UNIQUE, Sêri: 2246 VARIAN., Mỹ |
| 25 | Bệnh Viện Việt Nam- Thụy Điển Uông bí | Đường Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, Tp Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model : Precise Treatment System ; Sêri : 153582, Elekta, Anh, 2014 |
| 26 | Bệnh viện Hữu ngghị Việt tiệp Hải Phòng | Số 1, đường Nhà Thương, quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng | 1 | Model : Elekta Synergy Platform ; Sêri : 154037, Elekta Limited, Anh, 2015 |
| 27 | Bệnh viện C Đà Nẵng | Số 122 Hải Phòng, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng | 1 | Model: 4186 Precise Treatment System, Sêri: 154186, Elekta, Anh |
| 28 | Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực Thanh Hóa | Số 595 Nguyễn Chí Thanh, Phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 154563, Elekta  Anh, 2017 |
| 29 | Bệnh viện Nhi đồng thành phố | Số 15 đường Võ Trần Chí, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Model: Clinac CX, Sêri: 6302, Varian Medical Systems Inc., Anh, 2017 |
| 30 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình | Số 530, phố Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình | 1 | Model: Elekta Precise, Sêri: 154721, Elekta, Anh, 2018 |
| 31 | Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Central Park | 720A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Model: Truebeam, Sêri: 3747, VARIAN, Mỹ, 2018 |
| 32 | Bệnh viện Ung bướu Nghệ An | 60 Tôn Thất Tùng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An | 2 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 154856, Elekta,  Anh, 2018 |
| Model: Precise Digital Accelerator, Sêri: 154855, Elekta, Anh, 2018 |
| 33 | Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương | 78 Giải Phóng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội | 1 | Model: Precise Digital Accelerator, Sêri: 154564, Elekta, Anh, 2018 |
| 34 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương | Số 225 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 156173, Elekta,  Anh, 2019 |
| 35 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên | Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 156176, Elekta,  Anh, 2019 |
| 36 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định | Số 02 đường Trần Quốc Toản, phường Ngô Quyền, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 156174, Elekta, Anh, 2019 |
| 37 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. | Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 156177, Elekta, Anh, 2019 |
| 38 | Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang | Xã Tân Mỹ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 156175, Elekta,  Anh, 2019 |
| 39 | Bệnh viện trung ương Thái Nguyên | Số 479 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 156280, Elekta, Anh, 2020 |
| 40 | Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt | Đường Nguyễn Tất Thành, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. | 1 | Model: Elekta Synergy, Sêri: 156292, Elekta, Anh, 2020 |
| 41 | Bệnh viện Ung bướu Hưng Việt | Số 34 Đại Cồ Việt, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. | 1 | Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 156150, Elekta, Anh, 2019 |
| 42 | Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện Đại học Y dược Shing Mark | Quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. | 1 | Model: Halcyon, Sêri: 1155, Varian, Trung Quốc, 2019 |
| **Tổng cộng** | | | **73** |  |

* **Thống kê số cơ sở sử dụng y học hạt nhân:** hiện nay trên cả nước có 48 cơ sở sử dụng y học hạt nhân, cụ thể như sau:

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Thông tin về dược chất phóng xạ sử dụng** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội | Tc-99m, I-131, P-32 |
| 2 | Bệnh viện 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh | Y-90 |
| 3 | Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa | 19 Yersin, Tp. Nha Trang | I-131, P-32 |
| 4 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên | Đường Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | I-131 |
| 5 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh phường 12 quận 5 Tp. HCM | Sm-153 |
| 6 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp | 01 đường Nhà Thương, Tp. Hải Phòng | Tc-99m, I-131 ; P-32 |
| 7 | Bệnh viện Ung bướu Tp HCM | 03 Nơ Trang Long, P.7, Quận Bình Thanh, TP. Hồ Chí Minh | F-18 |
| 8 | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam | Số 6 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7 | Tc-99m, I-131 |
| 9 | Trung tâm y học hạt nhân và ung bướu - Bệnh viện Bạch Mai | 78 đường Giải Phóng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội | F-18 |
| 10 | Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội | N1, X8 Định Công, Thanh Trì, Hà Nội | Tc-99m, I-131 ; P-32 |
| 11 | Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh | 217 An Dương Vương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | Tc-99m, I-131, Y-90 |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng | 04 Phạm Ngọc Thạch - phường VI - Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng | I-131 ; P-32 |
| 13 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk | Số 2 Mai Hắc Đế, TP. Buôn Ma Thuột | I-131 |
| 14 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi | 184 Đại Lộ Hùng Vương - TP Quảng Ngãi | I-131; P-32 |
| 15 | Bệnh viện Đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
| 16 | Bệnh viện Đà Nẵng | Số 124 Hải Phòng, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng | Tc-99m, I-131, F-18 |
| 17 | Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang | 2 Lê Lợi - Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang | I-125; I-131 |
| 18 | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | 138 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh | I-131 |
| 19 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức | 40 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | F-18 |
| 20 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới | Đường Hữu Nghị, P.Nam Lý, TP. Đồng Hới , tỉnh Quảng Bình | I-131; P-32 |
| 21 | Bệnh viện Nội Tiết Trung ương | Khu B, Yên Lãng, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội | Tc-99m; I-131 |
| 22 | Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu | Số 109 Đoàn Hoàng Minh, phường 5, Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre | I-131; P-32 |
| 23 | Bệnh viện Nhân dân 115 | 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | I-131; P-32 |
| 24 | Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo | I-131, F-18, Tc-99m, P-32; Tl-201; C-11; Sm-153 |
| 25 | Trung tâm Y tế Thành phố Quy Nhơn | Số 114 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn. tỉnh Bình Định | I-131, P-32 |
| 26 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | 42A Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | I-131, Tc-99m, P-32, F-18 |
| 27 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | Tc-99m |
| 28 | Công ty CP Y học Rạng Đông | Số 83B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | F-18 |
| 29 | Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh | Số 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh | I-131, Tc-99m |
| 30 | Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh | Số 03 đường Nơ Trang Long, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | Tc-99m |
| 31 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh | Số 75 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | I-131, Tc-99m |
| 32 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên | Số 15 Nguyễn Hữu Thọ, P. 9, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | I-131, P-32 |
| 33 | Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ | Số 4 Châu Văn Liêm, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | Tc-99m |
| 34 | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng | Tổ 78 Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng | P-32 |
| 35 | Bệnh viện K | Bệnh viện K – Cơ sở 3  Điạ chỉ: Số 30 đường Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội | F-18 |
| 36 | Bệnh viện Tim Hà Nội | Số 92 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | Tc-99m |
| 37 | Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An | 60 đường Tôn Thất Tùng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An | I-131 và Tc-99m |
| 38 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | Tc-99m |
| 39 | Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec – Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Time City | Số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | Tc-99m ; F-18  (FDG-18) |
| 40 | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18, ngõ 879 đường La Thành, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | Tc-99m |
| 41 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc | Đường Lam Sơn, Phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc | I-131 và Tc-99m |
| 42 | Bệnh viện Nhi đồng thành phố | 15 đường Võ Trần Chí, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh | Tc-99m, I-131  I-123 |
| 43. | Bệnh viện đa khoa Đồng Nai | Số 02 Đồng Khởi, Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | I-131, Tc-99m |
| 44. | Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển Uông Bí | Đường Tuệ Tĩnh, Phường Thanh Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. | Tc-99m và I-131 |
| 45 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh | Phố Tuệ Tĩnh, P. Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | Tc-99m |
| 46 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai | Đường Chiềng On, P. Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | Tc-99m và I-131 |
| 47 | Bệnh viện Trung ương Huế | 16 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. | I-131, I-125, P-32, Tc-99m |
| 48 | Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa | Ngõ 958, đường Quang Trung, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. | Tc-99m và I-131 |

1. **Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ | | Đánh giá |
|  | Việc chấp hành các quy định về khai báo, xin cấp phép, các điều kiện giấy phép đã được cấp: | Đa phần các cơ sở thực hiện tốt. Tuy nhiên, có một số cơ sở chuyển trạng thái nguồn phóng xạ từ sử dụng sang trạng thái lưu giữ chưa thực hiện việc bổ sung hồ sơ để thực hiện việc cấp phép theo quy định. |
|  | Trách nhiệm, quyền hạn, hiệu quả thực thi nhiệm vụ của người phụ trách an toàn bức xạ: | 100% cơ sở đã bổ nhiệm người phụ trách an toàn, người phụ trách an toàn được phân quyền và trách nhiệm theo đúng quy định.  Trên thực tế người phụ trách an toàn của cơ sở chưa thể hiện hiệu quả thực thi nhiệm vụ |
|  | Chứng chỉ nhân viên bức xạ đối với người phụ trách an toàn, nhân viên bức xạ khác: | 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ |
|  | Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn bức xạ cho nhân nhiên bức xạ: | 100% nhân viên bức xạ được đào tạo ban đầu và đào tạo lại về an toàn bức xạ |
|  | Thực hiện công tác quản lý, đọc liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ: | 100% nhân viên bức xạ được trang bị liều kế các nhân và được đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần |
|  | Tổ chức công tác theo dõi, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên bức xạ : | 100% nhân viên bức xạ được tổ chức khám sức khỏe định kỳ |
|  | Thực hiện công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật của thiết bị bức xạ, các chứng chỉ tài liệu liên quan đến nguồn phóng xạ: | 100% các cơ sở đã lập và lưu giữ các hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết bị và do bộ phận kỹ thuật quản lý |
|  | Lập sổ theo dõi vận hành thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ: | 100% các cơ sở đã lập sổ theo dõi (nhật ký vận hành) thiết bị chiếu xạ |
|  | Thực hiện Quy trình hướng dẫn vận hành thiết bị an toàn, quy trình tiến hành công việc bức xạ khác liên quan: | 100% các cơ sở đã xây dựng quy trình vận hành |
|  | Thực hiện Nội quy an toàn bức xạ: | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn đến toàn bộ các nhân viên bức xạ |
|  | Lập và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở, trình Cục ATBXHN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, công tác triển khai thực hiện diễn tập kế hoạch ƯPSC… Thống kê các sự cố bức xạ xảy ra (nếu có mô tả sự cố, biện pháp khắc phục, xử lý sự cố, kết quả xử lý, báo cáo kết quả lên cấp trên): | - 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ tuy nhiên tất cả các cơ sở chưa tổ chức diễn tập ứng phó sự cố định kỳ theo quy định. |
|  | Thực hiện các quy định đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ (chỉ áp dụng đối với các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ): | - Các cơ sở đã xây dựng quy định về đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ theo quy định |
|  | Thực hiện kiểm tra chất lượng thiết bị, kiểm xạ định kỳ khu vực làm việc: | 100% cơ sở đã trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ và thực hiện việc đo đánh giá an toàn trước khi vận hành thiết bị |
|  | Công tác trang bị, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ: | Đa phần các cơ sở đã thực hiện hiệu chuẩn thiết bị theo định kỳ |
|  | Quy định các biển cảnh báo bức xạ (thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nơi sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ): | 100% cơ sở đã thực hiện khoanh vùng, trang bị biện cảnh bảo bức xạ |
|  | Kiểm tra đánh giá an toàn việc sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ (kiểm tra thực tế): | Các cơ sở sử dụng máy gia tốc, cơ sở y học hạt nhân điều trang bị thiết bị đo suất liều và thực hiện việc đo đánh giá an toàn trước khi sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ. |
|  | Công tác lưu giữ bảo quản thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng: | Các nguồn phóng xạ sau khi không còn nhu cầu sử dụng được lưu kho và lập hồ sơ cấp giấy phép lưu giữ nguồn phóng xạ. Các nguồn phóng xạ sau khi không còn nhu cầu sử dụng đều được lưu giữ đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ |
|  | Thực hiện các yêu cầu của cơ quan QLNN về ATBX và khuyến cáo của kết luận thanh tra (nếu có): | Đa phần các cơ sở đã thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý và các khuyến cáo của đoàn thanh kiểm tra |

# PHỤ LỤC 9. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHỤP ẢNH PHÓNG XẠ CÔNG NGHIỆP NĂM 2020

**Tình hình hoạt động và bảo đảm an toàn bức xạ của các cơ sở quản lý chất thải phóng xạ**

Hiện tại Việt Nam có 02 đơn vị quản lý chất thải phóng xạ là Viện Nghiên cứu hạt nhân, Viện Công nghệ xạ hiếm.

Trong đó, chất thải sinh ra từ Lò phản ứng nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) do Viện Nghiên cứu hạt nhân quản lý bao gồm:

- Tổng lượng thải phóng xạ lỏng/năm khoảng 50 m3;

- Tổng lượng thải phóng xạ rắn/năm khoảng 5 m3.

- Tổng số thùng thải lỏng và rắn đã điều kiện hóa và đóng gói được lưu giữ tại nhà số 5: 255 thùng (thể tích thùng phuy hình trụ 200 lít). Trong đó thải rắn điều kiện hóa thu nhỏ bằng nén ép khoảng 120 thùng; thải lỏng điều kiện hóa bằng xi măng là 130 thùng.

Thống kê lượng chất thải phóng xạ dạng rắn đang lưu giữ hiện nay như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở quản lý** | **Địa chỉ nơi lưu giữ** | **Số lượng chất thải đang lưu giữ** | **Ghi chú** |
| 1. | Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) | Số 1 Nguyên tử lực, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | 255 thùng  (thể tích thùng phuy hình trụ 200 lít) | Thùng thải rắn và lỏng đã điều kiện hóa và đóng gói được lưu giữ tại nhà số 5 |
| 2. | Viện Công nghệ Xạ hiếm | Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội | 767 thùng  (thể tích thùng phuy hình trụ 200 lít) | Chứa các chất thải phóng xạ là các đuôi quặng phát sinh do quá trình nghiên cứu quặng Uranium của Viện |

**Thống kê các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang lưu giữ hiện nay**

Hiện nay, phần lớn các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang được tập trung lưu giữ chủ yếu tại các kho lưu giữ của: Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân, Viện Nghiên cứu hạt nhân, Liên đoàn Vật lý địa chất, Trung tâm đánh giá không phá hủy và Trung tâm hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang được lưu giữ tại cơ sở.

Tổng số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang lưu giữ trên toàn quốc là 3.262 nguồn tại 66 cơ sở trên địa bàn 28 tỉnh/thành phố trên toàn quốc, cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở** | **Số lượng nguồn** | **Ghi chú** |
| **1** | **Bà Rịa - Vũng Tàu** | **20** |  |
|  | Công ty Dịch vụ Schlumberger Việt Nam | 8 |  |
|  | Công ty TNHH Baw Heng Steel Việt Nam | 4 |  |
|  | Công ty cổ phần thép Pomina 2 | 3 |  |
|  | Công ty TNHH Haosheng Vina | 5 |  |
| **2** | **Bắc Ninh** | **4** |  |
|  | Công ty cổ phần giấy Việt Đức Anh | 1 |  |
|  | Ban Quản lý Dự án xây dựng giao thông Bắc Ninh | 2 |  |
|  | Công ty giấy và bao bì Phú Cường (TNHH) | 1 |  |
| **3** | **Bắc Giang** | **1** |  |
|  | Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Bắc Giang | 1 |  |
| **4** | **Bình Dương** | **8** |  |
|  | Công ty Cổ phần nhựa Youl Chon Vina | 2 |  |
|  | Công ty TNHH Huhtamaki (Việt Nam) | 2 |  |
|  | Công ty TNHH Thương mai - Dịch vụ Tân Hiệp Phát | 2 |  |
|  | Công ty cổ phần thép Tuệ Minh | 1 |  |
|  | Công ty TNHH Guyomarc’h Việt Nam | 1 |  |
| **5** | **Bến Tre** | **3** |  |
|  | Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre | 3 |  |
| **6** | **Đà Nẵng** | **9** |  |
|  | Xí nghiệp Địa kỹ thuật và Kiểm định công trình – Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình giao thông 5 | 4 |  |
|  | Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 3 | 4 |  |
|  | Công ty TNHH MTV Giấy Thành Bắc | 1 |  |
| **7** | **Hà Nội** | **2086** |  |
|  | Trung tâm đánh giá không phá hủy | 1043 |  |
|  | Viện khoa học và kỹ thuật hạt nhân | 269 |  |
|  | Viện Công nghệ Xạ hiếm | 9 |  |
|  | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên | 65 |  |
|  | Viện Vật lý kỹ thuật – Đại học Bách khoa Hà Nội | 9 |  |
|  | Liên đoàn vật lý địa chất | 686 |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn | 2 |  |
|  | Công ty cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây | 3 |  |
| **8** | **Hải Dương** | **2** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Trung Hải- Hải Dương | 2 |  |
| **9** | **Hải Phòng** | **12** |  |
|  | Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng | 4 |  |
|  | Công ty cổ phần Thép Cửu Long Vinashin | 6 |  |
|  | Công ty cổ phần luyện thép cao cấp Việt Nhật | 2 |  |
| **10** | **Hồ Chí Minh** | **42** |  |
|  | Trung tâm Hạt Nhân TP Hồ Chí Minh | 23 |  |
|  | Công ty TNHH Vilam Engineering Việt Nam | 4 |  |
|  | Bệnh viện truyền máu huyết học | 1 |  |
|  | Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh | 4 |  |
|  | Viện Khoa học thủy lợi Miền Nam | 2 |  |
|  | Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh | 5 |  |
|  | Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam | 2 |  |
|  | Công ty cổ phần tư vấn khảo sát dầu khí PVE | 1 |  |
| **11** | **Hưng Yên** | **6** |  |
|  | Công ty TNHH PIC Việt Nam | 3 |  |
|  | Công ty TNHH Gia Anh Hưng Yên | 3 |  |
| **12** | **Kiên Giang** | **3** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang | 3 |  |
| **13** | **Lâm Đồng** | **860** |  |
|  | Viện Nghiên cứu Hạt nhân | 858 |  |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng | 2 |  |
| **14** | **Phú Thọ** | **36** |  |
|  | Nhà máy giấy Bãi Bằng – Tổng Công ty giấy Việt Nam | 10 |  |
|  | Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao | 25 |  |
|  | Công ty cổ phần giấy Việt Trì | 1 |  |
| **15** | **Quảng Ninh** | **18** |  |
|  | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 13 |  |
|  | Công ty Cổ phần xi măng Thăng Long | 5 |  |
| **16** | **Thanh Hoá** | **106** |  |
|  | Công ty cổ phần Xi măng Bỉm Sơn | 88 |  |
|  | Công ty cổ phần Mía đường Nông Cống | 2 |  |
|  | Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 16 |  |
| **17** | **Thừa Thiên Huế** | **6** |  |
|  | Công ty hữu hạn Xi măng Lucks (Việt Nam) | 5 |  |
|  | Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế | 1 |  |
| **18** | **Đồng Nai** | **16** |  |
|  | Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai | 16 |  |
| **19** | **Cần Thơ** | **3** |  |
|  | Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất nhập khẩu Phong Dinh | 1 |  |
|  | Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ | 2 |  |
| **20** | **Hà Nam** | **1** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long | 1 |  |
| **21** | **Lào Cai** | **7** |  |
|  | Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai | 2 |  |
|  | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lào Cai | 1 |  |
|  | Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung | 4 |  |
| **22** | **Tiền Giang** | **1** |  |
|  | Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam - Tiền Giang | 1 |  |
| **23** | **Hậu Giang** | **2** |  |
|  | Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ | 2 |  |
| **24** | **Quảng Nam** | **1** |  |
|  | Công ty cổ phần giấy Sài Gòn miền Trung | 1 |  |
| **25** | **Quảng Bình** | **2** |  |
|  | Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm – Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Quảng Bình | 2 |  |
| **26** | **Thái Nguyên** | **4** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI | 4 |  |
| **27** | **Hòa Bình** | **2** |  |
|  | Công ty Cổ phần xi măng Vinaconex Lương Sơn Hòa Bình | 2 |  |
| **28** | **Khánh Hòa** | **1** |  |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa | 1 |  |
| **Tổng cộng** | | **3.262** |  |